

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

Số: 36/2013/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thái Nguyên, ngày 21 tháng 12 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

PHÊ DUYỆT GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN NĂM 2014

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất; Nghị định số 123/2007/NĐ-CP ngày 27/7/2007 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Căn cứ Thông tư số 145/2007/TT-BTC ngày 06/12/2007 của Bộ Tài Chính, hướng dẫn thực hiện Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 và Nghị định số 123/2007/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 02/2010/TTLT-BTNMT-BTC ngày 08/01/2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường - Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng, thẩm định, ban hành bảng giá đất và điều chỉnh bảng giá đất thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị Quyết số 23/2013/NQ-HĐND ngày 12/12/2013 của HĐND tỉnh khoá XII, kỳ họp thứ 8 về quy định khung giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên năm 2014;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 358/TTr-STNMT ngày 05/11/2013 về việc đề nghị phê duyệt giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên năm 2014; văn bản số 2473/STC-QLG ngày 29/10/2013 của Sở Tài chính Thái Nguyên về việc thẩm định Bảng giá các loại đất năm 2014 trên địa bàn tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên năm 2014, với nội dung cụ thể như sau:

(Quy định giá các loại đất và các phụ lục chi tiết số 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09 kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Giá các loại đất được quy định sử dụng làm căn cứ để:

a) Tính thuế đối với việc sử dụng đất và thuế thu nhập từ chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật;

b) Tính tiền sử dụng đất và tiền thuê đất khi giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất cho các trường hợp quy định tại điều 34 và 35 của Luật Đất đai năm 2003;

c) Tính giá trị quyền sử dụng đất khi giao đất không thu tiền sử dụng đất cho các tổ chức cá nhân trong các trường hợp quy định tại điều 33 của Luật Đất đai năm 2003;

d) Xác định giá trị quyền sử dụng đất để tính vào giá trị tài sản của doanh nghiệp nhà nước khi doanh nghiệp cổ phần hoá, lựa chọn hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất theo quy định tại khoản 3 điều 59 của Luật Đất đai năm 2003;

đ) Tính giá trị quyền sử dụng đất để thu lệ phí trước bạ theo quy định của pháp luật;

e) Tính giá trị quyền sử dụng đất để bồi thường khi nhà nước thu hồi đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng và phát triển kinh tế theo quy định tại Điều 39, Điều 40 của Luật Đất đai năm 2003;

g) Tính tiền bồi thường đối với người có hành vi vi phạm pháp luật về đất đai mà gây thiệt hại cho Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Cục Thuế tỉnh hướng dẫn UBND các huyện, thành phố, thị xã tổ chức thực hiện.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Công Thương, Giao thông Vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các sở, ngành liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2014./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nhữ Văn Tâm

QUY ĐỊNH

GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN NĂM 2014
(Ban hành kèm theo Quyết định số 36/2013/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

A. BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT

I. GIÁ ĐẤT NÔNG NGHIỆP

1. Bảng giá đất trồng lúa nước:

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

TT	Tên đơn vị hành chính	VÙNG											
		Trung du			Miền núi khu vực I			Miền núi khu vực II			Miền núi khu vực III		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1	T. phố Thái Nguyên	60	57	54	55	52	49						
2	Thị xã Sông Công	57	54	51				50	47	44			
3	Huyện Phổ Yên, Phú Bình	56	53	50	51	48	45	50	47	44	49	46	43
4	Huyện Đồng Hỷ, Đại Từ, Phú Lương				47	44	41	43	40	37	36	33	30
5	Huyện Võ Nhai							38	35	32	34	31	28
6	Huyện Định Hoá				42	39	36	40	37	34	38	35	32

2. Bảng giá đất trồng cây hàng năm còn lại:

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²²

TT	Tên đơn vị hành chính	VÙNG											
		Trung du			Miền núi khu vực I			Miền núi khu vực II			Miền núi khu vực III		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1	T. phố Thái Nguyên	53	50	47	49	46	43						
2	Thị xã Sông Công	51	48	45				45	42	39			
3	Huyện Phổ Yên, Phú Bình	51	48	45	46	43	40	44	41	38	42	39	36
4	Huyện Đồng Hỷ, Đại Từ, Phú Lương				43	40	37	39	36	33	35	32	29
5	Huyện Võ Nhai							37	34	31	33	30	27
6	Huyện Định Hoá				41	38	35	39	36	33	37	34	31

3. Bảng giá đất trồng cây lâu năm:

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

TT	Tên đơn vị hành	VÙNG
----	-----------------	------

	chính	Trung du			Miền núi khu vực I			Miền núi khu vực II			Miền núi khu vực III		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1	T. phố Thái Nguyên	49	46	43	45	42	39						
2	Thị xã Sông Công	48	45	42				42	39	36			
3	Huyện Phổ Yên, Phú Bình	48	45	42	44	41	38	42	39	36	40	37	34
4	Huyện Đồng Hỷ, Đại Từ, Phú Lương				40	37	34	36	33	30	33	30	27
5	Huyện Võ Nhai							34	31	28	31	28	25
6	Huyện Định Hoá				38	35	32	36	33	30	34	31	28

4. Bảng giá đất rừng sản xuất:

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

TT	Tên đơn vị hành chính	VÙNG											
		Trung du			Miền núi khu vực I			Miền núi khu vực II			Miền núi khu vực III		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1	T. phố Thái Nguyên	22	19	16	18	15	12						
2	Thị xã Sông Công	22	19	16				16	13	10			
3	Huyện Phổ Yên, Phú Bình	22	19	16	18	15	12	16	13	10	15	12	9
4	Huyện Đồng Hỷ, Đại Từ, Phú Lương				16	13	10	13	11	9	11	9	8
5	Huyện Võ Nhai							12	10	8	10	8	7
6	Huyện Định Hoá				15	12	10	13	11	9	12	10	8

5. Bảng giá đất nuôi trồng thủy sản:

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

TT	Tên đơn vị hành chính	VÙNG											
		Trung du			Miền núi khu vực I			Miền núi khu vực II			Miền núi khu vực III		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1	T. phố Thái Nguyên	43	40	37	40	37	34						

2	Thị xã Sông Công	41	38	35				36	33	30			
3	Huyện Phổ Yên, Phú Bình	41	38	35	38	35	32	36	33	30	35	32	29
4	Huyện Đồng Hỷ, Đại Từ, Phú Lương				31	28	25	28	25	22	25	23	21
5	Huyện Võ Nhai							27	24	22	24	22	20
6	Huyện Định Hoá				30	27	24	28	25	23	27	24	22

6. Bảng giá đất nông nghiệp khác (Bao gồm đất tại nông thôn sử dụng để xây dựng nhà kính và các loại nhà khác phục vụ mục đích trồng trọt kể cả các hình thức trồng trọt không trực tiếp trên đất; xây dựng chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm và các loại động vật khác được pháp luật cho phép; xây dựng trạm, trại nghiên cứu thí nghiệm nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, xây dựng cơ sở ươm tạo cây giống, con giống; xây dựng kho, nhà của hộ gia đình, cá nhân để chứa nông sản, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, máy móc, công cụ sản xuất nông nghiệp):

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

TT	Tên đơn vị hành chính	VÙNG											
		Trung du			Miền núi khu vực I			Miền núi khu vực II			Miền núi khu vực III		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1	T. phố Thái Nguyên	53	50	47	49	46	43						
2	Thị xã Sông Công	51	48	45				45	42	39			
3	Huyện Phổ Yên, Phú Bình	51	48	45	46	43	40	44	41	38	42	39	36
4	Huyện Đồng Hỷ, Đại Từ, Phú Lương				43	40	37	39	36	33	35	32	29
5	Huyện Võ Nhai							37	34	31	33	30	27
6	Huyện Định Hoá				41	38	35	39	36	33	37	34	31

II. GIÁ ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP

1. Khung giá đất ở

a) Khung giá đất ở tại nông thôn:

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

TT	VÙNG	KHUNG GIÁ	
		Giá tối thiểu	Giá tối đa
1	Trung du	250	6.000

2	Miền núi	70	4.500
---	----------	----	-------

Bảng giá đất ở tại nông thôn bám các trục giao thông: quốc lộ, tỉnh lộ, liên xã, các đầu mối giao thông, khu thương mại, khu du lịch, khu công nghiệp trên địa bàn các huyện, thành phố Thái Nguyên và thị xã Sông Công (Như phụ lục 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 kèm theo).

b) Khung giá đất ở tại đô thị:

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

Số TT	LOẠI ĐÔ THỊ	KHUNG GIÁ	
		Giá tối thiểu	Giá tối đa
1	Thành phố Thái Nguyên	400	30.000
2	Thị xã Sông Công	400	12.000
3	Thị trấn trung tâm các huyện	200	8.040
4	Các thị trấn khác ngoài thị trấn trung tâm huyện	150	4.500

(Ghi chú: Các thị trấn không thuộc trung tâm huyện, bao gồm: thị trấn Quân Chu, thị trấn Bắc Sơn, thị trấn Bãi Bông, thị trấn Sông Cầu, thị trấn Trại Cau, thị trấn Giang Tiên)

Bảng giá đất ở tại các đô thị, bám đường phố, trục giao thông chính trên địa bàn các huyện, thành phố Thái Nguyên và thị xã Sông Công (Như phụ lục 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 kèm theo).

2. Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp; đất sử dụng vào mục đích công cộng (không bao gồm đất xây dựng nhà bảo tàng, nhà bảo tồn, nhà trưng bày tác phẩm nghệ thuật, cơ sở sáng tác văn hóa nghệ thuật):

Giá đất được tính bằng 60% giá đất ở tại vị trí đó.

3. Đất trụ sở cơ quan, đất xây dựng công trình sự nghiệp; đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh; đất xây dựng nhà bảo tàng, nhà bảo tồn, nhà trưng bày tác phẩm nghệ thuật, cơ sở sáng tác văn hóa nghệ thuật; đất tôn giáo, tín ngưỡng (bao gồm đất có các công trình tôn giáo gồm chùa, nhà thờ, thánh thất, thánh đường, tu viện, trường đào tạo riêng của tôn giáo; đất trụ sở của tổ chức tôn giáo và các cơ sở khác của tôn giáo được Nhà nước cho phép hoạt động; đất có các công trình tín ngưỡng dân gian gồm đình, đền, miếu, am, từ đường, nhà thờ họ):

Giá đất được tính bằng mức giá đất ở tại vị trí đó.

4. Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa:

Giá đất được tính bằng 60% giá đất ở tại vị trí đó.

5. Đất phi nông nghiệp khác (bao gồm: đất làm nhà nghỉ, lán trại, nhà tạm (không phải là nhà ở) để người lao động sử dụng tại các trang trại ở nông thôn; đất để xây dựng cơ sở sản xuất dịch vụ nông, lâm, ngư nghiệp tại đô thị như xây dựng nhà kính và các loại nhà khác phục vụ mục đích trồng trọt (kể cả các hình thức trồng trọt không trực tiếp trên đất), xây dựng chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm và các loại động vật khác được pháp luật cho phép, xây dựng trạm, trại nghiên cứu thí nghiệm nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, xây dựng cơ sở ương tạo cây giống, con giống, xây dựng kho, nhà của hộ gia đình, cá nhân để chứa nông sản, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, máy móc, công cụ sản xuất nông nghiệp):

Giá đất được tính bằng 60% giá đất ở tại vị trí đó.

III. GIÁ ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG:

Đối với các loại đất chưa xác định mục đích sử dụng (bao gồm đất bằng chưa sử dụng, đất đồi núi chưa sử dụng, núi đá không có rừng cây), khi được cấp có thẩm quyền cho phép đưa vào sử dụng, căn cứ vào giá đất cùng loại, cùng mục đích sử dụng để định giá đất cụ thể.

B. HƯỚNG DẪN ÁP DỤNG BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT

I. NGUYÊN TẮC PHÂN VÙNG ĐẤT, XÁC ĐỊNH VỊ TRÍ ĐẤT

1. NHÓM ĐẤT NÔNG NGHIỆP.

1.1. Phân vùng đất:

- Vùng trung du: Bao gồm các xã, phường của thành phố Thái Nguyên; các xã, phường thuộc thị xã Sông Công; các xã, thị trấn thuộc huyện Phổ Yên và huyện Phú Bình (trừ các xã là miền núi theo quy định tại Quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 19/9/2013 của Ủy ban dân tộc).

- Vùng miền núi: Bao gồm các xã, thị trấn miền núi trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 19/9/2013 của Ủy ban dân tộc.

1.2. Xác định vị trí đất nông nghiệp:

a) Vị trí 1: Là đất nông nghiệp có địa hình bằng phẳng, có chất đất tốt nhất, có điều kiện tưới tiêu thuận tiện, thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở nhưng không được xác định là đất ở;

- Đất nông nghiệp nằm trong phạm vi địa giới hành chính phường, trong phạm vi khu dân cư thị trấn, khu dân cư nông thôn đã được xác định ranh giới theo quy hoạch được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt;

- Trường hợp đất nông nghiệp nằm trong phạm vi khu dân cư thị trấn, khu dân cư nông thôn chưa có quy hoạch được duyệt, thì xác định theo ranh giới của thửa đất có nhà ở ngoài cùng của khu dân cư tập trung.

- Đất nông nghiệp tính từ mép trục giao thông là quốc lộ, tỉnh lộ, đường nối với quốc lộ, tỉnh lộ (đường nối cùng cấp đường tỉnh lộ), có chiều sâu vào ≤ 500 m; hoặc đất nông nghiệp cách ranh giới ngoài cùng của chợ nông thôn, khu dân cư tập trung ≤ 500 m.

b) Vị trí 2: Là đất nông nghiệp thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Đất nông nghiệp tiếp theo vị trí 1 nói trên + 500 m

- Đất nông nghiệp tính từ mép trục giao thông liên huyện, liên xã (không phải là tỉnh lộ, quốc lộ) có chiều sâu vào ≤ 500 m, đường rộng $\geq 2,5$ m

c) Vị trí 3: Là vị trí đất nông nghiệp không đủ các điều kiện là vị trí 2.

2. NHÓM ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP

2.1. Đất ở tại nông thôn: Là đất ở tại các xã trên địa bàn tỉnh.

2.1.1. Phân vùng đất ở tại nông thôn: được phân theo địa giới hành chính cấp xã của vùng Trung du, miền núi như quy định tại tiết 1.1 điểm 1 mục I phần B.

2.1.2. Phân loại đất ở nông thôn áp dụng đối với thị xã Sông Công và các huyện (Riêng phân loại đất ở nông thôn tại thành phố Thái Nguyên áp dụng theo mục III của Phụ lục số 1 kèm theo).

Việc phân loại đất căn cứ vào các yếu tố: Khả năng sinh lợi, giá trị sử dụng, vị trí và giá đất thực tế ở địa phương. Tiêu chí phân loại cụ thể như sau:

a) Loại 1: Các ô thửa đất có vị trí thuận lợi nhất, có khả năng sinh lợi cao nhất trong khu vực, thoả mãn một trong những điều kiện sau:

- Bám đường giao thông là đường đất, đường cấp phối, có đường rộng lớn hơn hoặc bằng 3,5 m.
- Bám đường giao thông là đường bê tông, đường nhựa, có mặt đường rộng lớn hơn hoặc bằng 2,5 m.
- Cách chợ, trung tâm xã, trường học, khu công nghiệp, quốc lộ, tỉnh lộ không quá 200 m, có đường vào lớn hơn hoặc bằng 2 m.

b) Loại 2: Các ô thửa đất có vị trí, khả năng sinh lợi kém loại 1, thoả mãn một trong những điều kiện sau:

- Bám đường giao thông là đường đất, đường cấp phối, có đường rộng nhỏ hơn 3,5 m nhưng lớn hơn hoặc bằng 2,5 m.
- Bám đường giao thông là đường bê tông, đường nhựa, có (mặt) đường rộng nhỏ hơn 2,5 m, nhưng lớn hơn hoặc bằng 2,0 m.
- Cách chợ, trung tâm xã, trường học, khu công nghiệp, quốc lộ, tỉnh lộ không quá 200 m, có đường vào nhỏ hơn 2 m.
- Cách chợ, trung tâm xã, quốc lộ, tỉnh lộ qua 200 m đến 500 m, có đường vào lớn hơn hoặc bằng 2 m.
- Cách đường liên xã, đường liên thôn không quá 200 m, có đường vào lớn hơn hoặc bằng 2 m.

c) Loại 3: Các ô thửa đất có vị trí, khả năng sinh lợi kém loại 2; thoả mãn một trong những điều kiện sau:

- Cách chợ, trung tâm xã, quốc lộ, tỉnh lộ qua 500 m đến 1.000 m, có đường vào lớn hơn hoặc bằng 2 m.
- Cách đường liên xã, đường liên thôn qua 200 m đến 500 m, có đường vào lớn hơn hoặc bằng 2 m.

d) Loại 4: Các ô thửa đất có vị trí, khả năng sinh lợi kém loại 3, không đủ các điều kiện trên.

2.2. Đất ở tại đô thị: Là đất ở tại các phường thuộc thành phố Thái Nguyên, thị xã Sông Công và thị trấn thuộc các huyện.

II. ÁP DỤNG BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT

1. Giá đất nông nghiệp

1.1. Giá đất quy định trong bảng giá được áp dụng theo đơn vị hành chính cấp huyện.

1.2. Trường hợp đất nông nghiệp (không bao gồm đất rừng sản xuất, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, đất nuôi trồng thủy sản) có một hoặc các điều kiện sau:

- Có địa hình không phẳng, độ dốc lớn hơn hoặc bằng 5%;
- Có sỏi, đá trên bề mặt, ruộng sâu trũng, không thuận lợi trong sản xuất nông nghiệp.

Mức giá đất được xác định bằng 95% giá đất nông nghiệp tại vị trí đó.

2. Giá đất ở:

2.1. Giá đất ở tại đô thị, đất ở tại nông thôn bám các trục giao thông chính, khu thương mại, khu du lịch, khu công nghiệp, được thể hiện trong các phụ lục số: 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09 áp dụng cho các khu dân cư hiện có. Mức giá đất quy định tại các phụ lục được áp dụng đối với đất ở cùng thửa, bám đường phố hoặc trục giao thông, tính từ mép lộ giới giao thông hiện tại (Quốc lộ, tỉnh lộ, đường phố trong đô thị) vào không quá 30 m, có độ chênh lệch cao (hoặc thấp) hơn mặt đường hiện tại nhỏ hơn 1,5 m {mặt bằng cốt đường hiện tại (cốt 00)}

- Đối với đất ở tại nông thôn ngoài các trục giao thông chính, khu thương mại, khu du lịch, khu công nghiệp chưa được quy định chi tiết, thì áp dụng theo bảng giá đất ở tại nông thôn. Giá đất trong trường hợp này được xác định theo loại đất ở nông thôn, không phân vị trí trong cùng thửa đất.

2.2. Trường hợp đất ở cùng thửa, bám đường phố hoặc trục giao thông, tính từ mép lộ giới đường phố hoặc trục giao thông hiện tại vào lớn hơn 30 m, thì giá đất được xác định cho từng vị trí như sau:

- Vị trí 1: Từ mép lộ giới đường phố, trục giao thông hiện tại vào 30 m, giá đất xác định bằng giá đất ở bám các đường phố, trục giao thông theo quy định tại vị trí đó;
- Vị trí 2: Tiếp theo vị trí 1 + 75 m, giá đất xác định bằng 50% giá đất của vị trí 1;
- Vị trí 3: Tiếp theo vị trí 2 + 300 m, giá đất xác định bằng 50% giá đất của vị trí 2;
- Vị trí 4: Tiếp theo vị trí 3 đến hết đất, giá đất xác định bằng 50% giá đất của vị trí 3.

Mức giá đất từ vị trí 2, vị trí 3, vị trí 4 xác định như trên nhưng không được thấp hơn mức giá tối thiểu của đất ở quy định trong vùng.

2.3. Giá đất ở quy định tại các trục phụ trong bảng giá:

- Giá đất ở tại trục phụ được xác định tính từ sau vị trí 1 của đường chính.
- Giá đất ở thuộc đường nhánh của trục phụ được xác định từ sau vị trí 1 của trục phụ.
- Giá đất ở thuộc ngách của đường nhánh, được xác định từ sau vị trí 1 của đường nhánh.

2.4. Trường hợp các ô thửa đất ở bám các trục giao thông đã có trong bảng giá, nhưng mức giá đất ở chưa thể hiện hết toàn tuyến, thì những đoạn còn lại cứ 250 m tiếp theo được xác định như sau:

- Trường hợp đoạn đường có cơ sở hạ tầng tương đương với đoạn đã có giá quy định, thì mức giá được xác định bằng 95% mức giá của đoạn đường tiếp giáp đã quy định giá, nhưng không được thấp hơn mức giá đất ở tối thiểu đã quy định trong vùng.

- Trường hợp đoạn đường còn lại trên tuyến, có cơ sở hạ tầng và đường nhỏ hơn không quá 20% đoạn đường tiếp giáp đã quy định giá, thì mức giá xác định bằng 80% mức giá đoạn đường tiếp giáp, nhưng không được thấp hơn mức giá đất ở tối thiểu quy định trong vùng.

2.5. Trường hợp các ô đất, thửa đất ở bám các trục phụ chưa được nêu ở bảng giá thì giá đất ở được xác định giá như sau:

- Trường hợp trục phụ có cơ sở hạ tầng và khả năng sinh lợi tương đương với trục phụ gần nhất trong khu vực đã được quy định giá, thì giá đất được xác định bằng giá đất đã quy định tại trục phụ tương đương gần nhất đó.

- Trường hợp trục phụ có cơ sở hạ tầng và khả năng sinh lợi kém trục phụ gần nhất trong khu vực đã được quy định giá, có đường nhỏ hơn không quá 20% trục phụ gần nhất đã quy định giá, thì giá đất được áp dụng tính bằng 80% mức giá so với trục phụ đó, nhưng không được thấp hơn mức giá đất ở tối thiểu quy định trong vùng.

- Trường hợp trục phụ có cơ sở hạ tầng và khả năng sinh lợi kém trục phụ gần nhất trong khu vực đã được quy định giá, có đường nhỏ hơn từ trên 20% đến không quá 30% trục phụ gần nhất đã quy định giá, thì giá đất được áp dụng tính bằng 70% mức giá so với trục phụ đó, nhưng không được thấp hơn mức giá đất ở tối thiểu quy định trong vùng.

- Trường hợp trục phụ có cơ sở hạ tầng và khả năng sinh lợi kém trục phụ gần nhất trong khu vực đã được quy định giá, có đường nhỏ hơn từ trên 30% đến không quá 50% trục phụ gần nhất đã quy định giá, thì giá đất được áp dụng tính bằng 50% mức giá so với trục phụ đó, nhưng không được thấp hơn mức giá đất ở tối thiểu quy định trong vùng.

2.6. Các trường hợp ô đất, thửa đất ở bám các đường nhánh của trục phụ, vào không quá 100 m, giá đất được xác định như sau:

- Đường có cơ sở hạ tầng tương đương trục phụ thì giá đất được tính bằng 95% giá đất trục phụ.

- Đường có cơ sở hạ tầng và khả năng sinh lợi kém trục phụ, đường nhỏ hơn không quá 20% trục phụ, thì giá đất được áp dụng tính bằng 80% mức giá đất của trục phụ, nhưng không được thấp hơn mức giá đất ở tối thiểu quy định trong vùng.

- Đường có cơ sở hạ tầng và khả năng sinh lợi kém trục phụ, có đường nhỏ hơn từ trên 20% đến không quá 30% trục phụ, thì giá đất được áp dụng tính bằng 70% mức giá đất của trục phụ, nhưng không được thấp hơn mức giá đất ở tối thiểu quy định trong vùng.

- Đường có cơ sở hạ tầng và khả năng sinh lợi kém trục phụ, có đường nhỏ hơn từ trên 30% đến không quá 50% trục phụ, thì giá đất được áp dụng tính bằng 50% mức giá đất của trục phụ, nhưng không được thấp hơn mức giá đất ở tối thiểu quy định trong vùng.

2.7. Các trường hợp ô đất, thửa đất bám các đường ngách của các nhánh trục phụ, vào không quá 100 m, giá đất được xác định như cách xác định giá đất tại tiết 2.6 điểm 2 mục II phần B này.

Mức giá xác định không được thấp hơn mức giá đất ở tối thiểu quy định trong vùng

2.8. Một số trường hợp cụ thể khác

a) Các ô đất, thửa đất liền kề vị trí 1 của các đường phố, trục giao thông đã quy định trong bảng giá:

- Trường hợp đường vào là ngõ chưa kể tên, vào không quá 100 m, mức giá được xác định như sau:

+ Đường vào từ 2 m đến nhỏ hơn 3,5 m: Giá đất xác định bằng 25% so với giá đất của thửa đất mặt đường liền kề;

+ Đường vào nhỏ hơn 2 m: Giá đất được xác định bằng 22% so với giá đất của thửa đất mặt đường liền kề;

- Trường hợp vào vượt quá 100 m, giá đất được xác định như cách xác định tại tiết 2.4, điểm 2.

b) Trường hợp thửa đất liền kề với vị trí 1 của các đường phố, trục giao thông đã quy định trong bảng giá, nhưng không có đường vào, mức giá đất tính bằng 20% giá đất tại vị trí của thửa đất mặt đường liền kề.

Mức giá xác định tại tiết 2.8 này không được thấp hơn mức giá đất ở tối thiểu quy định trong vùng.

2.9. Đối với các thửa đất ở nằm bên kia đường sắt (bám theo đường sắt), đường sắt song song giáp với đường bộ, thì giá đất xác định như sau:

- Trường hợp vị trí đất ở giáp với lộ giới đường sắt, từ đường bộ vượt qua đường sắt vào thẳng đất ở, giá đất được xác định bằng 70% giá đất ở bám trục đường bộ theo quy định tại vị trí đó.

- Trường hợp từ đường bộ vào đất ở phải đi theo đường gom, thì giá đất được xác định theo từng vị trí cụ thể.

2.10. Đối với các thửa đất ở phía sau đất nông nghiệp, tính từ mép đường giao thông hiện tại đến đất ở có chiều sâu vào không quá 30 m, giá đất ở được xác định như sau:

- Trường hợp có đường vào lớn hơn (hoặc) bằng 6 m thì phần đất ở từ giáp đất nông nghiệp vào không quá 30 m được tính bằng 70% giá đất ở bám trục đường giao thông theo quy định tại vị trí đó.

- Trường hợp có đường vào nhỏ hơn 6m nhưng lớn hơn hoặc bằng 3,5 m, mức giá tính bằng 60% giá đất ở bám trục đường giao thông theo quy định tại vị trí đó.

- Nếu có đường vào nhỏ hơn 3,5 m, mức giá tính bằng 50% giá đất ở bám trục đường giao thông theo quy định tại vị trí đó.

Chiều sâu đất ở quy định tại điểm này, tính từ đất nông nghiệp vào không quá 30 m thì xác định như trên. Nếu chiều sâu đất ở tính từ đất nông nghiệp vào lớn hơn 30 m thì giá đất được xác định như quy định tiết 2.2 điểm 2 mục II phần B này.

2.11. Trường hợp đất nông nghiệp giáp lộ giới giao thông quy hoạch, khi được phép chuyển đổi mục đích sử dụng thành đất ở mà có phần diện tích đất nông nghiệp bám trục giao thông nằm trong lộ giới hành lang an toàn giao thông chưa được thu hồi và không được chuyển mục đích sử dụng, thì giá đất ở để tính thu tiền chuyển mục đích sử dụng đất đối với phần diện tích đất nông nghiệp phía sau hành lang an toàn giao thông là giá đất ở tại vị trí 1, bám trục giao thông đã quy định tại vị trí đó.

2.12. Giá đất quy định trên các đường phố, trục giao thông được xác định theo mặt bằng cốt đường hiện tại (cốt 00) làm chuẩn. Các vị trí đất có độ chênh lệch cao (hoặc thấp) hơn mặt đường nhỏ hơn 1,5 m,

giá đất xác định bằng 100% mức giá đất đã được quy định tại vị trí đó. Trường hợp thửa đất có vị trí chênh lệch cao (hoặc thấp) hơn mặt đường hiện tại từ 1,5 m trở lên, mức giá được xác định như sau:

a) Trường hợp đất có vị trí chênh lệch cao hơn mặt đường hiện tại:

- Cao hơn từ 1,5 m đến nhỏ hơn 3m, giảm giá 5% so với giá quy định tại vị trí, nhưng mức giảm tuyệt đối tối đa không được quá 75.000 đồng/m².

- Cao hơn từ 3 m đến nhỏ hơn 4,5 m, giảm giá 10% so với giá quy định tại vị trí, nhưng mức giảm tuyệt đối tối đa không được quá 100.000 đồng/m².

- Cao hơn từ 4,5 m trở lên, giảm giá 13% so với giá quy định tại vị trí, nhưng mức giảm tuyệt đối tối đa không được quá 150.000 đồng/m².

b) Trường hợp đất có vị trí chênh lệch thấp hơn mặt đường:

- Thấp hơn từ 1,5 m đến nhỏ hơn 3 m, giảm giá 10% so với giá quy định tại vị trí, nhưng mức giảm tuyệt đối tối đa không được quá 100.000 đồng/m².

- Thấp hơn từ 3 m đến nhỏ hơn 5,5 m, giảm giá 15% so với giá quy định tại vị trí, nhưng mức giảm tuyệt đối tối đa không được quá 180.000 đồng/m².

- Thấp hơn từ 5,5 m trở lên, giảm giá 20% so với giá quy định tại vị trí, nhưng mức giảm tuyệt đối tối đa không được quá 250.000 đồng/m².

2.13. Trường hợp đất ở có vị trí bám 2 mặt đường:

- Trường hợp đường phố, trục giao thông lớn hơn hoặc bằng 3,5 m được tính hệ số tối đa 1,1 lần so với giá tại vị trí đường phố có mức giá cao hơn.

- Trường hợp có đường phố, trục giao thông chính và 1 đường phụ lớn hơn 2 m nhưng nhỏ hơn 3,5 m, được tính hệ số đa là 1,05 lần so với giá đất tại vị trí đường phố, trục giao thông chính có mức giá cao hơn.

- Trường hợp ô, thửa đất ở bám đường phố, trục giao thông và giáp một bên là đất công cộng có không gian thoáng đãng, được tính hệ số tối đa 1,1 lần so với giá đất tại vị trí của đường phố, trục giao thông đó.

2.14. Trường hợp các ô đất (thửa đất) ở vị trí có trùng 2 mức giá trở lên, thì xác định giá theo mức giá cao nhất.

3. Đối với đất chuyên dùng:

Trường hợp đất sản xuất kinh doanh thuộc phạm vi bảo vệ hành lang an toàn lưới điện Quốc gia (Trường hợp đất sản xuất kinh doanh mua bán, truyền tải điện): giá đất để xác định đơn giá thuê đất được giảm trừ 20% so với giá đất cùng mục đích sử dụng tại vị trí.

III. XÁC ĐỊNH GIÁ ĐẤT TRONG MỘT SỐ TRƯỜNG HỢP CỤ THỂ:

1. Trường hợp đất ở tại các khu mới thực hiện quy hoạch để đấu giá quyền sử dụng đất, giao đất có thu tiền sử dụng đất; Đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị chưa quy định chi tiết trong bảng giá khi thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng hoặc chuyển mục đích sử dụng đất thì UBND các huyện, thành phố, thị

xã lập phương án giá đất gửi Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế và các cơ quan có liên quan thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo từng thời điểm.

2. Trường hợp khi Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất, cho thuê đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và trường hợp doanh nghiệp nhà nước tiến hành cổ phần hóa lựa chọn hình thức giao đất, mà giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại Quyết định này áp dụng tại thời điểm giao đất, cho thuê đất, thời điểm quyết định thu hồi đất, thời điểm tính giá đất vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa chưa sát với giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất thực tế trên thị trường trong điều kiện bình thường thì UBND các huyện, thành phố, thị xã căn cứ vào giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất thực tế trên thị trường lập phương án giá đất gửi Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế và các cơ quan có liên quan xác định lại giá đất cụ thể trình UBND tỉnh quyết định cho phù hợp, không bị giới hạn bởi khung giá đất quy định trên.

PHỤ LỤC SỐ 01

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN NĂM 2014

(Ban hành kèm theo Quyết định số 36/2013/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

I. Giá đất ở tại đô thị, giá đất ở tại nông thôn bám các trục giao thông chính, khu du lịch, khu thương mại, khu công nghiệp, các đầu mối giao thông

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

SỐ TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
I	ĐƯỜNG ĐỘI CÁN (Từ đảo tròn trung tâm qua Quảng trường 20/8 đến đường Bến Tượng)	
1	Toàn tuyến	30.000
	Trục phụ	
1	Rẽ cạnh nhà thi đấu tỉnh Thái Nguyên vào 100 m	7.000
II	ĐƯỜNG HOÀNG VĂN THỤ (Từ Đảo tròn trung tâm đến đường sắt Hà Thái)	
1	Từ đảo tròn Trung tâm đến ngã tư đường Nguyễn Huệ và đường Chu Văn An	30.000
2	Từ ngã tư rẽ đường Nguyễn Huệ và đường Chu Văn An đến đảo tròn Đồng Quang	27.000
3	Từ đảo tròn Đồng Quang đến đường sắt Hà Thái	17.000
	Trục phụ	
1	Ngõ số 2: Rẽ theo Khách sạn Thái Nguyên gặp đường Phủ Liễn (cạnh Sở Công nghiệp cũ)	9.000
2	Ngõ số 60: Rẽ cạnh Nhà trẻ 19/5 đi gặp ngõ số 2 cạnh Sở Công nghiệp cũ	8.500

3	Ngõ số 62: Rẽ cạnh UBND phường Hoàng Văn Thụ (cũ) gặp đường Phủ Liễn	9.000
4	Ngõ số 13: Rẽ theo hàng rào cạnh Điện lực Thái Nguyên	
4.1	Từ đường Hoàng Văn Thụ vào 100 m	7.500
4.2	Qua 100 m đến 200 m	5.500
5	Các đường trong KDC Phủ Liễn II thuộc tổ 22, phường Hoàng Văn Thụ	7.500
6	Ngõ rẽ vào đến trạm T12 (cạnh đường sắt Hà Thái)	3.500
7	Ngõ rẽ vào cạnh Sở Giao thông Vận tải gặp đường Ga Thái Nguyên	5.500
III	ĐƯỜNG CÁCH MẠNG THÁNG TÁM (Từ đảo tròn Trung tâm đến đảo tròn Gang Thép)	
1	Từ Đảo tròn Trung tâm đến Chi nhánh thành phố - Công ty Điện lực Thái Nguyên	20.000
2	Từ Chi nhánh thành phố - Công ty Điện lực Thái Nguyên đến gặp đường Phan Đình Phùng	18.000
3	Từ đường Phan Đình Phùng đến hết đất Ban Chỉ huy quân sự thành phố (gặp ngõ số 226)	15.000
4	Từ hết đất Ban Chỉ huy quân sự thành phố đến ngã 4 rẽ phố Xương Rồng	12.000
5	Từ ngã 4 rẽ phố Xương Rồng đến ngã ba Gia Sàng (gặp đường Bắc Nam)	10.000
6	Từ ngã ba Gia Sàng (Gặp đường Bắc Nam) đến ngã ba rẽ dốc Chọi Trâu	9.000
7	Từ Ngã ba rẽ dốc Chọi Trâu đến ngã tư rẽ đường Đồng Tiến và khu tập thể Cán A	7.000
8	Từ ngã tư rẽ đường Đồng Tiến và khu tập thể Cán A đến cầu Loàng	6.000
9	Từ Cầu Loàng đến đường sắt vào kho 3 mái Gang thép	5.500
10	Từ đường sắt vào kho 3 mái Gang thép đến đường sắt đi Kép	5.000
11	Từ đường sắt đi Kép đến đảo tròn Gang Thép	10.000
	Trục phụ	
1	Ngõ số 2: Rẽ theo hàng rào Sở Công Thương đến chân đồi Kô Kê	
1.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào đến 100 m	5.000
1.2	Qua 100 m đến 200 m về 2 phía	4.500
1.3	Qua 200 m đến 400 m (có mặt đường bê tông rộng $\geq 2,5$ m)	3.000
2	Rẽ phố Đàm Xanh: Theo hàng rào Bưu điện tỉnh Thái Nguyên đến gặp đường Minh Cầu	
2.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào 150 m	4.000
2.2	Qua 150 m đến gặp đường Minh Cầu	3.000
2.3	Các nhánh rẽ trên trục phụ, có mặt đường bê tông rộng $\geq 2,5$ m, vào 150 m	2.500
3	Ngõ số 38: Rẽ đối diện Công an tỉnh Thái Nguyên	
3.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào 100 m	3.500

3.2	Qua 100 m đến 250 m	3.000
4	Ngõ số 70: Vào 150 m	3.000
5	Ngõ số 90: Đối diện đường Nguyễn Du, vào 150 m	3.500
6	Ngõ số 132: Từ đường Cách mạng tháng Tám vào 2 phía 100m	3.000
7	Ngõ số 136: Từ đường Cách mạng tháng Tám vào 100 m	3.000
8	Rẽ cạnh số nhà 109 vào 100 m (tổ 21, phường Trưng Vương)	3.000
9	Ngõ số 226: Rẽ cạnh Thành đội vào hết đất Trung tâm Văn hoá thành phố	3.500
10	Ngõ số 277: Rẽ Trung tâm Y tế thành phố, vào đến ngã ba thứ nhất	4.000
11	Ngõ số 197: Rẽ đến cổng Trường tiểu học Nha Trang	3.500
12	Ngõ số 242: Rẽ KDC Viện Kiểm sát nhân dân thành phố cũ, vào 100 m	3.500
13	Ngõ số 248: Rẽ Ban kiến thiết Sở Thương mại cũ, vào 100 m	3.500
14	Ngõ số 235: Rẽ theo hàng rào Trung tâm bồi dưỡng Chính trị thành phố Thái Nguyên vào 100 m	3.500
15	Ngõ số 300: (Rẽ KDC Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị) vào 150 m	3.500
16	Ngõ số 309: Rẽ từ Trạm xăng dầu số 10 vào 100m	3.500
17	Rẽ vào Công ty Xây dựng số 2 ra đến cầu sắt giáp đất phường Túc Duyên (Đường phố Xương Rồng kéo dài)	
17.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám đến ngã ba rẽ Đoàn Nghệ thuật tỉnh Thái Nguyên	6.000
-	Các nhánh rẽ (thuộc đoạn 17.1) có mặt đường bê tông rộng $\geq 3,5$ m, vào 150m	3.000
17.2	Từ ngã ba rẽ Đoàn Nghệ thuật tỉnh Thái Nguyên đến cổng Công ty Xây dựng số 2	5.000
-	Các nhánh rẽ (thuộc đoạn 17.2) có mặt đường bê tông rộng $\geq 3,5$ m, vào 150m	2.500
17.3	Từ cổng Công ty Xây dựng số 2 ra đến cầu sắt giáp đất phường Túc Duyên	4.000
-	Các nhánh rẽ (thuộc đoạn 17.3) có mặt đường bê tông rộng $\geq 3,5$ m, vào 150m	2.500
18	Ngõ số 428: Rẽ vào Đền Xương Rồng	
18.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào đến ngã 3 rẽ cổng đền Xương Rồng	3.500
18.2	Từ ngã 3 rẽ cổng đền Xương Rồng đi KDC, vào 100m	3.000
19	Ngõ số 451 và ngõ rẽ cạnh số nhà 429	
19.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào 100m	3.000
19.2	Qua 100 đến 250m	2.500
20	Ngõ số 479: Rẽ vào xóm Xưởng đậu cũ phường Gia Sàng	
20.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào đến ngã ba	3.200
20.2	Từ ngã ba + 200m về 2 phía	2.800

21	Ngõ số 536:	
21.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào 100m	3.200
21.2	Từ qua 100m đến 300m	2.200
22	Ngõ số 728: Rẽ theo hàng rào chợ Gia Sàng	
22.1	Trục chính vào 100m	3.200
22.2	Qua 100m đến 250m	2.200
23	Ngõ số 882: Rẽ KDC số 1 phường Gia Sàng	
23.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào 100m	4.500
23.2	Qua 100m đến hết đất KDC quy hoạch số 1 P.Gia Sàng	3.500
23.3	Các đường nhánh trong KDC số 1 phường Gia Sàng đã xây dựng xong cơ sở hạ tầng	
23.3.1	+ Đường rộng $\geq 9m$	2.800
23.3.2	+ Đường rộng $\geq 3,5m$, nhưng $< 9m$	2.200
24	Ngõ số 604: Rẽ vào tổ nhân dân số 16, phường Gia Sàng (Đốc Chọi Trâu)	
24.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào 100m	2.800
24.2	Qua 100m đến ngã ba rẽ Trường THCS Gia Sàng	2.000
24.3	Ngã ba rẽ Trường THCS Gia Sàng đến gặp đường Thanh niên xung phong, có mặt đường bê tông $\geq 2,5m$	1.500
25	Ngõ 673: Rẽ vào Nhà văn hoá tổ 4, phường Gia Sàng	
25.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào 100m	2.000
25.2	Qua 100m đến 300m	1.600
26	Rẽ KDC số 9 Gia Sàng	
26.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào 450m (trục chính)	5.000
26.2	Các đường quy hoạch còn lại đã xong cơ sở hạ tầng	4.000
27	Ngõ số 728: Rẽ vào Trường THCS Gia Sàng	
27.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào 100m	2.200
27.2	Qua 100m đến gặp trục phụ rẽ từ ngõ số 604 (Đốc Chọi trâu)	1.800
28	Ngõ số 756: Rẽ vào khu tập thể cán A	
28.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào vào đến cổng khách sạn Hải Âu	3.000
28.2	Từ cổng Khách sạn Hải Âu vào 100m tiếp theo	2.200
28.3	Các trục ngang trong khu tập thể cán A có mặt đường rộng $\geq 5m$	1.800
29	Ngõ đi Trại Bàu (đối diện ngõ số 756):	
29.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào 100m	2.200
29.2	Qua 100m đến 300m	1.800
30	Ngõ số 800: Vào 100m, có mặt đường bê tông $\geq 2,5m$	2.000

31	Ngõ số 837: Rẽ khu tập thể XN Bê tông cũ	
31.1	Vào 100m	1.800
31.2	Qua 100m đến 250m	1.500
32	Ngõ số 933: Rẽ theo hàng rào Doanh nghiệp tư nhân Hoa Thiết (Cam Giá), vào 100m	1.800
33	Ngõ rẽ đi Nhà văn hoá tổ nhân dân số 4, phường Cam Giá, vào 100m	2.200
34	Ngõ số 997: Rẽ đi tổ nhân dân số 1, phường Cam Giá, vào 100m	1.800
35	Ngõ số 71: Rẽ đi tổ nhân dân số 2, phường Cam Giá, vào 100m	1.500
36	Đường đê Cam Giá đi Cầu BÀDA	
36.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào 100m	2.500
36.2	Qua 100m đến 200m	1.800
36.3	Qua 200m đến cổng Nhà máy tấm lợp Amiăng	1.300
37	Ngõ số 950: Rẽ vào Nhà văn hoá tổ 1, phường Phú Xá	
37.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào 100m	1.500
37.2	Qua 100m đến 250m	1.200
38	Đoạn đường Cách mạng tháng Tám cũ (qua dốc nguy hiểm) gặp đường Cách mạng tháng Tám mới	
38.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám mới đến đường sắt vào kho 3 mái cũ	2.500
38.2	Từ đường sắt vào kho 3 mái cũ qua dốc nguy hiểm đến gặp đường Cách mạng tháng Tám (mới)	2.000
38.3	Ngõ rẽ vào Nhà máy tấm lợp Amiăng Thái Nguyên (Cơ sở 4)	
38.3.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám (cũ) đến cổng Nhà máy tấm lợp Amiăng Thái Nguyên (Cơ sở 4)	1.500
38.3.2	Từ cổng Nhà máy tấm lợp Amiăng Thái Nguyên (Cơ sở 4) đến hết KDC	1.000
39	Ngõ số 88/1: Rẽ khu tập thể đường sắt (phường Phú Xá)	
39.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào 150m	1.200
39.2	Qua 150m đến hết khu tập thể đường sắt	1.000
40	Ngõ số 236/1: Đối diện trạm cân Công ty gang thép (phường Phú Xá)	
40.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào 100m	1.500
40.2	Qua 100m đến gặp đường sắt đi Kép	1.000
41	Ngõ rẽ cạnh Công ty Thái Hà vào tổ dân phố số 4, phường Cam Giá vào 150m	2.000
43	Rẽ đến cổng Văn phòng Công ty cổ phần Gang thép	4.000
44	Ngõ số 266/1: Rẽ từ đường Cách mạng tháng Tám đến đường sắt đi Kép	1.500
45	Ngõ số 209/1: Rẽ vào đồi bia (cũ)	
45.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào đến ngã ba thứ 2	2.000

45.2	Từ ngã ba thứ 2 đi 2 hướng + 200m	1.200
46	Ngõ số 113: Rẽ theo đường sắt sang chợ khu Nam	
46.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám đến đường rẽ Công ty cổ phần Vận tải Gang thép	2.500
46.2	Từ đường rẽ Công ty cổ phần vận tải Gang thép đến gặp đường Lưu Nhân Chú	1.500
46.2.1	Ngách rẽ vào Văn phòng Công ty cổ phần vận tải Gang thép	1.500
46.2.2	Đường liên thôn, liên xóm tổ 26 và 27, phường Cam Giá (các nhánh rẽ từ ngõ số 113 vào 100m), có đường rộng $\geq 3,5m$	1.000
47	Rẽ vào xóm cửa hàng rau cũ (qua đường Phố Hương), từ đường Cách mạng tháng Tám vào đến ngã 3	3.000
48	Rẽ sau Liên đoàn địa chất Đông Bắc đến gặp đường Phố Hương	3.000
49	Ngõ số 474/1: Từ đường Cách mạng tháng Tám đến cổng phụ chợ Dốc Hanh	4.000
50	Ngõ số 566/1:	
50.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào 100m	4.000
50.2	Qua 100m đến gặp đường Phố Hương	3.000
51	Ngõ số 210: Từ đường Cách mạng tháng Tám vào đến cổng Công ty cổ phần Đầu tư và sản xuất công nghiệp	3.500
52	Ngõ rẽ từ số nhà 621/1: (phòng khám số 3 cũ)	
52.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào 100m	4.000
52.2	Qua 100m gặp sân vận động	2.500
53	Ngõ số 628/1: Rẽ cạnh Liên đoàn Địa chất Đông Bắc đến hết đường	3.500
54	Ngõ số 648/1: Rẽ cạnh kiốt xăng số 7 đến sân vận động Gang thép	
54.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào 100m	4.000
54.2	Qua 100m đến sân vận động Gang thép	2.800
55	Ngõ số 457/1: Rẽ vào KDC Nhà máy Cơ khí (phường Hương Sơn)	
55.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào 100m	3.000
55.2	Qua 100m đến 200m	2.000
55.3	Qua 200m đến 500m và các nhánh khác trong KDC có mặt đường bê tông $\geq 2m$	1.200
56	Ngõ số 593/1: Rẽ vào KDC Nhà máy FERRO (phường Hương Sơn)	
56.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào 100m	3.000
56.2	Qua 100m đến 200m	2.000
56.3	Đoạn còn lại và các nhánh khác trong KDC nhà máy FERRO (phường Hương Sơn) có mặt đường bê tông $\geq 2m$	1.200
57	Ngõ số 639/1:	
57.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào 100m	3.000

57.2	Qua 100m đến 200m	2.000
58	Ngõ số 655/1: Rẽ giáp đất Nhà văn hoá Gang thép	
58.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào 100m	3.000
58.2	Qua 100m đến 200m	2.000
IV	ĐƯỜNG LƯƠNG NGỌC QUYẾN (Từ ngã ba Mỏ Bạch đến ngã 3 Bắc Nam đường Bắc Nam)	
1	Ngã ba Mỏ Bạch đến ngõ số 185 rẽ Sở Giáo dục và Đào tạo	18.000
2	Từ ngõ số 185 rẽ Sở Giáo dục và Đào tạo đến giáp đất Bến xe khách Thái Nguyên	15.000
3	Từ đất Bến xe khách Thái Nguyên đến đảo tròn Đồng Quang (gặp đường Hoàng Văn Thụ)	20.000
4	Từ đảo tròn Đồng Quang đến ngõ số 464 rẽ Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên	20.000
5	Từ ngõ số 464 rẽ Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên đến đường Phan Đình Phùng	17.000
6	Từ đường Phan Đình Phùng đến gặp đường Thống Nhất (ngã 3 Bắc Nam)	14.000
	Trục phụ	
1	Ngõ số 53: Rẽ vào KDC Xây lắp nội thương cũ đến hết đất thư viện Đại học Sư phạm Thái Nguyên	4.000
2	Ngõ số 105: Từ trục chính gặp trục qua cổng Trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh Thái Nguyên	7.500
3	Ngõ số 185: Rẽ vào Sở Giáo dục và Đào tạo đến cổng Trung tâm Giáo dục thường xuyên	7.500
4	Ngõ số 231: Qua Ngân hàng Đầu tư và Phát triển (cũ) gặp đường đi Trung tâm Giáo dục thường xuyên	7.000
5	Trục đường nối 3 ngõ số: 105; 185; 231 qua cổng Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Thái Nguyên	6.000
6	Rẽ các ngõ số: 60; 78; 110; 140; 166:	
6.1	Trục chính vào 150m	5.500
6.2	Qua 150m đến 250m, có mặt đường bê tông rộng $\geq 2m$	4.000
7	Ngõ số 92: (Vào KDC quy hoạch phường Quang Trung), vào 100m	4.000
8	Ngõ số 220: Rẽ vào KDC Ngân hàng tỉnh cũ, vào 100m	4.000
9	Ngõ số 297: Rẽ cạnh Phòng Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ	3.000
10	Ngõ số 301: Vào 200m	3.500
11	Ngõ số 309: Rẽ qua Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn gặp đường Chu Văn An	
11.1	Từ đường Lương Ngọc Quyến đến cổng Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	5.000

11.1.1	Nhánh rẽ phải thứ nhất vào 100m	3.000
11.1.2	Từ cổng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rẽ phải (nhánh rẽ phải thứ 2) vào 150m	2.500
11.2	Từ cổng Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn rẽ trái đến gặp đường Chu Văn An	3.000
12	Ngõ số 108: Rẽ vào KDC Lâm sản đi gặp ngõ số 274	4.000
13	Ngõ số 274: Rẽ đi gặp ngõ 256 và 108 từ Bến xe khách Thái Nguyên vào Trường Thống Nhất	6.000
14	Ngõ số 357 đến gặp đường Chu Văn An (đối diện Bến xe khách Thái Nguyên)	3.000
15	Ngõ số 256: Rẽ cạnh chợ Đồng Quang và Bến xe khách Thái Nguyên	
15.1	Từ đường Lương Ngọc Quyến vào đến hết đất Bến xe	6.000
15.2	Từ giáp đất Bến xe khách qua ngã 3 rẽ đến cổng Trường tiểu học Thống Nhất	4.000
15.3	Từ cổng Trường tiểu học Thống Nhất qua 150m	3.000
15.4	Từ ngã 3 rẽ Trường tiểu học Thống Nhất (15.2) rẽ trái đến gặp ngã 3 rẽ KDC số 2, phường Quang Trung	3.000
15.4.1	Các nhánh rẽ thuộc đoạn (15.4) có mặt đường bê tông rộng $\geq 2m$ vào 100m	2.000
16	Từ đường Lương Ngọc Quyến rẽ đi Trường THPT Lương Ngọc Quyến gặp đường Hoàng Văn Thụ (Cạnh Công an phường Hoàng Văn Thụ)	15.000
17	Ngõ số 310: Rẽ đối diện Công ty cổ phần Dược và Vật tư Y tế, vào 50m	5.000
18	Ngõ số 346 vào 50m	4.000
19	Ngõ số 481: Rẽ theo hàng rào Bệnh viện đa khoa TW Thái Nguyên gặp đường Nguyễn Huệ	4.500
20	Ngõ số 464: Rẽ vào Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên	
20.1	Từ trục chính đến ngã ba rẽ vào tổ 7, phường Đồng Quang	6.000
20.2	Từ ngã ba rẽ vào tổ 7, phường Đồng Quang đến cổng Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Thái Nguyên	5.000
20.3	Từ ngã 3 rẽ vào tổ 7, phường Đồng Quang đến gặp đường rẽ đi Công ty TNHH Khai thác Thủy lợi Thái Nguyên	3.500
20.4	Trục ngang nối từ số nhà 11 của ngõ số 464 đến số nhà 26 của ngõ số 488	4.000
20.5	Ngách số 55; 96A vào 100m	3.000
21	Ngõ số 499: Rẽ theo Bệnh viện Đa khoa trung tâm vào đến 80m	5.000
22	Ngõ số 511; 513 vào đến đường quy hoạch KDC số 8 phường Phan Đình Phùng	5.000
22.1	Các đường quy hoạch KDC số 8 phường Phan Đình Phùng đã xong cơ sở hạ tầng	
22.1.1	- Đường quy hoạch $\geq 9m$	5.000
22.1.2	- Đường quy hoạch $< 9m$	4.000

23	Ngõ số 488 rẽ đến cổng Trường tiểu học Đồng Quang	5.000
24	Ngõ số 556 vào 50m	3.500
25	Ngõ số 566: Rẽ vào Chi cục Thủy lợi và Phòng chống lụt bão	
25.1	Từ trục chính đến hết đất Chi cục Thủy lợi và phòng chống lụt bão	5.000
25.2	Từ giáp đất Chi cục Thủy lợi và Phòng chống lụt bão đến 100 m tiếp theo	4.500
25.3	Đường ngang nối từ ngõ số 566 với ngõ số 596 (nối từ số nhà 6 ngõ 566 đến số nhà 18 ngõ 596)	3.500
26	Ngõ số 596:	
26.1	Từ đường Lương Ngọc Quyến vào 200m	5.000
26.2	Các đường trong KDC số 1 phường Đồng Quang	5.000
27	Ngõ số 603: Đi gặp đường Nguyễn Huệ	
27.1	Từ đường Lương Ngọc Quyến đến ngã 3 đầu tiên	4.000
27.2	Từ ngã 3 đầu tiên đến gặp đường Nguyễn Huệ	3.500
28	Ngõ số 627 vào 100m (nhà khách Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Thái Nguyên)	3.500
29	Từ đường Lương Ngọc Quyến (Rẽ cạnh Chi Cục bảo vệ thực vật) đến cổng Nhà nghỉ Hải Yến.	2.800
30	Ngõ số 723: Rẽ cạnh Hạt kiểm lâm thành phố vào 150m	3.500
31	Ngõ số 735: Rẽ vào 50m	3.500
V	ĐƯỜNG BẾN TƯỢNG (Từ đê Sông Cầu qua cổng Cục Thuế cũ gặp đường Cách mạng tháng Tám)	
1	Từ đê sông Cầu đến giáp đất Chợ Thái	10.000
2	Từ đất Chợ Thái đến gặp đường Phùng Chí Kiên	15.000
3	Từ đường Phùng Chí Kiên đến ngã 6 gặp đường Phan Đình Phùng	13.000
4	Từ ngã 6 đường Phan Đình Phùng đến gặp đường Cách mạng tháng Tám	11.000
	Trục phụ	
1	Ngõ số 5: Rẽ Xí nghiệp Kinh doanh tổng hợp (cũ)	
1.1	Từ đường Bến Tượng vào 100m	4.000
1.2	Qua 100m đến 250m	3.500
2	Ngõ số 01: Rẽ vào KDC tập thể Xí nghiệp kinh doanh tổng hợp cũ	4.000
3	Ngõ số 19: Vào 100m về 2 phía (giáp Chợ Thái)	5.000
4	Ngõ số 2 rẽ phía sau nhà thi đấu tỉnh Thái Nguyên vào hết đất KDC tổ 23	4.000
5	Ngõ số 29: Vào KDC Cục Thuế tỉnh Thái Nguyên (đến hết hàng rào Bảo tàng tỉnh)	7.500
6	Rẽ vào nhà thờ	
6.1	Từ đường Bến Tượng vào 150m	7.500

6.2	Qua 150m rẽ đi 2 phía đến 250m	5.500
7	Đường trong KDC quy hoạch tổ 15,16, phường Trưng Vương	5.500
8	Ngõ số 101; 111; 129: Từ đường Bến Tượng vào 200m	6.000
9	Ngõ số 159 rẽ KDC lô 2 Tỉnh uỷ đến gặp đường bao quanh Tỉnh Uỷ	5.500
10	Rẽ vào tổ 106, phường Túc Duyên (Giáp cầu Bóng tối), vào 100m	4.500
VI	ĐƯỜNG PHỐ 19/8 (Từ đường Bến Tượng gặp đường Nguyễn Du)	
1	Toàn tuyến	5.000
VII	ĐƯỜNG PHỐ QUYẾT TIẾN (Từ UBND phường Trưng Vương đến gặp đường Nguyễn Du)	
1	Toàn tuyến	10.000
VIII	ĐƯỜNG PHỐ CỘT CỜ (Từ đường Bến Oánh đến đường Phùng Chí Kiên)	
1	Toàn tuyến	10.000
	Trục phụ	
1	Rẽ các ngõ 47, 70 từ đường phố Cột Cờ vào 50m	6.000
IX	ĐƯỜNG NGUYỄN DU (Từ đường Đội Cấn qua cổng trụ sở UBND thành phố Thái Nguyên gặp đường Cách mạng tháng Tám)	
1	Từ đường Đội cấn đến gặp đường Nha Trang	16.000
2	Từ đường Nha trang đến gặp đường Cách mạng tháng Tám	13.000
X	ĐƯỜNG NHA TRANG (Từ đường Cách mạng tháng Tám đến gặp đường Bến Tượng qua cổng trụ sở UBND tỉnh)	
1	Toàn tuyến	16.000
XI	ĐƯỜNG HÙNG VƯƠNG (Từ Quảng trường 20/8 qua rạp chiếu bóng đến gặp đường Bến Tượng)	
1	Toàn tuyến	15.000
	Trục phụ	
1	Các ngõ số: 6; 8; 12: Từ đường Hùng Vương rẽ vào 200m đầu có mặt đường bê tông rộng $\geq 2,5m$	4.500
2	Ngõ số 40: Vào Nhà văn hoá tổ 20, phường Trưng Vương	4.500
XII	ĐƯỜNG PHÙNG CHÍ KIẾN	

	(Từ đường Hùng Vương gặp đường Phan Đình Phùng)	
1	Từ đường Hùng Vương đến gặp đường Bến Tượng	12.000
2	Từ đường Bến Tượng đến gặp đường phố Cột Cờ	11.000
3	Từ đường phố Cột Cờ đến gặp đường Phan Đình Phùng	7.000
	Trục phụ	
1	Đoạn nối từ đường Phùng Chí Kiên đến gặp đường Nha Trang (Đối diện Trường THCS Trưng Vương)	10.000
2	Ngõ số 1, 24; 42, vào 100m đầu	4.500
3	Ngõ số 160; 120, vào 100m đầu	4.000
4	Ngõ số 3 và 5, vào 100m đầu	2.000
5	Ngõ số 7 vào chùa Đồng Mổ: Vào 100m đầu	4.000
6	Ngõ số 9: Từ đường Phùng Chí Kiên vào đến ngã 4 gặp đường quy hoạch KDC số 6 phường Túc Duyên	5.000
7	Ngõ số 11: Từ đường Phùng Chí Kiên vào đến ngã 3 gặp đường quy hoạch KDC số 6 phường Túc Duyên	5.000
XIII	ĐƯỜNG BẮC KẠN (Từ đảo tròn Trung tâm đến ngã ba Mỏ Bạch)	
1	Từ đảo tròn trung tâm đến hết đất Ki ốt xăng dầu Gia Bầy	16.000
2	Qua đất Ki ốt xăng dầu Gia Bầy đến hết đất Công ty cổ phần tư vấn và đầu tư xây dựng Thái Nguyên	14.000
3	Từ đất Công ty cổ phần tư vấn và đầu tư xây dựng Thái Nguyên đến ngã 3 Mỏ Bạch	13.000
	Trục phụ	
1	Ngõ số 678: Rẽ theo hàng rào Đội cảnh sát bảo vệ tỉnh đi gặp đường Phủ Liễn (toàn tuyến)	5.000
2	Ngõ số 612 rẽ vào KDC đồi Két nước (cũ) (2 ngõ) đường $\geq 3,5m$	5.000
3	Ngõ số 568: Rẽ đối diện Cầu Gia bầy vào tổ 16	
3.1	Từ đường Bắc Kạn vào 150m	4.500
3.2	Qua 150m đến 300m	3.500
4	Ngõ số 432: Rẽ vào KDC cạnh Công ty cổ phần tư vấn và đầu tư xây dựng Thái Nguyên (vào 100m)	4.000
5	Ngõ rẽ vào cổng Đền Mẫu Thoải	4.000
6	Ngõ số 366: Vào tổ văn hoá số 13	
6.1	Từ đường Bắc Kạn vào 50m	4.500
6.2	Qua 50m đến 100m	3.000
7	Ngõ số 332: Vào tổ văn hoá số 10	
7.1	Từ đường Bắc Kạn vào 100m	5.000

7.2	Qua 100m đến 250m	4.000
8	Ngõ số 330: Rẽ KDC Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên vào 100m	5.000
9	Ngõ số 290: Từ đường Bắc Kạn vào 200m đầu	4.000
10	Ngõ số 238: Đường rẽ KDC cạnh Trường Trung học Bưu chính viễn thông và Công nghệ thông tin Miền Núi	
10.1	Từ đường Bắc Kạn vào 100m	5.000
10.2	Qua 100m đến 250m	4.000
11	Ngõ số 236: Rẽ KDC Kho bạc và Xây lắp Nội thương 4	
11.1	Từ đường Bắc Kạn vào 100m	5.500
11.2	Qua 100m vào KDC đến 250m	5.000
11.3	Các đoạn còn lại trong KDC quy hoạch có đường rộng $\geq 2,5m$	4.000
12	Ngõ số 1: Rẽ khu tập thể Sở Xây dựng (theo hàng rào Công ty CP Vận tải số 10) gặp đường goòng cũ	4.000
13	Ngõ số 997: Rẽ KDC Chi nhánh Điện thành phố	
13.1	Từ đường Bắc Kạn vào 100m	4.500
13.2	Qua 100m vào hết KDC quy hoạch có đường rộng $\geq 3,5m$	3.500
XIV	ĐƯỜNG PHỦ LIỄN (Từ Đảo tròn Trung tâm đến Hợp tác xã Bắc Hà)	
1	Toàn tuyến	12.000
	Trục phụ	
1	Ngõ số 54B: (Ngã tư rẽ đi nhà hàng Cây xanh)	
1.1	Từ đường Phủ Liễn vào 100m	4.000
1.2	Qua 100m đến 250m có đường rộng $\geq 3,5m$	3.000
2	Ngõ số 54A: Đi qua Trường THCS Nguyễn Du đến Nhà văn hoá tổ 25, phường Hoàng Văn Thụ	
2.1	Từ đường Phủ Liễn đến hết đất Trường THCS Nguyễn Du	4.000
2.2	Từ giáp đất Trường THCS Nguyễn Du đến Nhà văn hoá tổ 25, phường Hoàng Văn Thụ	3.000
2.3	Các ngách rẽ trên ngõ số 54A	
2.3.1	Ngách rẽ vào KDC Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên vào 100m	2.500
2.3.2	Ngách rẽ theo hàng rào Trung tâm Giáo dục thường xuyên thành phố Thái Nguyên vào 200m	2.500
2.3.3	Ngách rẽ theo hàng rào Trường THCS Nguyễn Du vào 300m	2.500
2.3.4	Ngách rẽ vào Đài Truyền hình tỉnh Thái Nguyên, vào 100m	2.500
3	Ngõ rẽ KDC Phủ Liễn 1 gặp đường đi ngõ 2 và 60, đường Hoàng Văn Thụ	6.500
4	Ngõ số 100: Rẽ đi gặp đường ngõ số 54A	2.500

5	Ngã ba HTX Bắc Hà - Gặp đường quy hoạch KDC Mỏ Bạch (Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Thái Nguyên)	
5.1	Ngã ba cạnh HTX Bắc Hà đến hết đất Trường Tiểu học Đội Cấn	4.000
5.2	Từ hết đất Trường Tiểu học Đội Cấn đến ngã ba vào nhà văn hoá tổ 25, phường Hoàng Văn Thụ	3.500
5.3	Từ ngã ba vào nhà văn hoá tổ 25, phường Hoàng Văn Thụ đến gặp đường quy hoạch KDC Mỏ Bạch (Trung tâm Giáo dục thường xuyên)	3.000
5.4	Các đường quy hoạch trong KDC số 1 phường Hoàng Văn Thụ đã xong cơ sở hạ tầng	
5.4.1	Đường quy hoạch rộng $\geq 14,5m$	5.000
5.4.2	Đường quy hoạch rộng $< 14,5m$	4.000
XV	ĐƯỜNG CHU VĂN AN (Từ đường Hoàng Văn Thụ đi đoàn Ca múa Dân gian Việt Bắc)	
1	Từ đường Hoàng Văn Thụ đến ngã ba ngõ số 21 sang Trường THPT Lương Ngọc Quyến	7.000
2	Ngã ba ngõ số 21 đến cổng Đoàn Ca múa Dân gian	5.000
3	Từ cổng Đoàn Ca múa Dân gian Việt Bắc đến ngã ba (gặp ngõ số 93 đường Chu Văn An)	3.500
	Trục phụ	
1	Ngõ số 3 rẽ vào KDC tổ 31	4.500
2	Ngõ số 21: Rẽ đến cổng Trường THPT Lương Ngọc Quyến	4.500
*	Ngách rẽ KDC Phát hành sách: Vào 100m	3.000
3	Ngõ rẽ theo hàng rào Trung tâm Nước sạch nông thôn vào 100m	4.500
4	Rẽ vào KDC Trại dưỡng lão (cũ): Vào 100m	4.000
5	Ngõ số 39: Vào làng Giáo viên Lương Ngọc Quyến, vào 150m	3.500
6	Ngõ số 14: Rẽ theo hàng rào Trường tiểu học Đội Cấn gặp trục phụ đường Phủ Liễn	4.500
7	Ngõ số 26: Rẽ đến cổng Trung tâm Hướng nghiệp	3.000
8	Ngõ rẽ vào KDC quy hoạch Đoàn ca múa dân gian Việt Bắc (giáp sân thể dục Trường Chu Văn An)	3.000
9	Ngõ số 70: Từ Đoàn Ca múa dân gian Việt Bắc gặp trục phụ đường Phủ Liễn (Nhà văn hoá tổ 25, phường Hoàng Văn Thụ)	3.000
XVI	ĐƯỜNG MINH CẦU (Nối đường Phủ Liễn gặp đường Phan Đình Phùng)	
1	Từ đường Phủ Liễn đến gặp đường Hoàng Văn Thụ	13.000
2	Từ đường Hoàng Văn Thụ đến gặp đường Phan Đình Phùng	14.000
	Trục phụ	

1	Hai ngõ rẽ từ đường Minh Cầu vào hết KDC quy hoạch tổ 22, phường Hoàng Văn Thụ	6.500
2	Ngõ số 01: Rẽ theo hàng rào Công ty Lương thực vào 100 m	5.500
3	Ngõ số 02 và 04: Rẽ theo hàng rào chợ Minh Cầu vào KDC sau chợ Minh Cầu, đường đã xây dựng cơ sở hạ tầng	7.000
4	Ngõ số 62: Rẽ chân đồi pháo vào sân kho HTX Quyết Tâm	
4.1	Từ đường Minh Cầu vào 100 m	3.500
4.2	Qua 100 m đến hết đất sân kho	2.500
5	Ngõ số 92: Rẽ đến Trạm xá Công an tỉnh (theo đường cũ)	3.500
6	Ngõ số 100: Vào trạm xá Công an tỉnh (đường mới) vào 100m	6.000
7	Rẽ kho bạc Nhà nước tỉnh Thái Nguyên: Từ đường Minh Cầu vào hết đất Kho bạc Nhà nước tỉnh	10.000
8	Ngõ số 146: Theo hàng rào Trung tâm giáo dục trẻ em thiệt thòi vào tổ 19, phường Phan Đình Phùng	
8.1	Từ đường Minh Cầu vào 200 m	5.000
8.2	Qua 200m đến gặp đường Nguyễn Huệ	3.000
9	Ngõ số 153: Rẽ KDC đối diện Công ty cổ phần chế biến thực phẩm Thái Nguyên (Bia Vicoba)	
9.1	Từ đường Minh Cầu vào đến ngã 3 gặp đường quy hoạch KDC có đường rộng ≥ 9 m	6.000
9.2	Trục còn lại trong KDC quy hoạch có đường rộng ≥ 9 m	5.500
10	Ngõ số 160: Rẽ theo hàng rào Công ty cổ phần May xuất khẩu Thái Nguyên, vào 150m	3.500
11	Ngõ số 206: Rẽ vào KDC Công ty CP May xuất khẩu Thái Nguyên (đối diện Khách Sạn Thái Hà), vào 150 m	3.500
XVII	ĐƯỜNG HOÀNG NGÂN (Nối ngã tư đường Minh Cầu và đường Phan Đình Phùng đến đường Cách mạng tháng Tám)	
1	Toàn tuyến	10.000
	Trục Phụ	
1.	Ngõ rẽ vào Trụ sở Công an phường Phan Đình Phùng (mới)	
1.1	Có đường rộng ≥ 10 m	7.000
1.2	Có đường rộng < 10 m	5.000
2.	Rẽ theo Trạm biến áp Việt Xô đến gặp đường phố Xương Rồng	2.500
XVIII	ĐƯỜNG NGUYỄN HUỆ (Từ đường Hoàng Văn Thụ qua Trường tiểu học Nguyễn Huệ gặp đường Phan Đình Phùng)	
1	Từ đường Hoàng Văn Thụ đến hết đất Bệnh viện Đa khoa Trung ương Thái	6.500

	Nguyên	
2	Từ giáp đất bệnh viện Đa khoa Trung ương Thái Nguyên đến gặp đường Phan Đình Phùng	5.000
	Trục phụ	
1	Các đường trong KDC quy hoạch A1, A2 có mặt đường rộng $\geq 9\text{m}$	
1.1	KDC lô 2 + lô 3	6.000
1.2	KDC lô 4 + lô 5	5.000
1.3	KDC lô 6 + lô 7	4.500
2	Các trục phụ còn lại (rẽ trên đường Nguyễn Huệ) có mặt đường bê tông rộng $\geq 2,5\text{ m}$, vào 100 m	3.000
XIX	ĐƯỜNG PHAN ĐÌNH PHÙNG (Đường Phùng Chí Kiên đến gặp đường sắt Hà Thái)	
1	Từ đường Phùng Chí Kiên đến gặp đường Bến Tượng	10.000
2	Từ đường Bến Tượng đến gặp đường Lương Ngọc Quyến	12.000
3	Từ đường Lương Ngọc Quyến đến gặp đường sắt Hà Thái	8.500
	Trục phụ	
1	Rẽ cạnh số nhà 18, đường Phan Đình Phùng đến gặp đường bao quanh Tỉnh ủy	5.000
1.1	Các đường trong khu quy hoạch dân cư số 1, phường Trưng Vương (cạnh Đảng ủy khối cơ quan dân chính Đảng)	4.000
2	Rẽ vào KDC sau UBND phường Túc Duyên (Đoạn trục phụ vuông góc với đường Phan Đình Phùng)	4.500
3	Rẽ vào tổ 14,15, phường Túc Duyên	
3.1	Từ đường Phan Đình Phùng vào 100m	3.500
3.2	Qua 100m đến 250m	2.500
4	Lối rẽ đối diện Tỉnh ủy vào tổ 14, phường Túc Duyên đi gặp ngõ tổ 14, 15, phường Túc Duyên	2.500
5	Rẽ vào tổ 13, 14, phường Túc Duyên	
5.1	Từ đường Phan Đình Phùng vào 200m	2.800
5.2	Qua 200m đến 500m, có mặt đường bê tông rộng $\geq 2,5\text{m}$	2.000
6	Rẽ theo hàng rào Tỉnh ủy gặp đường Bao quanh Tỉnh ủy (cổng Tỉnh ủy cũ)	4.500
7	Ngõ rẽ từ Công an phường Phan Đình Phùng (cũ) vào 100m	5.000
8	Ngõ số 281: Vào 100m	3.500
9	Ngõ số 158: Rẽ vào Trường THPT Dân lập Nguyễn Trãi	
9.1	Từ đường Phan Đình Phùng vào 100m	3.500
9.2	Sau 100m đến 250m	3.000
10	Ngõ số 198:	

10.1	Từ đường Phan Đình Phùng vào đến ngã 3 đầu tiên	4.000
10.2	Từ ngã 3 đầu tiên đi về hai phía 100m	3.000
11	Rẽ cạnh số nhà 321 vào 100m (tổ 27, phường Phan Đình Phùng)	3.000
12	Ngõ số 377: Rẽ sau Công ty thức ăn gia súc gặp đường phố Xương Rồng	3.000
13	Ngõ số 366: Rẽ vào tập thể Công ty thức ăn gia súc cũ	
13.1	Vào 50m	3.500
13.2	Sau 50m đến 150m	2.500
14	Ngõ số 392: Rẽ gặp đường Nguyễn Huệ	2.500
15	Ngõ số 446 và 466: Rẽ KDC Hồng Hà vào 150m có mặt đường bê tông rộng $\geq 2,5m$	5.000
16	Các trục đường trong KDC số 3 + 4, phường Đồng Quang đã xây dựng xong cơ sở hạ tầng	
16.1	Đường rộng $\geq 14,5m$	5.000
16.2	Đường rộng $\geq 9m$ và $< 14,5m$	4.000
XX	ĐƯỜNG PHỐ XƯƠNG RỒNG (Từ đường Cách mạng tháng Tám qua cổng Trường THCS Nha Trang đến gặp phường Phan Đình Phùng)	
1	Từ đường Cách mạng tháng Tám đến hết đất trường THCS Nha Trang	5.500
2	Từ giáp đất trường THCS Nha Trang đến gặp đường Phan Đình Phùng	4.500
	Trục phụ	
1	Rẽ vào chùa Ông, vào 100m	2.500
2	Ngõ 54: Vào 100m	2.500
2.1	Ngách rẽ KCD Đoàn nghệ thuật Thái Nguyên, vào 50m	2.000
3	Rẽ theo hàng rào cạnh trường THCS Nha Trang, vào 100m	2.500
4	Từ Trạm biến áp Việt Xô ra khu đô thị hồ Điều hòa Xương Rồng, 50m	2.500
XXI	ĐƯỜNG BẾN OÁNH (Từ đường Bến Tượng đến cầu treo Bến Oánh)	
1	Từ đường Bến Tượng đến ngã 3 phố Cột Cờ	16.000
2	Từ ngã 3 phố Cột Cờ đến rẽ Công ty cổ phần Nước sạch Thái Nguyên	13.000
3	Từ rẽ Công ty cổ phần Nước sạch Thái Nguyên đến rẽ bến phà Soi	10.000
4	Từ rẽ bến phà Soi đến cổng xiphông qua đường	6.000
5	Từ cổng xiphông đến cầu treo Bến Oánh	4.500
	Trục phụ	
1	Ngõ số 315: Rẽ KDC Công ty cổ phần Thương mại tổng hợp (Nông sản thực phẩm cũ) đi gặp đường phố Cột Cờ	8.000

2	Ngõ số 230: Rẽ KDC Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh	
2.1	Trục chính vào hết đất Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh	5.000
2.2	Qua đất Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh đến hết KDC có đường rộng $\geq 3,5m$	4.000
3	Ngõ số 224: Rẽ đến cổng Công ty cổ phần Nước sạch Thái Nguyên	5.500
4	Ngõ rẽ vào tổ 7, phường Túc Duyên (giáp chợ Túc Duyên) vào 100m	3.000
5	Ngõ số: 155; 222; 165; 201:	
5.1	Mặt đường bê tông rộng $\geq 3,5m$, vào 100m	4.000
5.2	Đường bê tông rộng $\geq 2,5m$, nhưng $< 3,5$, vào 100m	3.500
6	Ngõ số 182: Rẽ xóm phà Soi đến đường đê Sông Cầu	
6.1	Trục chính vào đến khu tái định cư kè Sông Cầu	4.000
6.2	Từ khu tái định cư kè Sông Cầu đến gặp đường Thanh niên	3.500
6.3	Các đường ngang trong khu quy hoạch tái định cư	3.200
7	Rẽ cạnh số nhà 160 vào tổ 5, phường Túc Duyên	
7.1	Vào 100m, đường bê tông rộng $\geq 2,5m$	2.800
7.2	Qua 100 m đến 250m, mặt đường bê tông rộng $\geq 2,5m$	2.200
8	Ngõ số 140; 114 và 57:	
8.1	Vào 100m, mặt đường bê tông rộng $\geq 2,5m$	2.800
8.2	Qua 100m đến 250m, mặt đường bê tông rộng $\geq 2,5m$	2.200
9	Rẽ KDC số 4 phường Túc Duyên (Khu Detech)	
9.1	Từ đường Bến Oánh đến đê Sông Cầu	4.000
9.2	Các đường còn lại trong khu quy hoạch	3.500
10	Ngõ số 68; 16 và 5:	
10.1	Vào 100m, mặt đường bê tông rộng $\geq 2,5m$	2.200
10.2	Qua 100m đến 250m, mặt đường bê tông rộng $\geq 2,5m$	2.000
11	Ngõ số 1 đi bến đò Oánh vào 100m	2.000
XXII	ĐƯỜNG BAO QUANH TỈNH ỦY (Nối từ đường Hùng Vương đến đường Phùng Chí Kiên)	
1	Từ đường Hùng Vương đến chân dốc Tỉnh uỷ (Cổng cũ)	6.000
2	Từ chân dốc Tỉnh uỷ (cổng cũ) hết đất Tỉnh uỷ	4.500
3	Giáp đất Tỉnh uỷ gặp đường Phùng Chí Kiên	5.000
	Trục phụ	
1	Các đường rẽ từ trục chính vào 100m có đường $\geq 2,5m$	2.800
XXIII	ĐƯỜNG TÚC DUYỄN (Từ đường Phan Đình Phùng qua cổng trụ sở UBND phường Túc Duyên đi	

	Huống)	
1	Từ đường Phan Đình Phùng đến hết đất UBND phường Túc Duyên	6.000
2	Từ giáp đất UBND phường Túc Duyên đến hết đất cửa hàng xăng dầu số 61 Túc Duyên	5.000
3	Từ giáp đất cửa hàng xăng dầu số 61 Túc Duyên đến lối rẽ đi cầu phao Huống Trung	4.000
4	Từ lối rẽ đi cầu phao Huống Trung đến cầu treo Huống	3.000
	Trục phụ	
1	Rẽ vào KDC số 6 Túc Duyên	
1.1	Từ đường Túc Duyên vào đến hết đất Cơ quan Thi hành án Thành phố Thái Nguyên	5.500
1.2	Từ giáp đất Cơ quan Thi hành án Thành phố Thái Nguyên đến gặp đường bê tông KDC hiện có	4.500
2	Rẽ vào hết đất Trường Tiểu học Túc Duyên	4.000
3	Rẽ theo hàng rào UBND phường Túc Duyên, vào 100m	3.700
4	Rẽ KDC số 7 phường Túc Duyên vào 100 m	3.500
5	Ngõ rẽ tổ 18; 19 vào 100 m	2.200
6	Ngõ rẽ tổ 23 vào 100 m	2.000
7	Ngõ rẽ tổ 22 vào 100 m	2.200
XXIV	ĐƯỜNG BẮC NAM (Từ đường Cách mạng tháng Tám đến ngã ba Bắc Nam gặp đường Thống Nhất)	
1	Toàn tuyến	9.000
	Trục phụ	
1	Ngõ số 46: Rẽ KDC số 4 phường Phan Đình Phùng, vào 50m	2.800
2	Ngõ số 50: Rẽ đi hết KDC số 4 phường Phan Đình Phùng gặp ngõ 46 (đã xong cơ sở hạ tầng)	3.800
3	Ngõ số 67: Rẽ đi tổ 18, phường Gia Sàng	
3.1	Vào 100m	2.800
3.2	Qua 100m đến 200m	2.200
4	Ngõ số 105: Rẽ đi tổ 19, phường Gia Sàng (sân kho HTX cũ), vào 100m	3.500
5	Ngõ số 141: Đi gặp ngõ số 536 đường Cách mạng tháng Tám vào 50m	2.800
6	Ngõ số 92: Rẽ đến cổng HTX cơ khí Bắc Nam	3.800
7	Ngõ rẽ cạnh số nhà 126 vào 70m	3.500
8	Ngõ số 157: Rẽ đi tổ 19, phường Gia Sàng, vào 50m	3.200
9	Ngõ số 77: Rẽ đi tổ 22, phường Gia Sàng, vào 100m	3.200
10	Ngõ số 247: Rẽ đi tổ 23, phường Gia Sàng, vào 100m	2.800

XXV	ĐƯỜNG TÂN QUANG (Từ đường Bắc Nam đến đường Thanh niên Xung phong)	
1	Từ đường Bắc Nam đến hết đất Trường Lê Quý Đôn	3.200
2	Giáp đất Trường Lê Quý Đôn đến hết đất Nhà văn hoá phố 7, phường Gia Sàng	2.800
3	Từ Nhà văn hoá phố 7, phường Gia Sàng đến đường sắt	1.800
4	Từ đường sắt đến gặp đường Thanh niên xung phong	1.200
	Trục phụ	
1	Ngõ rẽ đối diện Trường Lê Quý Đôn, vào 100m	2.000
2	Các nhánh rẽ trên đường Tân Quang có mặt đường bê tông rộng $\geq 2\text{m}$, vào 100m (thuộc đoạn từ đường Bắc Nam đến đường sắt)	1.200
XXVI	ĐƯỜNG GIA SÀNG (Từ đường Cách mạng tháng Tám qua cổng UBND phường Gia Sàng đến Trạm nghiên cứu sét)	
1	Từ đường Cách mạng tháng Tám đến cổng UBND phường Gia Sàng	3.800
2	Từ cổng UBND phường Gia Sàng đến ngã 3 cổng Trường tiểu học Gia Sàng	3.000
3	Từ cổng Trường tiểu học Gia Sàng đến ngã 3 đi KDC số 1 Gia Sàng	2.500
4	Từ ngã ba đi KDC số 1 Gia Sàng đến Trạm nghiên cứu sét	2.000
	Trục phụ	
1	Rẽ theo hàng rào Công an phường Gia Sàng gặp đường rẽ đi xưởng đậu cũ, vào 150m	2.800
2	Rẽ vào đến cổng Trường tiểu học Gia Sàng	1.800
3	Rẽ Trạm nghiên cứu sét đến giáp đất KDC bệnh xá Ban chỉ huy Quân sự	1.500
4	Rẽ đến hết trại chăn nuôi HTX Gia Sàng cũ	1.500
5	Các đường quy hoạch trong khu tái định cư Trạm xử lý nước thải	2.000
XXVII	ĐƯỜNG THANH NIÊN XUNG PHONG (Từ đường Cách mạng tháng Tám đến gặp đường 3/2)	
1	Từ đường Cách mạng tháng Tám đến hết đất xưởng bia Công ty Việt Bắc Quân khu I	3.800
2	Từ giáp đất xưởng bia Công ty Việt Bắc đến đường sắt Hà Thái	2.500
3	Từ đường sắt Hà Thái đến hết suối Loàng	1.800
4	Từ suối Loàng cách 300 m đến đường 3/2	3.000
5	Từ cách 300 m đến gặp đường 3/2	4.000
	Trục phụ	
1	Các đường rẽ từ đường Thanh niên xung phong vào khu tập thể Cán A, vào 100m	2.000

2	Rẽ dài tường niệm Thanh niên xung phong, vào 100m	2.000
3	Rẽ song song theo đường sắt đến xưởng cán Công ty cổ phần kim khí Gia Sàng	1.500
4	Rẽ từ Bờ Hồ đến Nhà văn hoá tổ 7, phường Tân Lập	2.500
XXVIII	ĐƯỜNG GA THÁI NGUYỄN (Nối đường Lương Ngọc Quyến qua Ga Thái Nguyên gặp đường Quang Trung)	
1	Từ ngã tư đường Lương Ngọc Quyến đến gặp đường sắt Hà Thái	9.000
2	Từ đường sắt Hà Thái đến gặp đường Quang Trung	7.000
	Trục phụ	
1	Ngõ rẽ từ số nhà 208 theo hàng rào sau chợ Đồng Quang gặp ngõ số 108 đường Lương Ngọc Quyến (giáp Bến xe khách Thái Nguyên)	4.000
2	Ngõ số 216: Rẽ vào Công ty cổ phần In Thái Nguyên	
2.1	Từ trục chính đến cổng Công ty cổ phần In Thái Nguyên	4.000
2.2	Từ cổng Công ty cổ phần In Thái Nguyên vào hai phía 150m	3.000
3	Ngõ số 260: Rẽ vào KDC Ao dân quân	
3.1	Từ đường Ga Thái Nguyên vào 150m	4.500
3.2	Qua 150m đến hết đất Trường Mầm non Quang Trung	4.000
4	Ngõ số 215: Vào 100m (KDC bãi sân ga)	3.500
5	Ngõ số 312: Rẽ UBND phường Quang Trung	
5.1	Vào 100m	4.000
6	Ngõ số 334: Rẽ vào đến cổng Trường THCS Quang Trung	3.000
7	Ngõ số 157: Vào 100m	2.500
8	Ngõ số 378: Rẽ Trung tâm Bảo trợ Xã hội	
8.1	Từ đường Ga Thái Nguyên vào 200m	3.000
8.2	Qua 200m đến cổng Trung tâm Bảo trợ Xã hội	2.200
9	Ngõ số 404: Rẽ đến cầu sắt sau Z 159	
9.1	Từ đường Ga Thái Nguyên đến hết đất Trường tiểu học Nguyễn Viết Xuân	3.000
9.2	Từ hết đất Trường tiểu học Nguyễn Viết Xuân đến cầu sắt sau Z159	2.500
XXIX	ĐƯỜNG LÊ QUÝ ĐÔN (Từ đường Lương Ngọc Quyến gặp đường Lương Thế Vinh)	
1	Từ đường Lương Ngọc Quyến đến đường rẽ cổng Sân vận động Đại học Sư phạm Thái Nguyên	10.000
2	Từ đường rẽ vào cổng Sân vận động Đại học Sư phạm Thái Nguyên đến gặp đường Lương Thế Vinh	8.000
	Trục phụ	

1	Các đường trong khu quy hoạch KDC Nam Đại học Sư phạm Thái Nguyên, đã xây dựng xong cơ sở hạ tầng, có mặt đường rộng $\geq 7\text{m}$	6.500
XXX	ĐƯỜNG LƯƠNG THẾ VINH (Từ đường Lương Ngọc Quyến qua cổng Công ty cổ phần Xây dựng số 1 đến đường Mỏ Bạch)	
1	Từ đường Lương Ngọc Quyến đến ngã 3 rẽ KDC số 2 phường Quang Trung	5.000
2	Từ ngã 3 rẽ KDC số 2 phường Quang Trung đến gặp đường Lê Quý Đôn	5.500
3	Từ đường Lê Quý Đôn gặp đường Mỏ Bạch (đê Mỏ Bạch)	6.000
	Trục phụ	
1	Các ngõ số 7; 22; 24; 26; 43; 60 và 80: Vào 100m đầu	3.000
2	KDC số 2 Quang Trung (đã xong cơ sở hạ tầng)	
2.1	Đường rộng $\geq 9\text{m}$	3.500
2.2	Đường rộng $\geq 6\text{m}$, nhưng $< 9\text{m}$	3.000
2.3	Đường rộng $< 6\text{m}$	2.500
3	Ngõ số 125: Vào 250m	2.000
4	Ngõ số 96A; 96B; 147; 165 và ngõ rẽ từ số nhà 169: Vào 100m	2.500
XXXI	ĐƯỜNG MỎ BẠCH (Từ đường Dương Tự Minh đến cổng Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên)	
1	Từ đường Dương Tự Minh đến đường sắt Hà Thái	4.000
2	Từ đường sắt Hà Thái đến cổng Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên	5.500
	Trục phụ	
1	Ngõ số 21: Rẽ cạnh nhà văn hóa Mỏ Bạch, vào 100m	3.000
2	Rẽ từ số nhà 01 vào 100 m xuống chân đê đường Mỏ Bạch	2.000
3	Đường rẽ song song đường sắt, vào 100m	2.500
4	Đường quy hoạch trong KDC Đại học Nông lâm Thái Nguyên	
4.1	Đường rộng $\geq 6\text{m}$	4.500
4.2	Đường rộng $\geq 3,5\text{m}$, nhưng $< 6\text{m}$	3.500
XXXII	ĐƯỜNG PHỐ ĐỒNG QUANG (Từ đường Hoàng Văn Thụ qua khu dân cư Tỉnh đội đi gặp đường Lương Ngọc Quyến)	
1	Từ đường Hoàng Văn Thụ đến giáp đất Khách sạn Đông Á II	5.500
2	Từ giáp đất Khách sạn Đông Á II đi gặp đường Lương Ngọc Quyến	5.000
	Trục phụ	
1	Rẽ nhà hàng ASEAN, vào 150m	3.800

2	Rẽ KDC đôi C25 cũ, vào 150m	3.800
3	Rẽ vào KDC số 2 Đồng Quang gặp đường Đồng Quang	4.200
4	Rẽ vào KDC tỉnh đội, vào 150m	3.500
XXXIII	ĐƯỜNG VIỆT BẮC (Từ đường Thống Nhất qua Trường Cao đẳng Văn hoá Nghệ thuật Việt Bắc gặp đường Mỏ Bạch)	
1	Từ đường Thống Nhất đến cổng Trường Cao đẳng Văn hoá Nghệ thuật Việt Bắc	2.800
2	Từ cổng Trường Cao đẳng Văn hoá Nghệ thuật Việt Bắc đến gặp đường Quang Trung	4.000
3	Từ đường Quang Trung gặp đường Mỏ Bạch	3.000
	Trục phụ	
1	Các trục phụ có mặt đường bê tông $\geq 2,5\text{m}$ vào 100m	2.000
XXXIV	ĐƯỜNG QUANG TRUNG (Từ đường sắt Hà Thái đến ngã 3 gặp đường Thịnh Đức và đường Tân Cương)	
1	Đường sắt Hà Thái đến ngã 3 rẽ cổng Z159	11.000
2	Từ ngã ba rẽ Z159 đến cầu vượt Đán	10.000
3	Từ cầu vượt Đán đến ngã 3 Đán đi Núi Cốc +100m (đến đất Chợ Đán)	11.000
4	Từ ngã 3 Đán đi Núi Cốc + 100m đến ngã 3 rẽ Bệnh viện A (cũ)	7.000
5	Từ ngã ba rẽ Bệnh viện A cũ đến gặp đường Thịnh Đức (rẽ Dốc Lim)	5.000
	Trục phụ	
1	Rẽ KDC Z159	
1.1	Từ trục chính vào đến cổng Z159	5.000
1.2	Đoạn còn lại và các đường khác trong KDC Z159 có mặt đường bê tông rộng $\geq 2,5\text{m}$	2.500
2	Ngõ số 155: Rẽ KDC X79	
2.1	Vào 100m:	3.500
2.2	Đoạn còn lại và các đường khác trong KDC quy hoạch X79 có đường rộng $\geq 5\text{m}$	3.000
3	Ngõ số 233: Rẽ vào X79 và Trường Cao đẳng Nghề số 1 Bộ Quốc phòng	
3.1	Vào 150m	4.200
3.2	Đoạn còn lại và các đường khác trong KDC X79 có đường rộng $\geq 5\text{m}$	3.200
4	Ngõ số 243: Vào 100m	2.800
5	Ngõ số 245: Rẽ tiểu đoàn 2 vào 150m	3.200
6	Rẽ KDC số 3 phường Tân Thịnh	

6.1	Từ đường Quang Trung vào 100m	5.000
6.2	Các đường quy hoạch trong KDC có đường rộng $\geq 5m$, nhưng $< 9m$	4.000
7	Rẽ từ đường Quang Trung vào đến hết đất UBND phường Tân Thịnh	3.200
8	Rẽ vào khu tập thể Công ty tư vấn Xây dựng giao thông	
8.1	Từ đường Quang Trung vào 150m	2.800
8.2	Các đoạn còn lại trong khu tập thể Xí nghiệp khảo sát thiết kế giao thông có đường rộng $\geq 5m$	2.200
9	Rẽ đi Trường Tiểu học Lương Ngọc Quyến (cũ), vào 100m	2.800
10	Ngõ số 365: Rẽ tổ nhân dân số 18, phường Thịnh Đán (cạnh kiốt xăng), vào 100m	3.200
11	Ngõ số 340: Rẽ tổ nhân dân số 19, phường Thịnh Đán, vào 100m	3.200
12	Ngõ số 407: Vào 150m	3.200
13	Rẽ vào cổng cũ Trường Cao đẳng Sư phạm đến giáp đất Trường Cao đẳng Sư phạm	3.800
14	Ngõ số 417: Rẽ vào tổ nhân dân số 20 đối diện cổng Trường Cao đẳng Sư phạm, vào 100m	3.200
15	Ngõ số 429: Vào 100m	3.200
16	Ngõ số 443: Rẽ cạnh Công an phường Thịnh Đán, vào 100m	3.200
17	Ngõ số 470: Rẽ cạnh Bệnh viện phụ sản, vào KDC số 6 Thịnh Đán	
17.1	Từ đường Quang Trung đến hết KDC có đường rộng $\geq 12m$	6.000
17.2	Rẽ vào lô 2 + 3 đã xong cơ sở hạ tầng có đường rộng $\geq 6m$, nhưng $< 12m$	5.000
18	Ngõ số 463: Rẽ cạnh báo Nông nghiệp Việt nam, vào 150m	4.000
19	Ngõ số 541: Vào 100m	2.500
20	Ngõ số 573: Rẽ cạnh Chợ Đán, vào 100m	3.000
21	Rẽ vào Đội Thuế phường Thịnh Đán, vào 100m	2.000
22	Ngõ số 613: Vào 100m	1.800
23	Ngõ số 621: Đối diện cổng Trường Ngô Quyền, vào 100m	1.800
24	Ngõ cạnh Trường Ngô Quyền, vào 150m	1.800
25	Ngõ số 675: Vào 100m	1.500
26	Rẽ vào Bệnh viện A cũ	
26.1	Từ đường Quang Trung đến hết đất Bệnh viện Tâm thần (Bệnh viện A cũ)	3.500
26.2	Từ hết đất Bệnh viện Tâm thần đến hết đất nhà Văn hóa tổ 14, phường Thịnh Đán	2.000
27	Ngõ số 689; 691: Vào 100m	1.300
28	Ngõ số 648: Vào 200m	1.300
29	Ngõ rẽ vào đến Chùa Đán	1.800

30	Ngõ số 721: Rẽ cạnh kênh Núi Cốc đến sau Trung tâm GDĐXH tỉnh Thái Nguyên, vào 150m	1.500
31	Rẽ Trung tâm 05, 06 tỉnh Thái Nguyên, vào 200m	1.800
XXXV	ĐƯỜNG PHÚ THÁI (Từ đường Quang Trung qua Trường Đại học Công nghệ Giao thông Vận tải gặp đường Thống Nhất)	
1	Từ đường Quang Trung đến hết đất KDC số 1 phường Tân Thịnh	3.500
2	Từ giáp đất KDC số 1 phường Tân Thịnh đến ngã 3 rẽ đi qua Trường Đại học Công nghệ Giao thông Vận tải	3.000
3	Từ ngã 3 rẽ đi Trường Đại học Công nghệ Giao thông Vận tải đến cổng Trường Đại học Công nghệ Giao thông Vận tải	2.500
4	Từ cổng Trường Đại học Công nghệ Giao thông Vận tải đến rẽ Công ty cổ phần Xây dựng Giao thông số I	3.000
5	Từ rẽ Công ty cổ phần Xây dựng Giao thông số I đến gặp đường Thống Nhất	3.500
	Trục phụ	
1	Rẽ KDC số 1 phường Tân Thịnh, đã xây dựng xong cơ sở hạ tầng	
1.1	Có đường rộng $\geq 14,5m$	3.000
1.2	Có đường $\geq 9m$, nhưng $< 14,5m$	2.500
2	Ngõ số 118: Rẽ đến giáp KDC số 5 phường Tân Thịnh	2.500
3	Khu quy hoạch dân cư số 5 phường Tân Thịnh đã xong cơ sở hạ tầng	
3.1	Các đường quy hoạch có đường rộng $\geq 19m$	3.500
3.2	Các đường còn lại trong KDC có đường rộng $\geq 5m$	2.500
4	Từ giáp đất KDC số 5 phường Tân Thịnh đến gặp ngã ba cổng Bệnh viện Lao ra đường Thống nhất	
4.1	Đường mới	3.500
4.2	Đường cũ	2.500
5	Ngõ số 109; 107; 100; 97: Vào 100m	2.000
6	Ngõ số 65: Rẽ KDC Trường Đại học Công nghệ Giao thông Vận tải (đã xong cơ sở hạ tầng)	2.200
7	Ngõ số 46: Vào Nhà văn hoá tổ 19, phường Tân Thịnh	
7.1	Vào đến hết Nhà văn hoá tổ 19	2.200
7.2	Các đường nhánh còn lại có đường rộng $\geq 5m$	1.700
8	Ngõ số 44: Rẽ KDC Công ty cổ phần Xây dựng phát triển Nông thôn, vào 150m	2.200
9	Ngõ số 31: Vào 100m	1.800
10	Ngõ số 32: Rẽ Nhà văn hoá tổ 18, phường Tân Thịnh, vào 150m	2.200

XXXVI	ĐƯỜNG TÂN THỊNH	
	(Từ đường Quang Trung qua Trường Cao đẳng Kinh tế Tài chính gặp đường 3-2)	
1	Từ đường Quang Trung vào 150m	3.500
2	Qua 150m đến cổng Trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật	2.200
3	Từ cổng Trường Cao đẳng kinh tế Kỹ thuật đến giáp đất Trường Cao đẳng Kinh tế Tài chính	3.200
4	Từ đất Trường Cao đẳng Kinh tế Tài chính đến gặp đường 3-2	4.500
	Trục Phụ	
1	Ngõ số 45: Rẽ cạnh Nhà văn hoá tổ 22, phường Thịnh Đán, vào 100m	1.800
2	Ngõ số 75; 58; 68; và 84: Vào 100m	1.800
3	Ngõ số 101: Vào 200m	1.800
4	Ngõ số 137:	
4.1	Vào 150 m	2.000
4.2	Qua 150 m đến 400 m	1.800
5	Ngõ số 191: Vào 100 m	1.800
XXXVII	ĐƯỜNG Z115	
	(Từ đường Quang Trung đến gặp đường Tổ Hữu)	
1	Từ đường Quang Trung đến hết đất Ký túc xá sinh viên	7.000
2	Từ hết đất Ký túc xá sinh viên đến cầu vượt Sơn Tiến	3.500
3	Từ cầu vượt Sơn Tiến đến gặp đường Tổ Hữu	3.000
	Trục phụ	
1	Ngõ số 5: Rẽ đến cổng phụ UBND phường Tân Thịnh	3.000
2	Ngõ số 16; 30: Rẽ Nhà văn hoá tổ 7, phường Tân Thịnh, vào 100 m	3.000
3	Ngõ số 25: Vào 100 m	3.000
4	Ngõ số 43: Vào 100 m	3.000
5	Rẽ vào KDC tổ 10, phường Tân Thịnh	
5.1	Từ đường Z115 vào 150 m	3.000
5.2	Qua 150 m đến 250 m	2.500
6	Ngõ số 75: Vào 100 m	2.500
7	Ngõ rẽ vào KDC quy hoạch Trường Thiếu sinh quân thuộc tổ 7, phường Tân Thịnh	
7.1	Vào 100 m	2.500
7.2	Qua 100 m đến 250 m	2.200
8	Ngõ số 109: Rẽ vào Toà án quân sự Quân khu I	

8.1	Từ đường Z115 đến cổng Toà án quân sự Quân khu I	3.500
8.2	Từ cổng Toà án quân sự Quân khu I đến Nhà văn hóa tổ 6, phường Tân Thịnh	2.500
8.3	Đoạn còn lại có mặt đường bê tông ≥ 3 m	2.000
9	Rẽ đi Văn phòng Đại học Thái Nguyên	
9.1	Từ đường Z115 đến rẽ cổng Văn phòng Đại học Thái Nguyên, có đường rộng ≥ 19 m	6.000
9.2	Các đường trong KDC quy hoạch Nam Đại học Thái Nguyên đã xây dựng xong cơ sở hạ tầng	
9.2.1	Đường rộng ≥ 14 m, nhưng < 19 m	4.500
9.2.2	Đường rộng ≥ 9 m, nhưng < 14 m	3.500
9.3	Các nhánh rẽ từ trục phụ đường Z115 đi Văn phòng Đại học Thái Nguyên, vào tổ 2 và tổ 3, phường Tân Thịnh	
9.3.1	Từ trục phụ vào 200 m	2.000
9.3.2	Qua 200 m đến 500 m	1.500
9.4	Nhánh rẽ từ trục phụ đối diện Văn phòng Đại học Thái Nguyên đi đến cầu sắt sau Z159	2.000
10	Ngõ rẽ đi Nhà văn hoá tổ 5, phường Tân Thịnh, vào 150m	2.000
11	Ngõ rẽ cạnh Trường THPT vùng cao Việt Bắc vào đến cầu vượt tuyến tránh quốc lộ 3	2.000
12	Ngõ rẽ cạnh Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Thái Nguyên, vào 100m	2.000
13	Ngõ rẽ đi Nhà văn hoá tổ 3, Tiên Ninh (2 đường)	
13.1	Từ đường Z115 vào 100m	1.800
14	Rẽ từ cổng Z115 đến đất KDC xóm Nước Hai	
14.1	Từ cổng Z115 đến đất KDC xóm Nước Hai	1.200
14.2	Rẽ KDC xóm Nước Hai và các đường trong KDC quy hoạch Tái định cư xóm Nước Hai	1.000
15	Rẽ KDC xóm Thái Sơn và các đường trong KDC quy hoạch Thái Sơn	1.200
16	Ngõ rẽ cạnh Nhà văn hóa Z115 vào 100m	1.200
17	Các ngõ rẽ còn lại vào 100m đường rộng $\geq 2,5$ m	1.000
XXXVIII	ĐƯỜNG TỔ HỮU (Từ đường Quang Trung qua UBND xã Quyết Thắng đến hết đất thành phố)	
1	Từ đường Quang Trung đến cổng Công ty Việt Bắc	5.000
2	Từ cổng Công ty Việt Bắc đến ngã 3 gặp đường Z115	3.000
3	Từ ngã ba gặp đường Z115 đến ngã tư xóm Cây Xanh	2.500
4	Từ ngã tư xóm Cây Xanh đến rẽ cổng UBND xã Phúc Xuân	2.000

5	Từ rẽ cổng UBND xã Phúc Xuân đến đường rẽ Trạm Y tế xã Phúc Xuân	2.500
6	Từ đường rẽ Trạm Y tế xã Phúc Xuân đến ngã ba đi Nam Hồ Núi Cốc	2.000
7	Từ ngã ba đi Nam Hồ Núi Cốc đến đầu cầu Khuôn Năm	1.500
8	Từ đầu cầu Khuôn Năm + 500m	1.000
9	Đoạn còn lại đến hết đất thành phố	600
	Trục phụ	
1	Ngõ số 15; 22; 27; 33: Vào 100m	1.800
2	Ngõ số 36: Vào 50m	1.800
3	Ngõ số 45; 51: Vào 150m	1.800
4	Ngõ số 38: Vào 100m	1.800
5	Ngõ số 70 đi xóm Gò Móc, vào 150m	1.000
6	Ngõ số 80; 100 rẽ đi Chùa Cả vào 500m	900
7	Rẽ đi Sơn Tiến gặp đường Z115, có mặt đường bê tông $\geq 3m$	1.500
8	Rẽ xóm Cây Xanh (đối diện X84) vào 100m	700
9	Rẽ đến quán 300	600
9.1	Các đường rẽ trên tuyến là đường bê tông liên xã $\geq 2,5m$ vào 200m	500
10	Rẽ từ đường Tổ Hữu vào đến Nhà văn hoá Núi Nền, nhà văn hoá Đồng Kiệm, Nhà văn hoá Nhà thờ	
10.1	Rẽ từ đường Tổ Hữu vào đến Nhà văn hoá Núi Nền	800
10.2	Nhà văn hoá Núi Nền đến Nhà văn hoá Nhà thờ	600
10.3	Nhà văn hoá Núi Nền đến nhà văn hoá Đồng Kiệm	600
11	Rẽ từ đường Tổ Hữu vào đến Nhà văn hoá xóm Giữa 2	800
12	Nhà văn hoá xóm Giữa 2 vào đến Nhà văn hoá xóm Giữa 1	600
13	Rẽ từ đường Tổ Hữu theo 2 đường	
13.1	Từ đường Tổ Hữu vào đến Nhà văn hóa xóm Cây Thị	800
13.2	Từ nhà văn hóa xóm Cây Thị đến Nhà văn hóa xóm Đèo Đá	500
14	Rẽ đến Trạm Y tế xã Phúc Xuân	
14.1	Từ đường Tổ Hữu vào đến Trạm Y tế xã Phúc Xuân	1.000
14.2	Từ Trạm Y tế xã Phúc Xuân đến Nhà văn hóa xóm Xuân Hòa	700
15	Rẽ từ đường Tổ Hữu đến Nhà văn hóa xóm Đồng Lạnh	600
16	Từ Nhà văn hóa xóm Đồng Lạnh đến đập tràn xã Phúc Trìu	800
17	Rẽ vào đến Nhà văn hoá xóm Cây Si	500
18	Rẽ vào đến Nhà văn hoá xóm Xuân Hoà	800
19	Rẽ vào đến ngã 3 Khuôn Năm Độc Lầy	
19.1	Rẽ vào đến Nhà văn hóa xóm Độc Lầy	800

19.2	Rẽ vào đến Nhà văn hóa xóm Độc Lầy đến Nhà văn hóa xóm Khuôn Năm	400
20	Rẽ vào xưởng nông cụ 1 cũ, vào 100m	500
21	Từ ngã ba đi đập Nam Hồ Núi Cốc đến đỉnh đèo Cao Trắng	1.200
22	Từ đường Phúc Xuân đến xóm rừng Chùa xã Phúc Triu	800
23	Từ đường Tổ Hữu đến hết khách sạn Đông Á III	1.000
XXXIX	ĐƯỜNG TÂN CƯƠNG (Từ đường Quang Trung qua UBND xã Tân Cương đến gặp đường nam Hồ Núi Cốc)	
1	Từ đường Quang Trung đến Nhà văn hoá tổ 7, phường Thịnh Đán	2.500
2	Từ Nhà văn hoá tổ 7, phường Thịnh Đán đến ngã ba quán 300	2.000
3	Từ ngã ba quán 300 đến rẽ chùa Yna	1.500
4	Từ đường rẽ vào chùa Yna đến ngã ba đường rẽ vào Trường Mầm non xã Tân Cương	1.500
5	Từ đường rẽ vào Trường Mầm non xã Tân Cương đến đường rẽ đi bãi rác	1.200
6	Từ đường rẽ đi bãi rác đến gặp đường nam Hồ Núi Cốc (đập chính Hồ Núi Cốc)	1.000
	Trục phụ	
1	Từ đường Tân Cương đến rẽ cổng chính xóm Chợ đi qua xóm Soi Mít gặp đường Tân Cương, từ hai đầu đường vào 300m	800
1.1	Đoạn còn lại trong tuyến	700
1.2	Từ đường Tân Cương vào xóm Soi Mít	500
2	Rẽ chùa Yna, vào 500m	1.000
3	Rẽ đi Núi Guộc, vào 500m	1.000
4	Rẽ Trường Mầm non xã Tân Cương vào hết đất Trạm Y tế xã	1.000
4.1	Từ hết đất Trạm Y tế + 200m	800
5	Rẽ đến cổng Trường THCS Tân Cương	500
6	Rẽ đi Khu xử lý rác thải rắn đến ngầm Hồng Thái	500
7	Các trục liên xóm, liên xã khác là đường bê tông có mặt đường rộng $\geq 2,5m$, vào 200m	500
XL	ĐƯỜNG THỊNH ĐỨC (Từ đường Quang Trung qua UBND xã Thịnh Đức đến hết đất thành phố)	
1	Từ đường Quang Trung đến giáp đất Nghĩa trang Liệt sỹ tỉnh Thái Nguyên	1.500
2	Từ đất Nghĩa trang Liệt sỹ tỉnh Thái Nguyên đến cổng Trường THCS Thịnh Đức	1.200
3	Từ cổng Trường THCS Thịnh Đức đến đường rẽ Trường bắn Lữ đoàn 382	1.200
4	Từ đường rẽ Trường bắn Lữ đoàn 382 đến ngã 3 đi Sông Công	1.000

5	Từ ngã 3 đi Sông Công đến hết đất thành phố	500
	Trục phụ	
1	Từ ngã 3 đi Sông Công đến Trại ngựa Bá Vân (hết đất xã Thịnh Đức)	400
2	Các trục liên xóm, liên xã, là đường bê tông có mặt đường rộng $\geq 2,5\text{m}$, vào 200m	400
XLI	ĐƯỜNG PHÚC XUÂN (Từ đường Tổ Hữu đến gặp đường Phúc Trìu)	
1	Toàn tuyến	1.000
	Trục phụ	
1	Từ đường Phúc Xuân rẽ theo 2 đường đến Nhà văn hóa xóm Long Giang	500
XLII	ĐƯỜNG PHÚC TRÌU (Từ đường Tân Cương - Dọc theo kênh Núi Cốc đến đường Nam Núi Cốc)	
1	Toàn tuyến	800
XLIII	ĐƯỜNG NAM NÚI CỐC (Từ đường Phúc Trìu nối đến đường Tổ Hữu)	
1	Toàn tuyến	1.000
XLIV	ĐƯỜNG DƯƠNG TỰ MINH (Từ ngã ba Mỏ Bạch đến Km số 6 Quốc lộ 3)	
1	Từ ngã ba Mỏ Bạch đến gặp đường đê Mỏ Bạch	16.000
2	Từ đê Mỏ Bạch đến Cầu Mỏ Bạch	11.000
3	Từ cầu Mỏ Bạch đến cổng phụ Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn	5.000
4	Từ cổng phụ Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn đến cổng Z127	5.000
5	Từ cổng Z127 đến đường băng tải than Núi Hồng	5.500
6	Từ băng tải than Núi Hồng đến cầu Tân Long	5.500
7	Từ cầu Tân Long đến ngã 4 tuyến tránh Quốc lộ 3	5.000
8	Từ ngã 4 tuyến tránh Quốc lộ 3 đến Km số 6 (giáp đất Phú Lương)	4.200
	Trục phụ	
1	Đường rẽ vào cổng Nhà máy xay Mỏ Bạch đến KDC Sở Xây dựng	
1.1	Từ đường Dương Tự Minh đến cổng Nhà máy xay	5.000
1.2	Từ cổng Nhà máy xay đến KDC Sở Xây dựng có đường rộng $\geq 3,5\text{m}$	4.000
1.3	Từ Nhà máy xay rẽ trái vào 100m	3.000
2	Ngõ số 20/1: Rẽ vào Khu tập thể Cầu đường, vào 150m	2.500
3	Ngõ số 885: Vào đến đất Doanh nghiệp may Tháng Tám	3.000

4	Ngõ số 962: Rẽ vào chợ Quang Vinh mới	
4.1	Từ đường Dương Tự Minh vào 100m	2.000
4.2	Qua 100m đến 200m rẽ về 2 phía	1.800
4.3	Tiếp theo 2 phía có mặt đường bê tông rộng $\geq 2,5m$, nhưng $< 3,5m$	1.500
5	Ngõ số 882: Rẽ vào xóm Thần Vi	
5.1	Từ đường Dương Tự Minh vào 100m	2.000
5.2	Qua 100m đến 200m	1.800
5.3	Qua 200m tiếp theo đến ngã ba đi nghĩa trang Thần Vi	1.500
5.4	Các nhánh rẽ trên trục phụ có mặt đường bê tông rộng $\geq 2,5m$, vào 100m	1.200
6	Ngõ số 865 và ngõ rẽ cạnh UBND phường Quang Vinh, vào đến nhà văn hoá tổ 8, phường Quang Vinh	2.500
7	Ngõ số 845: Rẽ vào cổng phụ Công ty nhiệt điện Cao Ngạn	
7.1	Từ đường Dương Tự Minh vào 100m	3.500
7.2	Qua 100m đến Nhà văn hóa Điện lực	3.000
7.3	Từ Nhà văn hóa Điện lực đến hết Trường Mầm non Điện lực	2.500
7.4	Các đường rẽ trong KDC quanh sân bóng có mặt đường bê tông rộng $\geq 3m$	2.000
8	Ngõ số 719: Rẽ vào cổng chính Công ty nhiệt điện Cao Ngạn	
8.1	Từ đường Dương Tự Minh đến ngã ba rẽ sân bóng Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn	3.500
8.2	Từ ngã ba rẽ sân bóng Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn đến hết đất Hợp tác xã Cộng Lực	2.500
9	Ngõ số 740: Vào tổ nhân dân Tân Thành (đối diện Ngõ số 719 vào Công ty nhiệt điện Cao Ngạn)	
9.1	Từ đường Dương Tự Minh vào 100m	2.500
9.2	Qua 100m đến 200m	2.000
9.3	Đoạn còn lại và các nhánh rẽ trên trục phụ có mặt đường bê tông rộng $\geq 2,5m$, vào 100m	1.500
10	Ngõ số 675b: Vào hết đường dân sinh	2.500
11	Rẽ cổng nhà máy Z127 đến khu tập thể Z127	
11.1	Từ đường Dương Tự Minh vào đến cổng Z127	3.500
11.2	Từ cổng Z127 rẽ theo hàng rào Z127 đến nhà công vụ Z127	3.000
12	Ngõ rẽ từ đường Dương Tự Minh vào đến nhà công vụ Z127	4.000
12.1	Từ nhà công vụ Z127 đến gặp Chợ Quan Triều	1.800
12.2	Các nhánh rẽ trên đường từ nhà công vụ Z127 đến hết khu tập thể Z127 gặp Chợ Quan Triều vào 100m có đường bê tông $\geq 2m$	1.000
13	Ngõ số 615; 647 và 673:	
13.1	Từ đường Dương Tự Minh vào 100m	1.800

13.2	Qua 100m đến 200m, có mặt đường bê tông rộng $\geq 2,5\text{m}$	1.200
14	Ngõ số 616; 618: Rẽ KDC Cửa hàng ăn Quan Triều đến Thư viện Z127	2.000
15	Ngõ số 575: Rẽ vào Ban Quản lý dự án Công ty nhiệt điện Cao Ngạn (ngõ Đá)	
15.1	Từ đường Dương Tự Minh vào đến cổng Ban quản lý dự án	2.500
15.2	Từ cổng Ban quản lý dự án đi KDC Xây lắp cũ có mặt đường bê tông rộng $\geq 2,5\text{m}$	1.500
16	Ngõ số 527: Rẽ theo hàng rào Bưu điện Quan Triều, vào đến ngã 3	2.500
17	Ngõ số 511: Rẽ theo đường sắt cũ	
17.1	Từ Đường Dương Tự Minh vào 100m	2.000
17.2	Từ qua 100m đến 300m	1.500
17.3	Nhánh đường sắt cũ rẽ sang hội Trường đồ gập khu tái định cư bằng tải than	1.500
18	Rẽ vào đến cổng Công ty cổ phần Giấy Hoàng Văn Thụ	3.000
18.1	Từ cổng Công ty cổ phần Giấy Hoàng Văn Thụ rẽ dọc theo hàng rào nhà máy Giấy Hoàng Văn Thụ đến gập đường goòng cũ	1.500
18.2	Nhánh rẽ vào khu tái định cư tuyến bằng tải than đi gập Ngõ số 511	2.000
18.3	Nhánh rẽ theo hàng rào sân vận động Công ty cổ phần Giấy Hoàng Văn Thụ có đường rộng $\geq 3,5\text{m}$	2.000
19	Ngõ số 451, 698, 714, 641, 636: Từ đường Dương Tự Minh vào 100m	1.800
20	Rẽ vào đường goòng 2 bên	
20.1	Từ đường Dương Tự Minh vào 100m	1.500
20.2	Qua 100m đến 250m	1.000
21	Các ngõ rẽ chưa kể tên từ đường Dương Tự Minh vào 100m	1.500
22	Ngõ số 335: Rẽ vào KDC tổ 6, phường Tân Long, vào 100m	1.000
23	Ngõ rẽ từ số nhà 370; 404, vào 100m	1.000
24	Rẽ theo hàng rào Cơ khí 3/2	
24.1	Từ đường Dương Tự Minh vào 200m	1.200
24.2	Đường trục ngang trong KDC 3/2 có đường rộng $\geq 3,5\text{m}$	1.000
25	Rẽ vào xưởng 100	
25.1	Từ đường Dương Tự Minh vào 150m	1.200
25.2	Đường ngang trong KDC có đường rộng $\geq 3,5\text{m}$	1.000
26	Ngõ số 236: Rẽ vào Trại giam Công an TP cũ, vào 100m	1.200
27	Rẽ vào KDC tổ 9, phường Tân Long	
27.1	Từ đường Dương Tự Minh vào 150m	1.200
27.2	Qua 150m đến 250m tiếp theo	1.000
28	Ngõ số 146: Rẽ đến Nhà văn hóa tổ 11, phường Tân Long (Công ty cổ phần	1.200

	Vận tải ô tô số 10)	
29	Ngõ số 163: Rẽ vào khu tập thể Nhà máy Sứ, vào 200m	1.200
30	Ngõ số 139: Vào UBND phường Tân Long	
30.1	Từ đường Dương Tự Minh qua cổng UBND phường Tân Long đến ngã ba cổng Trường THCS Tân Long	2.000
30.2	Từ cổng Trường THCS Tân Long đến cổng Trường Tiểu học Tân Long	1.500
30.3	Nhánh rẽ từ trục phụ vào KDC số 2 phường Tân Long	1.500
31	Ngõ số 128: Rẽ vào tổ 20, phường Tân Long	
31.1	Từ đường Dương Tự Minh vào đến ngã ba (hết đất Trường Mầm Non phường Tân Long)	1.500
31.2	Từ ngã ba rẽ theo về 2 phía đến cổng chui tuyến tránh Quốc lộ 3	1.200
31.3	KDC tái định cư phường Tân Long:	
31.3.1	Các ô bóm đường quy hoạch rộng $\geq 16,5\text{m}$	1.500
31.3.2	Các ô bóm đường quy hoạch rộng $\geq 9\text{m}$, nhưng $< 16,5\text{m}$	1.200
32	Ngõ số 77: Rẽ KDC tổ 15, vào 100m	1.200
33	Ngõ số 45: Rẽ KDC tổ 16, vào 100m	1.200
34	Đường rẽ vào đồi PAM tổ 16, vào 100m	1.500
XLV	ĐƯỜNG QUANG VINH (Từ đường Dương Tự Minh qua Trường THCS Quang Vinh đi gặp đường Bắc Kạn)	
1	Từ đường Dương Tự Minh đến cổng Trường Mầm non Quang Vinh	4.000
2	Từ cổng Trường Mầm non Quang Vinh đến cổng Trường THCS Quang Vinh	3.500
3	Từ cổng Trường THCS đến đất Trường Tiểu học Quang Vinh, đã xây dựng xong cơ sở hạ tầng có đường $\geq 19,5\text{m}$	4.500
4	Từ đất Trường Tiểu học Quang Vinh đến Nhà văn hoá xóm Soi Dầu	3.500
5	Từ Nhà văn hoá xóm Soi Dầu đến Nhà văn hóa Quyết Tiến I, II.	2.000
6	Từ Nhà văn hoá xóm Soi Dầu ra gặp đường Bắc Kạn	2.000
	Trục phụ	
1	Rẽ vào KDC quy hoạch Nhà máy xay Mỏ Bạch (Rẽ sau Công an phường Quang Vinh), vào 100m	2.000
2	Rẽ xóm Rừng Vầu, vào 200m	2.000
3	Rẽ tổ Quang Vinh 1; Quang Vinh 2 vào 150m, có đường bê tông rộng $\geq 2,5\text{m}$	2.000
4	Đường còn lại trong KDC số 1 Quang Vinh đã xây dựng xong cơ sở hạ tầng: Đường rộng $\geq 9\text{m}$	4.000
5	Các nhánh rẽ trên đường Quang Vinh, (đoạn từ Trường tiểu học Quang Vinh đến Nhà văn hóa tổ Soi Dầu), vào 150m	2.500
6	Các nhánh rẽ trên đường Quang Vinh, (đoạn từ Nhà văn hóa tổ Soi Dầu đến đường Bắc Kạn), vào 150m	1.000

XLVI	ĐƯỜNG QUAN TRIỀU (Từ đường Dương Tự Minh vào ga Quan Triều)	
1	Từ đường Dương Tự Minh đến cổng Công ty cổ phần Xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng Thái Nguyên	3.200
2	Từ cổng Công ty cổ phần Xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng Thái Nguyên đến Ga Quan Triều	2.200
	Trục Phụ	
1	Rẽ theo hàng rào chợ Quan Triều, vào 50m	1.800
2	Rẽ từ đường Quan Triều vào KDC Công ty cổ phần Xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng, vào 100m	1.500
3	Rẽ từ đường Quan Triều đến cổng Trường Mầm non Quan Triều	2.200
4	Trường Mầm non Quan Triều đến hết Trường tiểu học Hoàng Văn Thụ	2.000
5	Các nhánh rẽ còn lại trong khu dân cư số 3, phường Quan Triều đã xây dựng xong cơ sở hạ tầng	1.800
6	Rẽ từ đường Quan Triều đi tổ nhân dân 15 (đối diện đường vào cầu chui cũ)	
6.1	Vào 100m	1.800
6.2	Từ 100m đến 300m	1.200
7	Rẽ từ Ga Quan Triều theo đường sắt vào 100m, có đường bê tông $\geq 2,5m$	1.200
8	Các nhánh khác rẽ từ đường Quan Triều vào 100m có đường bê tông rộng $\geq 2,5m$	1.200
XLVII	ĐƯỜNG PHÚC HÀ (Từ đường Dương Tự Minh đến gặp đường Tổ Hữu)	
1	Từ đường Dương Tự Minh vào 150m	2.000
2	Qua 150m đến ngã 3 rẽ Trường THCS Hoàng Văn Thụ	1.500
3	Từ ngã 3 rẽ Trường THCS Hoàng Văn Thụ đến ngã 3 cổng cân	1.000
4	Từ ngã ba cổng cân đến đường sắt đi Ga B Núi Hồng	450
5	Từ đường sắt đi Ga B Núi Hồng đến cầu vượt đường tránh Quốc lộ 3	750
6	Từ cầu vượt đường tránh Quốc lộ 3 đến UBND xã Phúc Hà	450
7	Từ UBND xã Phúc Hà đến cách đường Tổ Hữu 500m	400
8	Từ cách đường Tổ Hữu 500m đến gặp đường Tổ Hữu	500
	Trục phụ	
1	Rẽ KDC tổ 17, phường Quan Triều, vào 150m	1.800
2	Từ ngã 3 rẽ đi gặp Trường Mầm non Quan Triều	1.200
3	Từ cổng Trường Mầm non Quan Triều đến hết đất trường Tiểu học Hoàng Văn Thụ	2.000
4	Từ trạm cân đến cổng trạm bảo vệ số 1 Mỏ than Khánh Hoà	500

5	Từ khu tái định cư số 2 Phúc Hà đến khu trung tâm hành chính xã Phúc Hà	400
6	Rẽ đến Đài tưởng niệm xã Phúc Hà	350
7	Rẽ đến Nhà văn hóa xóm 8	350
8	Rẽ theo suối Chàm Hồng đến hết đất xã Phúc Hà	400
9	Từ ngã ba lò vôi đến trạm gác thu phí số 2 xã Phúc Hà	450
9.1	Từ cổng Đồng Quan đến cổng Nhà máy xi măng Quan Triều	450
10	Các trục phụ khác liên xóm, liên xã có đường bê tông $\geq 2,5m$, vào 200m	350
XLVIII	ĐƯỜNG THỐNG NHẤT (Từ đường Bắc Nam đến ngã 3 rẽ Bệnh viện Lao và bệnh Phổi gặp đường 3/2)	
1	Từ ngã 3 Bắc Nam đến đường sắt Hà Thái	8.500
2	Đường sắt Hà Thái đến hết đất Xí nghiệp may Việt Thái	7.000
3	Giáp đất xí nghiệp may Việt Thái đến ngã 3 rẽ Bệnh viện Lao và bệnh Phổi	6.000
	Trục phụ	
1	Ngõ số 160: Rẽ đi tổ 12, phường Đồng Quang	
1.1	Từ đường Thống Nhất vào đến cổng Khách sạn Hải Yến	3.000
1.2	Từ cổng Khách sạn Hải Yến rẽ 2 phía đến 100m	2.500
2	Ngõ số 279: Rẽ theo hàng rào Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thái Nguyên đến hết đất Ngân hàng	3.000
3	Ngõ số 301: Đi tổ 24, phường Gia Sàng gặp đường Tân Quang	
3.1	Vào 100m	2.500
3.2	Qua 100m đến gặp đường Tân Quang	2.000
4	Ngõ số 321: Rẽ KDC Bách hoá	
4.1	Từ đường Thống Nhất vào 100m	2.000
4.2	Qua 100m đến 250m	1.800
5	Ngõ số 339: Rẽ cạnh ki ốt xăng	
5.1	Từ đường Thống Nhất vào đến ngã ba đầu tiên	3.000
5.2	Từ ngã ba đầu tiên rẽ đi 2 phía	2.500
6	Ngõ số 350: Rẽ tổ 13, phường Đồng Quang, vào 150m	2.000
7	Ngõ số 369: Rẽ theo đường sắt Hà Thái vào 100m	
7.1	Từ đường Thống Nhất vào 100m	2.000
7.2	Qua 100m đến 250m	1.800
8	Ngõ số 1: Rẽ vào Nhà văn hoá tổ 1A, 1B, vào 100 m (song song đường sắt Hà Thái)	1.800
9	Ngõ số 77; 89: Vào hết KDC số 3 Tân Lập đã xong cơ sở hạ tầng	2.500

10	Ngõ số 294:	
10.1	Từ đường Thống Nhất đến cổng Công ty cổ phần vận tải ô tô	2.500
10.2	Cổng Công ty cổ phần vận tải ô tô qua cổng Trường Lê Văn Tám đến Nhà văn hóa tổ 17	1.800
11	Ngõ số 151: Rẽ Công ty Kim khí Thái Nguyên và Trạm đăng kiểm giao thông	
11.1	Từ đường Thống Nhất vào 100m	3.000
11.2	Qua 100m đến cổng Công ty Kim khí Thái Nguyên, Trạm đăng kiểm giao thông	2.500
12	Ngõ số 153: Rẽ KDC xưởng đậu và chợ Chè Hương, vào 100m	2.000
13	Ngõ số 209; 231: Rẽ cạnh Xí nghiệp may Việt Thái	
13.1	Vào 150m	1.800
13.2	Qua 150m đến Nhà văn hoá tổ 2, phường Tân Lập	1.500
14	Ngõ số 478 rẽ KDC tập thể Trường Cao đẳng Thương Mại Trung ương 4, vào 150m	2.500
15	Ngõ số 287: Rẽ đối diện đường Phú Thái, vào 150m	2.000
16	Ngõ số 289: Rẽ theo hàng rào Xí nghiệp quản lý giao thông đến hết khu tập thể có đường bê tông $\geq 2,5m$	2.200
17	Ngõ số 556 vào đến Nhà văn hóa tổ 18, phường Tân Thịnh	2.500
18	Ngõ số 558 rẽ khu tập thể Bệnh viện Lao và bệnh Phổi, vào 100 m	2.500
19	Rẽ đến cổng Bệnh viện Lao và bệnh phổi (đường cũ)	2.500
20	Ngõ số 260: Từ đường Thống Nhất vào 100m	3.000
XLIX	ĐƯỜNG 3/2 (Từ đường Thống Nhất đến ngã ba rẽ đường Phố Hương gặp đường 30/4)	
1	Từ đường Thống Nhất (ngã 3 rẽ Bệnh viện Lao và bệnh Phổi) đến ngã tư Trường Cao đẳng Kinh tế Tài Chính	5.000
2	Từ ngã tư Trường Cao đẳng Kinh tế Tài chính đến rẽ Cụm công nghiệp số II Tân Lập	4.500
3	Từ đường rẽ Cụm công nghiệp số II Tân Lập đến hết đất Trường Tiểu học Tân Lập	4.500
4	Từ hết đất Trường Tiểu học Tân Lập đến đường rẽ vào Ga Lưu Xá	5.000
5	Từ đường rẽ vào Ga Lưu Xá đến rẽ đường Phú Xá	7.000
6	Từ rẽ đường Phú Xá đến Trường THCS Tích Lương	5.000
7	Từ Trường THCS Tích Lương đến ngã 3 Phố Hương	4.000
	Trục phụ	
1	Rẽ vào Quốc lộ 3 (tuyến tránh TP), vào 250m	3.500
2	Ngõ số 401: Rẽ đối diện Trường Cao đẳng Kinh tế Tài chính, vào 150m	2.000
3	Ngõ rẽ đến cổng XN 19/5	2.500

4	Ngõ số 118: Rẽ đối diện đường vào Xí nghiệp 19/5, vào 150m	1.500
5	Ngõ số 146: Rẽ cạnh Công an phường Tân Lập, vào 150m	1.800
6	Ngõ số 168: Rẽ KDC số 1 Tân Lập	
6.1	Vào 150m	3.000
6.2	Qua 150m và các đường quy hoạch rộng $\geq 9m$, đã xong cơ sở hạ tầng	2.500
6.3	Các đường quy hoạch rộng $\geq 5m$, nhưng $< 9m$, đã xong cơ sở hạ tầng	2.000
7	Ngõ số 547: Rẽ hết cụm công nghiệp số 2 Tân Lập	3.000
8	Ngõ số 226: Vào 150m	2.000
9	Rẽ từ cạnh số nhà 631 vào đến hết KDC xưởng thực nghiệm	2.000
10	Ngõ số 272: Vào nhà khách Kim Loại màu	
10.1	Từ đường 3/2 vào 100m	2.500
10.2	Qua 100m đến sân bóng	2.000
11	Ngõ số 709: Rẽ vào đến cổng Công ty 472	2.200
12	Ngõ số 360: Vào 100m (Đối diện đường vào Công ty 472)	2.000
13	Ngõ số 775: Vào 100m (Đối diện Ki ốt xăng dầu Hùng Hà)	1.500
14	Ngõ số 801: Rẽ theo hàng rào Doanh nghiệp Hà Thanh, vào 200m	1.500
15	Ngõ rẽ cạnh cây xăng Mạnh Hùng	
15.1	Từ đường 3/2 vào 200 m	2.000
15.2	Qua 200 m đến 450 m	1.500
16	Ngõ rẽ vào xóm Ba Nhất đến sân vận động Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp Thái Nguyên	
16.1	Từ đường 3/2 vào 200m	2.500
16.2	Qua 200 m đến sân vận động	2.000
17	Rẽ vào ga Lưu Xá	
17.1	Từ đường 3/2 đến cổng Văn phòng Công ty Kim loại màu	3.000
17.2	Cổng văn phòng Công ty Kim loại màu đến cổng xưởng sản xuất của Công ty kim loại màu	2.000
17.3	Từ cổng Xưởng sản xuất Công ty kim loại màu đến Ga Lưu Xá	1.500
18	Rẽ KDC quy hoạch đường Ga Lưu Xá	
18.1	Từ đường Ga Lưu Xá vào 150 m	2.500
18.2	Đoạn còn lại và các đường khác trong KDC quy hoạch	2.000
19	Ngõ rẽ cạnh Bưu điện Phú Xá vào KDC tổ 11, vào 100m	2.000
20	Từ đường 3/2 rẽ Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh Thái Nguyên	
20.1	Từ đường 3/2 vào 200m	3.500
20.2	Qua 200m đến nhà văn hóa xóm Bắc Lương	2.000

20.3	Từ nhà văn hóa xóm Bắc Lương đến nghĩa trang xã Tích Lương	1.000
21	Rẽ xóm Cầu Thông	
21.1	Từ đường 3/2 vào 200m	1.500
21.2	Qua 200m tiếp theo đến đập giếng Cỏi	1.500
22	Ngõ số 1307 rẽ vào KDC tổ 27, 28, phường Phú Xá: Từ đường 3/2 vào 150m	2.200
23	Ngõ số 1431 rẽ vào KDC tổ 29, phường Phú Xá: Từ đường 3/2 vào 150m	2.000
24	Rẽ vào Nhà văn hoá xóm Hào Thọ	
24.1	Từ đường 3/2 vào 200m	2.500
24.2	Tiếp theo đến ngã 3 cổng Trường Tiểu học Tích Lương	1.500
24.3	Từ ngã 3 cổng Trường Tiểu học Tích Lương Tiếp theo đi 2 phía + 250m	1.200
25	Rẽ Hồ nước Tích Lương (đường 1), vào 200m	2.500
26	Rẽ Hồ nước Tích Lương (đường 2), vào 200m	1.800
27	Rẽ xóm Trung Lương đến Trường Cao đẳng nghề Luyện Kim	
27.1	Từ đường 3/2 vào 200m	1.800
27.2	Qua 200m đến 450m	1.200
27.3	Qua 450m đến đất Trường Cao đẳng nghề Luyện Kim	900
28	Rẽ nhà văn hóa xóm Trung Lương, vào 200m	1.500
29	Rẽ đối diện Ki ốt xăng dầu số 2 Tích Lương đến gặp đường sắt Hà Thái	
29.1	Từ đường 3/2 vào 100m	2.300
29.2	Qua 100m đến đường sắt Hà Thái	1.500
L	ĐƯỜNG PHÚ XÁ (Từ đường Cách mạng tháng Tám đến đường 3/2)	
1	Từ đường Cách mạng tháng Tám đến đường sắt Hà Thái	3.500
2	Từ đường sắt Hà Thái đến đường rẽ nghĩa trang phường Phú Xá	3.000
3	Từ đường rẽ nghĩa trang phường Phú Xá đến gặp đường 3/2	4.000
	Trục phụ	
1	Ngõ số 83: Rẽ vào UBND phường Phú Xá đến Khu tập thể đường sắt	2.000
2	Ngõ số 101: Vào 100m	1.500
3	Ngõ rẽ vào nghĩa trang phường Phú Xá	1.500
4	Các Ngõ số 47, 56 vào 100m	1.500
LI	ĐƯỜNG 30/4 (Từ ngã ba rẽ đường Phố Hương đến hết đất thành phố)	
1	Từ ngã ba Phố Hương đến cầu Ba Cống	3.200
2	Từ cầu Ba cống đến bưu điện Tân Thành	3.500

3	Từ Bưu điện Tân Thành đến hết đất thành phố	3.000
	Trục phụ	
1	Rẽ vào Trường Cao đẳng nghề Cơ điện Luyện kim	
1.1	Từ đường 30/4 vào 200m	1.800
1.2	Qua 200m đến cổng trường	1.500
1.3	Các nhánh rẽ trên trục phụ có đường bê tông rộng $\geq 2,5\text{m}$ vào 100m	900
2	Rẽ cạnh Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Trung Thành, có đường bê tông $\geq 2,5\text{m}$	
2.1	Từ đường 30/4 vào 100m	1.200
2.2	Qua 100m đến 350m	1.000
3	Rẽ khu tái định cư Quốc lộ 3 mới	
3.1	Đường rộng $\geq 14,5\text{ m}$ đến $< 16,5\text{ m}$	1.500
3.2	Các đường còn lại trong khu quy hoạch có đường rộng $< 14,5\text{ m}$	1.200
4	Rẽ ngõ cạnh Hợp tác xã công nghiệp Toàn Diện, có đường bê tông $\geq 2,5\text{ m}$, vào 100m	1.200
5	Rẽ vào xóm Trước	
5.1	Từ đường 30/4 vào 200 m	800
5.2	Qua 200 m đến 400 m	600
6	Rẽ vào đến cổng Trường Văn hoá 1. Bộ Công an	800
7	Rẽ vào đến Ga Lương Sơn	700
8	Rẽ theo bờ kênh Núi Cốc đi gặp đường sắt Hà Thái, vào 200m	500
9	Rẽ xóm La Hoàng, vào 100m	700
LII	ĐƯỜNG TÍCH LƯƠNG (Từ đường 3/2 đến Lữ đoàn 210 Quân khu I)	
1	Từ đường 3/2 vào hết đất xưởng thực hành Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp Thái Nguyên	5.000
2	Từ hết đất xưởng thực hành Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp Thái Nguyên + 300 m	4.000
3	Qua 300 m đến cầu hết đất Lữ đoàn 210 Quân khu I	1.500
	Trục phụ	
1	Rẽ nhà văn hoá xóm Cầu Thông vào 200m	1.000
2	Rẽ nhà văn hoá xóm Tung vào 200m	1.000
3	Các đường quy hoạch trong khu tái định cư Quốc lộ 3 mới (Xóm Núi Dài)	1.500
4	Rẽ KDC Nam Đại học Kỹ thuật Công nghiệp Thái Nguyên	
4.1	Đoạn đường Tích Lương mới	3.000
4.2	Đường rộng từ 19,5 m đến $< 27\text{ m}$	3.000

4.3	Đường rộng từ 14,5 m đến < 19,5m	2.500
4.4	Các đường còn lại trong khu quy hoạch	2.000
LIII	ĐƯỜNG PHỐ HƯƠNG (Từ đường sắt đi kép đến gặp đường 3/2)	
1	Đường sắt đi kép đến gặp đường Gang Thép	4.500
2	Từ đường Gang Thép đến giáp đất phân hiệu 2 Trường Cao đẳng Cơ khí Luyện kim	5.500
3	Từ giáp đất phân hiệu 2 Trường cao đẳng Cơ khí Luyện kim đến ngã tư KDC số 1 phường Trung Thành (gặp đường Lưu Nhân Chú)	4.000
4	Từ ngã tư KDC số 1 phường Trung Thành đến hết KDC	5.500
*	Các đường còn lại trong KDC số 1 phường Trung Thành, đã xong hạ tầng	3.000
5	Từ hết KDC số 1 phường Trung Thành đến gặp đường 3/2	3.000
	Trục phụ	
1	2 ngõ rẽ theo hàng rào Nhà trẻ 1/5 đến hết đất Nhà trẻ	2.000
2	Ngõ rẽ từ cạnh số nhà 25 và 37: Vào 100m	2.000
3	Các ngõ rẽ trên đường Phố Hương đoạn từ chợ Dốc Hanh đến ngã 4 đường Lưu Nhân Chú, có mặt đường bê tông $\geq 2,5m$, vào 150m	2.200
4	Từ đường Phố Hương rẽ theo 2 đường vào KDC tập thể Phố Hương	
4.1	Rẽ vào 300m	2.200
4.2	Qua 300m đến 500m đường $\geq 3,5m$	1.800
4.3	Các đường nhánh khác trong KDC có đường rộng $\geq 2,5m$, vào 100m	1.200
LIV	ĐƯỜNG GANG THÉP (Từ đường 3/2 qua UBND phường Trung Thành đến gặp đường Lưu Nhân Chú)	
1	Từ đường 3/2 đến rẽ Trường Tiểu học Trung Thành	4.500
2	Từ rẽ Trường Tiểu học Trung Thành đến rẽ Trường Độc Lập	7.500
3	Từ rẽ Trường Độc lập đến đường Cách mạng tháng Tám	10.000
4	Từ đường Cách mạng tháng Tám (bách hoá Gang Thép) vào 100m	4.000
5	Qua 100m đến 250m	3.000
6	Qua 250m đến cách đường Lưu Nhân Chú 100 m	2.300
7	Từ cách đường Lưu Nhân Chú 100 m đến gặp đường Lưu Nhân Chú	3.000
	Trục phụ	
1	Rẽ từ cạnh số nhà 299 đến Nhà văn hoá số 3 phường Trung Thành, vào 100m	1.500
2	Rẽ từ cạnh số nhà 196 đi tổ nhân dân số 19, phường Trung Thành, vào 100m	1.500

3	Rẽ từ cạnh số nhà 227 theo hàng rào Trung tâm hướng nghiệp thành phố Thái Nguyên	
3.1	Rẽ từ cạnh số nhà 227 đến Nhà văn hoá tổ 2, phường Trung Thành	1.500
3.2	Nhà văn hoá tổ 2, phường Trung Thành vào 300m	1.000
4	Rẽ cạnh Doanh nghiệp tư nhân Hải Long đi tổ nhân dân số 14, vào 100m	1.500
5	Rẽ cạnh Đài tưởng niệm Liệt sỹ phường Trung Thành, vào 100m	2.000
6	Rẽ từ cạnh số nhà 102 vào Trường Tiểu học Trung Thành	
6.1	Từ đường Gang Thép đến ngã ba thứ 2	2.500
6.2	Qua ngã ba thứ 2 + 250m	1.500
7	Ngõ rẽ từ cạnh số nhà 153: Rẽ vào Nhà văn hóa đôi Độc Lập	
7.1	Từ đường Gang Thép đến cổng Nhà văn hóa đôi Độc Lập	2.500
7.2	Các đường nhánh trong KDC đôi Độc Lập, có mặt đường bê tông rộng $\geq 2,5m$, vào 100m	1.500
8	Ngõ rẽ từ cạnh số nhà 88 (cạnh Kho bạc Lưu Xá cũ) vào đến ngã ba thứ 2	2.500
9	Rẽ vào Trường tiểu học Độc lập	
9.1	Từ đường Gang Thép đến hết đất Trường tiểu học Độc Lập	4.500
9.2	Từ giáp đất Trường tiểu học Độc lập đến hết đất Trường THCS Độc lập	3.500
9.3	Các đường nhánh trong KDC đôi Độc Lập có mặt đường bê tông rộng $\geq 2,5m$, vào 100m	1.500
10	Rẽ KDC sau Bách hóa Dốc Hạnh vào 150 m	2.000
11	Từ đường Gang Thép vào đến KDC xí nghiệp năng lượng	1.500
12	Các nhánh rẽ khác từ bách hoá Gang Thép đến đường Lưu Nhân Chú, có mặt đường bê tông rộng $\geq 2,5m$, vào 100m	1.200
LV	ĐƯỜNG LƯU NHÂN CHÚ (Từ đường Phố Hương qua đảo tròn Gang thép đến cổng phụ Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên thuộc phường Cam Giá)	
1	Từ ngã tư KDC số 1 phường Trung Thành đến cổng sân vận động Gang thép	5.000
2	Từ cổng sân vận động Gang Thép đến đảo tròn Gang Thép	6.500
3	Từ đảo tròn Gang Thép đến gặp đường Hương Sơn	4.000
4	Từ đường Hương Sơn đến gặp ngõ số 261	3.500
5	Từ ngõ số 261 đến gặp đường sắt đi Kép	4.500
6	Từ đường sắt đi Kép đến rẽ đập Suối Cốc (UBND phường Cam Giá cũ)	2.000
7	Từ rẽ đập Suối Cốc đến cổng phụ Gang thép	1.500
	Trục phụ	
1	Ngõ số 537: vào 50m	2.000

2	Ngõ số 499; 530: Rẽ KDC lắp máy điện	
2.1	Từ đường Lưu Nhân Chú vào 100m	2.000
2.2	Qua 100m đến 300m có đường rộng $\geq 3,5m$	1.800
2.3	Các nhánh khác còn lại trong KDC có đường rộng $\geq 2,5m$, vào 100m	1.200
3	Ngõ số 513: Đi gặp đường quy hoạch KDC cán 650	3.000
3.1	Các nhánh rẽ khác thuộc đoạn trên có mặt đường rộng $\geq 4,5m$, vào 100m	1.200
4	Ngõ số 501: Rẽ KDC Cán 650 (đường chính)	
4.1	Từ đường Lưu Nhân Chú vào 200m	3.500
4.2	Qua 200m đến 400m	2.500
4.3	Qua 400m đến 700m	1.800
4.4	Các nhánh rẽ trên trục phụ trong KDC cán 650	1.200
5	Ngõ số 423; 465: Rẽ đến Nhà văn hoá thể thao Gang Thép, vào 150m	3.800
6	Ngõ số 434: Rẽ sau Ngân hàng Lưu Xá, vào 100m	2.800
7	Rẽ cạnh Nhà văn hoá tổ 27, phường Hương Sơn đi đội Sỏi, vào 100m	2.000
8	Rẽ sau đất Bưu điện Hương Sơn, vào hết KDC quy hoạch đường Lưu Nhân Chú	2.000
9	Các đường quy hoạch trong KDC đường Lưu Nhân Chú	3.000
10	Rẽ đi tổ 3, phường Hương Sơn vào 200m	1.500
11	Rẽ vào xóm Bình Dân (đối diện Bưu điện Hương Sơn), vào 100m	2.000
12	Rẽ khu tập thể nhà máy Luyện Gang	
12.1	Từ đường Lưu Nhân Chú vào 200m	1.500
12.2	Các nhánh rẽ từ đường vào khu tập thể nhà máy Luyện Gang có đường $\geq 3,5m$ vào 100m	1.000
13	Ngõ số 261: Vào Trường THCS Hương Sơn	
13.1	Từ đường Lưu Nhân Chú vào hết đất Trường THCS Hương Sơn	2.000
13.2	Giáp đất Trường THCS Hương Sơn vào 200m	1.200
13.3	Rẽ từ đường Trường THCS Hương Sơn vào Trường Tiểu học Hương Sơn	1.200
13.4	Các nhánh từ đường vào Trường Tiểu học Hương Sơn có đường rộng $\geq 3,5m$, vào 150m	1.000
14	Đường vào UBND phường Hương Sơn	
14.1	Từ đường Lưu Nhân Chú vào đến cổng UBND phường Hương Sơn	2.500
14.2	Các nhánh rẽ vào khu tập thể Nhà máy Cốc Hoá có đường rộng $\geq 3,5m$, vào 150m	1.200
15	Rẽ theo đường sắt đi cầu Trần Quốc Bình: Vào 400m	800
16	Ngõ số 59 (đường trục phường Cam Giá)	
16.1	Vào 300m	1.200

16.2	Qua 300m đến ngã 3 đập Suối Cốc	900
16.3	Từ ngã 3 đập Suối Cốc đến kho HTXNN Tân Hương	700
16.4	Kho HTXNN Tân Hương qua chợ Cam Giá đến hết khu tập thể Nhà máy tấm lợp Amiăng	800
16.5	Giáp đất khu tập thể Nhà máy tấm lợp Amiăng gặp đề Cam giá	700
LVI	ĐƯỜNG HƯƠNG SƠN (Từ đường Lưu Nhân Chú đến Sông Cầu vào Soi Mít)	
1	Từ đường Lưu Nhân Chú vào 200m	2.500
2	Qua 200m đến hết đất Trung tâm Giáo dục lao động xã hội thành phố Thái Nguyên	1.800
3	Từ hết đất trung tâm giáo dục Lao động xã hội thành phố Thái Nguyên đến cầu treo	1.000
	Trục phụ	
1	Rẽ từ đường Hương Sơn vào KDC đôi F, vào 200m	1.000
2	Các nhánh rẽ từ trục phụ đường Hương Sơn vào KDC đôi F có mặt đường bê tông rộng $\geq 2,5m$ vào 150m	900
LVII	ĐƯỜNG VÓ NGỰA (Từ Đảo tròn Gang thép đi huyện Phú Bình)	
1	Từ đảo tròn Gang thép đến rẽ cổng Trường THPT Gang thép	6.000
2	Từ rẽ Trường THPT Gang Thép đến ngã 3 gặp đường Tân Thành	4.000
3	Từ ngã 3 gặp đường Tân Thành đến hết đất phường Tân Thành	3.000
4	Từ hết đất phường Tân Thành đến gặp đường Lương Sơn	2.000
5	Từ đường Lương Sơn đến hết đất Thành phố Thái Nguyên	1.500
	Trục phụ	
1	Từ đảo tròn Gang Thép rẽ sau khách sạn 5 tầng vào xóm Bình Dân	
1.1	Từ trục chính vào 100m	2.300
1.2	Qua 100m đến 200m	1.500
2	Rẽ Trường THPT Gang thép: Từ đường Vó Ngựa vào 100m	2.000
3	Rẽ vào khu tập thể 2 tầng bệnh viện Gang Thép cũ	
3.1	Từ đường Vó Ngựa vào 100m	2.500
3.2	Qua 100m đến hết đường bê tông $\geq 3m$	2.000
3.3	Các nhánh khác trong KDC có đường bê tông $\geq 2,5m$, vào 150m	1.200
4	Rẽ vào khu B Trung tâm giáo dục lao động xã hội thành phố Thái Nguyên	
4.1	Từ đường Vó Ngựa vào 100m	2.000
4.2	Qua 100m đến 250m đường bê tông $\geq 3m$	1.500

5	Các nhánh rẽ còn lại thuộc đoạn từ đảo tròn Gang Thép đến ngã ba đường Tân Thành vào 100m có đường bê tông rộng $\geq 2,5\text{m}$	1.500
6	Ngõ vào KDC xóm II Ninh Hương (xã Lương Sơn) đến KDC phân viện Luyện kim đen (cũ) vào 200m	700
7	Rẽ đi khu miền Ninh Sơn (xã Lương Sơn), vào 200m	800
8	Rẽ đi xóm Cầu, vào 200m (xã Lương Sơn)	600
LVIII	ĐƯỜNG TÂN THÀNH (Từ đường vó ngựa đến gặp đường 30/4)	
1	Từ đường Vó Ngựa vào 150m (ngã 3 rẽ tổ 9,10, phường Tân Thành)	2.500
2	Cách đường Vó Ngựa 150m đến cổng Trường THCS Tân Thành	1.500
3	Từ cổng Trường THCS Tân Thành đến đường sắt Hà Thái	2.000
4	Từ đường sắt Hà Thái gặp đường 30/4	3.000
	Trục phụ	
1	Các nhánh rẽ từ đường Tân Thành, có đường bê tông $\geq 2,5\text{m}$ vào 100m	1.000
LIX	ĐƯỜNG LƯƠNG SƠN (Từ đường Vó Ngựa qua UBND xã Lương Sơn gặp đường 30/4)	
1	Từ đường Vó Ngựa đến ngã ba rẽ xóm Ngân	700
2	Từ ngã ba rẽ xóm Ngân đến đường sắt Hà Thái	1.500
3	Từ đường sắt Hà Thái đến gặp đường 30/4	2.000
	Trục phụ	
1	Rẽ xóm Pha, vào 200m	400
2	Rẽ đối diện Trạm Y tế xã Lương Sơn đi xóm Pha, vào 200m	400
3	Rẽ xóm Tân Trung. Vào đến trại chăn nuôi Hùng Chi	400
4	Rẽ vào Nhà văn hoá xóm Ngân, vào 200m	400
5	Rẽ đến cổng Trường Cao đẳng Luyện kim	2.000
6	Từ cổng Trường Cao đẳng Luyện kim đi Trường Quân sự QKI	
6.1	Từ cổng Trường Cao đẳng Luyện kim đến kênh Núi Cốc	800
6.2	Từ kênh Núi Cốc đến cổng Trường quân sự Quân khu I	700
7	Rẽ KDC xóm 5 Tân Sơn, vào 200 m	700
LX	ĐƯỜNG QUỐC LỘ 1B (CŨ) (Từ cầu Gia Bảy đến hết đất Hợp tác xã Cờ Hồng)	
1	Từ cầu Gia Bảy đến kiốt xăng doanh nghiệp Tiến Thịnh	6.000
2	Từ giáp đất kiốt xăng Doanh nghiệp Tiến Thịnh đến hết đất Hợp tác xã Cờ Hồng	5.000
	Trục phụ	

1	Rẽ vào Nhà văn hoá xóm Gia Bầy vào 100m	2.500
1.1	Đoạn còn lại và các nhánh rẽ trên trục phụ có mặt đường bê tông $\geq 2,5m$, vào 100m	2.000
2	Rẽ vào Đình Đồng Tâm vào 100m	2.200
2.1	Đoạn còn lại và các nhánh rẽ trên trục phụ có mặt đường bê tông $\geq 2,5m$, vào 100m	2.000
3	Rẽ vào xóm Đồng Tâm (đối diện đường đi cầu treo cũ), vào 100m	2.500
4	Rẽ đi cầu treo cũ vào 100m	2.500
5	Rẽ đến nhà văn hoá xóm Đồng Tâm	2.500
6	Rẽ xóm Đông (2 nhánh đối diện kiốt Công ty xăng dầu Bắc Thái), vào 100m	2.500
7	Rẽ đi Bến Tượng	
7.1	Vào đến Trung tâm văn hoá xóm Đông	2.500
7.2	Từ Trung tâm văn hoá xóm Đông đến Bến tượng	2.000
8	Rẽ vào xóm Văn Thánh vào 200m	
8.1	Từ đường Quốc lộ 1B vào đến ngã tư thứ nhất KDC quy hoạch xóm Văn Thánh	3.000
8.2	Đoạn còn lại đến hết khu quy hoạch	2.000
9	Rẽ theo hàng rào doanh nghiệp Việt Cường vào KDC Ao Voi, vào 150m	2.000
10	Rẽ vào Nhà máy Nước sạch Đồng Bầm	
10.1	Từ Quốc lộ 1B đến Nhà máy Nước sạch Đồng Bầm	2.000
10.2	Đoạn còn lại rẽ đi các nhánh có đường bê tông $\geq 2,5m$ vào 100m	1.800
11	Rẽ theo hàng rào Công ty cổ phần lâm sản Thái Nguyên, vào 150m	2.000
12	Rẽ theo hàng rào Công ty TNHH Thái Dương vào KDC Ao voi, vào 150m	1.800
LXI	QUỐC LỘ 1B (MỚI) (Đoạn nối Quốc lộ 3 với Quốc lộ 1B qua địa phận xã Cao Ngạn)	
1	Từ Cầu Cao Ngạn đến rẽ xóm Quyết Thắng	2.500
	Trục phụ	
1	Rẽ đi xóm Gốc Vối	
1.1	Từ đường nối Quốc lộ 3 với Quốc lộ 1B, vào 150m	1.000
1.2	Qua 150m đến ngã 3 Gốc Vối	600
1.3	Từ ngã 3 Gốc Vối đến cầu cáp Cao Ngạn (hết đường bê tông)	500
1.4	Từ ngã 3 Gốc Vối đến hết đất Tiểu đoàn 23 Quân khu I	500
2	Rẽ qua xóm Thành Công gặp ngã tư đi Công ty cổ phần xi măng Cao Ngạn	800
3	Các nhánh rẽ còn lại có đường rộng $\geq 2,5m$, vào 150 m	500
LXII	ĐƯỜNG ĐỒNG BẦM	

	(Từ đường Quốc lộ 1B (cũ) qua sân bay gặp đường 259)	
1	Từ trạm biến áp treo thị trấn Chùa Hang đến trạm y tế xã Đồng Bầm	2.500
2	Từ trạm y tế xã Đồng Bầm đến ngã 4 Tân Thành 2	2.000
3	Từ ngã 4 Tân Thành 2 đến đến gặp đường 259 (đến hết đất Đồng Bầm)	1.500
	Trục phụ	
1	Rẽ theo hàng rào Trường Mầm non Đồng Bầm đến giáp đất thị trấn Chùa Hang	2.000
2	Các ngõ rẽ đi Nhà máy Nước Đồng Bầm có mặt đường bê tông $\geq 2,5m$, vào 100m	1.500
2.1	Đoạn còn lại và các nhánh rẽ trên trục phụ có mặt đường bê tông $\geq 2,5m$	1.200
3	Rẽ theo hàng rào Trạm Y tế xã Đồng Bầm đi sân bay và đi thị trấn Chùa Hang vào 100 m về 2 phía	1.500
4	Từ ngã 4 Tân Thành 2 đi bến phà Văn Thánh, vào 150m	1.500
5	Từ ngã 4 Tân Thành 2 đến Nhà văn hoá Tân Thành 2	1.500
6	Các nhánh rẽ còn lại trên trục phụ (đoạn từ ngã tư Tân Thành 2 đến gặp đường 259) có mặt đường bê tông $\geq 2,5m$, vào 100m	1.200
LXIVII	TRỤC ĐƯỜNG: Đảo tròn Núi Voi đi Công ty cổ phần xi măng Cao Ngạn	
1	Từ giáp đất thị trấn Chùa Hang đến cổng Tiểu đoàn 13 Quân khu I	1.800
2	Từ cổng Tiểu đoàn 13 Quân khu I đến hết cổng Công ty cổ phần Xi măng Cao Ngạn	1.200
	Trục phụ	
1	Nhánh rẽ đi xóm Phúc Lộc vào 150m, có đường bê tông $\geq 2,5m$	800
2	Nhánh rẽ đi xóm Phúc Thành, vào 150m (đường đất)	600
3	Rẽ đi UBND xã Cao Ngạn đến hết đất Trường tiểu học Cao Ngạn	800
4	Từ hết đất Trường tiểu học Cao Ngạn đến Nhà văn hóa xóm Cổ Rùa	600
5	Từ Nhà văn hóa xóm Cổ Rùa đến giáp đất thị trấn Chùa Hang	800

II. Trường hợp các vị trí đất ở tại đô thị thành phố Thái Nguyên chưa được kể trên, giá đất không áp dụng được theo hướng dẫn tại Điểm 2 Mục II phần B Hướng dẫn áp dụng bảng giá các loại đất, thì giá đất được áp dụng theo bảng sau:

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

VỊ TRÍ	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3
4A	1.500	1.200	800
4B	1.200	1.000	600
4C	1.000	900	400

Nhóm 1: Gồm các phường Hoàng Văn Thụ, Phan Đình Phùng, Trưng Vương, Đồng Quang, Quang Trung.

Nhóm 2: Gồm các phường Gia Sàng, Túc Duyên, Tân Thịnh, Thịnh Đán.

Nhóm 3: Gồm các phường còn lại.

* Xác định vị trí đất trong đô thị thành phố Thái Nguyên:

Vị trí đất trong đô thị thành phố Thái Nguyên được xác định căn cứ vào khả năng sinh lợi, điều kiện kết cấu hạ tầng thuận lợi cho sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khoảng cách so với trục giao thông. Các vị trí có số thứ tự từ 1 trở đi:

a) Vị trí 1: Các ô, thửa đất có ít nhất một mặt bám theo mặt tiền của các đường phố, trục giao thông; có chiều sâu tính từ mép lộ giới đường phố, trục giao thông hiện tại vào không quá 30m.

b) Vị trí 2: Các ô, thửa đất thoả mãn 1 trong các điều kiện sau:

- Các ô, thửa đất tiếp sau vị trí 1 +150m;
- Các ô, thửa đất bám theo trục phụ có đường rộng lớn hơn hoặc bằng 6m.

c) Vị trí 3: Các ô, thửa đất thoả mãn 1 trong các điều kiện sau:

- Các ô, thửa đất ở tiếp theo vị trí 2 + 250m, bám theo trục phụ của các đường chính có đường rộng lớn hơn hoặc bằng 6m;
- Các ô, thửa đất ở sau vị trí 1, có đường vào nhỏ hơn 6m nhưng lớn hơn hoặc bằng 3,5 m, cách lộ giới đường chính không quá 150m;
- Nhánh của Vị trí 2, có đường vào lớn hơn 6m, vào không quá 100m.

d) Vị trí 4: Các ô, thửa đất thoả mãn 1 trong các điều kiện sau:

- Các ô, thửa đất ở tiếp sau vị trí 3 có ít nhất một mặt bám theo trục phụ của các đường chính có mặt đường lớn hơn hoặc bằng 6m;
- Các ô, thửa đất tiếp sau vị trí 1, từ đường chính vào có đường rộng nhỏ hơn 3,5m nhưng lớn hơn 2m, cách lộ giới đường chính hiện tại không quá 100m;
- Nhánh của vị trí 2, đường vào lớn hơn hoặc bằng 3,5 m từ trục phụ vào không quá 100m;

Các vị trí kể trên, thuộc đô thị nếu gần đường phố nào thì tính theo đường phố đó.

đ) Vị trí 4A:

- Ở sau vị trí 4, có đường rộng lớn hơn hoặc bằng 3,5m;
- Nhánh của vị trí 3, có đường rộng lớn hơn hoặc bằng 3,5m;
- Nhánh của vị trí 2, vào không quá 100m, có đường rộng từ 2m đến 3,5m;
- Vị trí đất không liền kề vị trí 1 của đường phố đã có tên trong bảng giá vào không quá 100m, có mặt đường từ 2,0m đến nhỏ hơn 3,5m.

e) Vị trí 4B:

- Nhánh của vị trí 4A, có đường rộng từ 3,5 trở lên;
- Nhánh của vị trí 3, có đường rộng từ 2m đến 3,5m;
- Nhánh của vị trí 2, vào không quá 100m có mặt đường rộng từ 1,5m đến 2m.

g) Vị trí 4C: Là vị trí không đủ điều kiện như trên;

III. Trường hợp đất ở nông thôn ngoài các trục giao thông chính, chưa được quy định trong bảng giá trên, thì được áp dụng bảng giá sau:

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN	MỨC GIÁ	
	Vùng trung du	Vùng miền núi khu vực I
Loại 1	400	350
Loại 2	350	300
Loại 3	300	250
Loại 4	250	200

PHÂN LOẠI ĐẤT Ở NÔNG THÔN

Đất ở nông thôn thành phố Thái Nguyên: Là đất ở tại các xã trên địa bàn thành phố Thái Nguyên.

Phân loại đất ở nông thôn: căn cứ vào các yếu tố: khả năng sinh lợi, giá trị sử dụng, vị trí và giá đất thực tế ở địa phương. Tiêu chí phân loại cụ thể như sau:

a) Loại 1: Các ô thửa đất có vị trí thuận lợi nhất, có khả năng sinh lợi cao nhất trong khu vực, thoả mãn một trong những điều kiện sau:

- Bám đường giao thông là đường đất, đường cấp phối, có đường rộng lớn hơn hoặc bằng 5m;
- Bám đường giao thông là đường bê tông, đường nhựa, có đường rộng (bao gồm cả phần chưa đổ bê tông hoặc nhựa) lớn hơn hoặc bằng 3,0m;
- Cách chợ, trung tâm xã, trường học, khu công nghiệp, quốc lộ, tỉnh lộ không quá 200m, có đường vào lớn hơn hoặc bằng 2m;

b) Loại 2: Các ô thửa đất có vị trí, khả năng sinh lợi kém loại 1, thoả mãn một trong những điều kiện sau:

- Bám đường giao thông là đường đất, đường cấp phối, có đường rộng nhỏ hơn 5,0 m lớn hơn hoặc bằng 4 m;
- Bám đường giao thông là đường bê tông, đường nhựa, có đường rộng (bao gồm cả phần chưa đổ bê tông hoặc nhựa) nhỏ hơn 3,0m, nhưng lớn hơn hoặc bằng 2,5m;

- Cách chợ, trung tâm xã, trường học, khu công nghiệp, quốc lộ, tỉnh lộ không quá 200m, có đường vào nhỏ hơn 2m;

- Cách chợ, trung tâm xã, quốc lộ, tỉnh lộ qua 200m đến 500m, có đường vào lớn hơn hoặc bằng 2m;

- Cách đường liên xã, đường liên thôn không quá 200m, có đường vào lớn hơn hoặc bằng 2m.

c) Loại 3: Các ô thửa đất có vị trí, khả năng sinh lợi kém loại 2; thoả mãn một trong những điều kiện sau:

- Bám đường giao thông là đường đất, đường cấp phối, có đường rộng nhỏ hơn 4,0 m nhưng lớn hơn hoặc bằng 3 m;

- Bám đường giao thông là đường bê tông, đường nhựa, có đường rộng (bao gồm cả phần chưa đổ bê tông hoặc nhựa) nhỏ hơn 2,5 m nhưng lớn hơn hoặc bằng 2,0m;

- Cách đường liên xã, đường liên thôn không quá 200m, có đường vào nhỏ hơn 2m;

- Cách đường liên xã, đường liên thôn qua 200m đến 500m, có đường vào lớn hơn hoặc bằng 2m.

d) Loại 4: Các ô thửa đất có vị trí, khả năng sinh lợi kém loại 3, không đủ các điều kiện trên.

PHỤ LỤC SỐ 02

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở THỊ XÃ SÔNG CÔNG NĂM 2014

(Ban hành kèm theo Quyết định số 36/2013/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

I. Giá đất ở tại đô thị, giá đất ở tại nông thôn bám các trục giao thông chính, khu du lịch, khu thương mại, khu dân cư, khu công nghiệp, các đầu mối giao thông.

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

Số TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
I	QUỐC LỘ 3	
A	Trục chính	
1	Từ Km 45/H9+50m (Giáp đất Phổ Yên) đến Km 46/H3-65m (Đường rẽ nhà văn hoá Tổ dân phố 1)	3.800
2	Từ Km 46/H3-65m (Đường rẽ nhà văn hoá Tổ dân phố 1) đến Km 46/H5 (Đường rẽ vào tổng kho cũ)	3.800
3	Từ Km 46/H5 (Đường rẽ vào tổng kho cũ) đến Km 47+26m (Đường rẽ phía Bắc TDP 2A)	4.500
4	Từ Km 47+26m (Đường rẽ phía Bắc Tổ dân phố 2A) đến Km 47/H2 (Giáp đất cửa hàng lương thực Sông Công)	4.100
5	Từ Km 47/H2 (Giáp đất cửa hàng lương thực Sông Công) đến Km 48/H2-20m (Cầu Quyền)	3.800

6	Từ Km 48/H2-20m (Cầu Quyền) đến Km 48/H6-40m (Cầu Lu)	4.200
7	Từ Km 48/H6-40m (Cầu Lu) đến Km 49/H9-20m (Cầu Béo)	3.800
8	Từ Km 49/H9-20m (Cầu Béo) đến Km 51/H8+50m (Giáp đất Lương Sơn, thành phố Thái Nguyên)	4.000
9	Từ Km 54/H9-70m (Đối diện cổng nhà xưởng HTX Toàn Diện) đến Km 55/H9-50m (Giáp đất bưu điện Tân Thành)	3.000
10	Từ Km 55/H9-50m (Giáp đất bưu điện Tân Thành) đến Km 56/H2 (Giáp đất thành phố Thái Nguyên)	3.500
B	Trục phụ - Được tính từ sau lô 1	
*	Phường Phố Cò	
1	Km 46+30m (Đường rẽ vào đồi tên lửa) đến hết đất thị xã Sông Công (Giáp đất xã Đắc Sơn)	1.100
2	Km 46/H3+65m (Đường rẽ vào nhà văn hoá Tổ dân phố 1)	
2.1	- Vào 50m	1.150
2.2	- Từ sau 50m đến 150m	950
3	Km 46/H7 (Đường rẽ vào tổng kho 3 cũ)	
3.1	- Vào 100m	1.400
3.2	- Từ sau 100m đến 170m	1.200
3.3	- Từ sau 170m đến hết các đường quy hoạch mới của khu dân cư tổ dân phố 2B	1.000
4	Km 46/H5 (Đường rẽ vào nhà văn hoá Tổ dân phố 3)	
4.1	- Vào 100m	1.200
4.2	- Từ sau 100m đến cổng sau chợ Phố Cò	950
4.3	- Từ sau 100m đến hết đất đền Thanh Lâm	850
4.4	- Từ hết đất đền Thanh Lâm đến hết đất trường Đảng cũ	900
5	Km 46/H5 (Đường rẽ vào tổ dân phố 2B) - Giáp đất UBND phường Phố Cò	
5.1	- Vào 180m	1.400
5.2	- Từ sau 180m đi tiếp 150m	1.050
6	Km 47+20m (Đường rẽ phía nam vào nhà văn hoá tổ dân phố 2A) đến giáp đất nhà văn hoá	1.400
7	Km 47+200m (Đường rẽ phía bắc vào nhà văn hoá tổ dân phố 2A) đến giáp đất nhà văn hoá	1.250
8	Đường rẽ vào Trường THCS Thắng Lợi đến hết đất trường Mầm non số 2	1.400
*	Phường Cải Đan	
9	Km 47/H5-10m (Đường rẽ Tổ dân phố Ao Ngo) đến 150m	1.150
10	Km 47/H8 (Đường rẽ Tổ dân phố Nguyên Gon) đến kênh N12-10	1.300
11	Km 47/H8 (Đường rẽ Tổ dân phố Nguyên Quán) đến 100m	1.150

12	Km 48/H4 (Đường rẽ tổ dân phố Nguyễn Bấy)	
12.1	- Vào 150m	1.750
12.2	- Từ sau 150m đến hết đất nhà văn hoá	1.500
13	Km 48/H6+40m (Đường rẽ vào phân hiệu trường dân lập Lương Thế Vinh) đến 150m	1.050
14	Km 48/H9-15m (Đường rẽ vào chùa Cải Đan) đến 150m	1.050
15	Km 48/H7+40m (Đường rẽ nhà ông Canh) đến 100m	1.050
16	Km 49-20m (Đường rẽ vào nhà văn hoá Tổ dân phố Phố Mới)	
16.1	Vào đến nhà văn hóa tổ dân phố Phố Mới	1.150
16.2	- Từ sau nhà văn hoá Tổ dân phố Phố Mới đến 100m	950
16.3	- Từ sau 100m đến 200m	750
17	Km 49/H6+30m (Đường rẽ tổ dân phố Nguyễn Giã đến hết đất nhà máy Việt Trung)	1.300
18	Đường rẽ cạnh Nhà máy sản xuất thức ăn gia súc Đại Minh đến hết đất của Nhà máy	1.500
19	Km49/H5 (đường rẽ vào lô 2 sau khu dân cư Khuynh Thạch) đến 100m	950
20	Km 49/H7 (Đường Tổ dân phố Khuynh Thạch cạnh nhà ông Long Tiến) đến 100m	1.050
21	Km 50/H1-20m (Đường rẽ tổ dân phố Khuynh Thạch cạnh nhà ông Bộ) đến 100m	1.050
*	Phường Bách Quang	
22	Km 50/H1+50m (Đường Dọc Dài - Cầu Gáo - Mỏ Chè)	
22.1	- Vào 50m	950
22.2	- Từ sau 50m đến 150m	850
22.3	- Từ sau 150m đến 250m	750
23	Km 50/H3+80m (Đường rẽ nhà văn hoá Tân Dương - Nhánh vào nhà ông Châu)	
23.1	- Vào 50m	900
23.2	- Từ sau 50m đến 150m	800
23.3	- Từ sau 150m đến 300m	700
24	Km 50/H4+60m (Đường rẽ khu dân cư Tân Dương cạnh nhà bà Năm)	
24.1	- Vào 50m	850
24.2	- Từ sau 50m đến 100m	700
25	Km 51/H2+20m (Đường đi xóm Mãn Chiêm cạnh nhà bà Thìn đến hết khu dân cư quy hoạch mới) vào 100m	900
26	Km 51/H3+10m (Đường rẽ khu dân cư Tân Dương 2 - cạnh nhà bà Tuyên)	
26.1	- Vào 100m	900

26.2	- Từ sau 100m đến 200m	700
*	Xã Tân Quang	
27	Km 54/H8+50m (Đường Tân Thành 1 từ nhà ông Sơn vào bờ kênh)	
27.1	- Vào 50m	750
27.2	- Từ sau 50m đến 150m	600
28	Km 55+30m (Đường Tân Thành 1 từ nhà ông Muôn vào bờ kênh)	
28.1	- Vào 50m	750
28.2	- Từ sau 50m đến 150m	600
29	Km 55/H1+40m (Đường bê tông Tân Thành 2 cạnh nhà ông Hùng đến hết đường bê tông)	
29.1	- Vào 50m	750
29.2	- Từ sau 50m đến hết đường bê tông	600
30	Km55/H2+20m (đường bê tông cạnh nhà ông Hưng đến hết đường bê tông)	
30.1	- Vào 50m	700
30.2	- Từ sau 50m đến hết đường bê tông	600
31	Km 55/H4 (Đường Tân Thành 2 từ Quốc lộ 3 vào nhà ông Điểm)	
31.1	- Vào 50m	800
31.2	- Từ sau 50m đến hết đường bê tông	650
32	Km 55/H5+60m (Đường Tân Thành 3 từ nhà ông Khanh vào nhà ông Vinh)	
32.1	- Vào 50m	800
32.2	- Từ sau 50m đến 150m	700
32.3	- Từ sau 150m đến 220m	600
33	Km 55/H7+80m (Đường Tân Thành 3 từ nhà ông Xuân vào nhà bà Hồng)	
33.1	- Vào 50m	800
33.2	- Từ sau 50m đến 150m	650
34	Km 55/H9+80m (Đường Quốc lộ 3 vào xóm Tân Tiến)	
34.1	- Vào 50m	1.750
34.2	- Từ sau 50m đến mương thoát nước	1.400
34.3	- Từ sau mương thoát nước đến hết đất khu TĐC Tân Tiến	1.200
34.4	- Từ hết đất khu TĐC Tân Tiến đến đường gom cạnh nhà ông Lập Sỹ	750
II	ĐƯỜNG CÁCH MẠNG THÁNG 8	
A	Trục chính	
1	Từ ngã ba Phố Cò đến đường rẽ Xây lắp 3	5.000
2	Từ đường rẽ Xây lắp 3 đến đường rẽ Tổ dân phố Tân Huyện	4.000
3	Từ đường rẽ tổ dân phố Tân Huyện đến đường rẽ TDP Nguyễn Gon	4.000

4	Từ đường rẽ Tổ dân phố Nguyên Gon đến đường rẽ trường tiểu học Phố Cò	3.900
5	Từ đường rẽ trường tiểu học Phố Cò đến đường rẽ khu dân cư 3,5 ha	5.600
6	Từ đường rẽ khu dân cư 3,5 ha đến cầu Ghênh	4.650
7	Từ cầu Ghênh đến đường rẽ vào khu Văn hoá thể thao (đối diện Đài tượng niệm thị xã)	5.000
8	Từ đường rẽ vào khu Văn hoá thể thao (đối diện Đài tượng niệm thị xã) đến đường rẽ vào Tổ dân phố Tân Lập	5.800
9	Từ đường rẽ vào tổ dân phố Tân Lập đến tường rào phía nam Bưu điện	7.200
10	Từ tường rào phía nam Bưu điện đến ngã ba Mỏ Chè	9.500
11	Từ ngã ba Mỏ Chè đến tường rào phía nam Trường Hướng nghiệp dạy nghề	12.000
12	Từ tường rào phía nam trường Hướng nghiệp dạy nghề đến hết đất Ngân hàng chính sách	8.900
13	Từ giáp đất Ngân hàng chính sách đến ngã ba Bãi Đổ	7.200
B	Trục phụ - Được tính từ sau lô 1	
*	Bên phường Mỏ Chè	
1	Đường rẽ TDP 2 (cạnh nhà ông Thêm) đến 100m - Ngõ số 4	2.650
2	Đường rẽ TDP 3 (cạnh nhà ông Hoàn) đến 100m - Ngõ số 6	2.450
3	Đường rẽ TDP 3 đối diện Ngân hàng chính sách (đường rẽ cạnh nhà Chính Loan) đến 150m - Ngõ số 8	2.550
4	Đường rẽ vào trường Mầm non tư thục (đường rẽ cạnh nhà bà Bính) đến 100m - Ngõ số 10	2.750
5	Đường rẽ đối diện Trường Hướng nghiệp dạy nghề (Đường rẽ cạnh nhà ông Sơn đến hết đất nhà ông Hưng Văn) – Ngõ số 12	2.750
6	Đường rẽ từ chợ Mỏ Chè đi Trường tiểu học Mỏ Chè (Từ đường CMT8 đến Trường tiểu học Mỏ Chè) - Ngõ số 14	
6.1	- Từ sau lô 1 đến hết đất khu dân cư quy hoạch tổ 4, 5	3.350
6.2	Các đường phân lô khác thuộc quy hoạch khu dân cư tổ 4, 5 (lô 2)	1.700
6.3	- Từ hết khu dân cư tổ 4, 5 đến 200m	2.000
6.4	- Từ sau 200m đến giáp nhà văn hoá An Châu 2	1.350
6.5	Từ nhà văn hoá An Châu 2 đến giáp lô 1 đường Gốc Đa	1.700
*	Các đường nhánh quy hoạch mới của đoạn từ nhà văn hoá An Châu 2 đến giáp đất lô 1 đường Gốc Đa	1.250
7	Ngõ phía bắc Ngân hàng Công thương - Ngõ số 18	4.500
8	Ngõ phía bắc chợ Trung tâm (từ đất nhà ông Thận đến hết đất nhà ông Kỳ) - Ngõ số 7	2.650
9	Đường rẽ đi nhà văn hoá xóm Đồi đến đường Thanh Niên - Ngõ số 3	2.000
10	Các đường phân khu còn lại của khu tập thể XN xây lắp 3 cũ (Tổ dân phố 4)	1.500
11	Đường rẽ vào khu dân cư tổ dân phố 1 (đường rẽ phía nam Ngân hàng chính	2.250

	sách) đến hết đất nhà văn hóa - Ngõ số 5	
*	Bên phường Thắng Lợi	
12	Đường rẽ vào tổ dân phố Tân Lập - Ngõ số 22	
12.1	- Vào 100m	2.250
12.2	- Từ sau 100m đến 300m	1.800
13	Đường rẽ vào khu Văn hoá thể thao (Đối diện Đài tưởng niệm thị xã) - Ngõ số 24	
13.1	- Vào đến đường 30-4	2.500
13.2	- Từ đường 30-4 đi tiếp 300m	1.450
13.3	- Từ sau 300m đến NVH TDP Du Tân	1.000
13.3a	- Đường 30-4: Đoạn từ tường rào phía bắc khu VHTT đến lối rẽ vào Công ty môi trường đô thị Sông Công	1.700
13.3b	Từ lối rẽ vào Công ty môi trường đô thị Sông Công đến ngã ba thứ nhất (hết đất ông Thiện)	1.300
13.3c	Từ ngã ba thứ nhất (hết đất ông Thiện) đến ngã ba thứ hai (đất ông Sinh)	900
14	Đường rẽ vào trụ sở Thị ủy, UBND thị xã Sông Công đến khu văn hóa thể thao thị xã	2.250
15	Đường rẽ phía bắc nhà văn hóa Tổ dân phố 12 (Đường vào nhà ông Sinh) - Ngõ số 26	
15.1	- Vào 100m	1.350
15.2	- Từ sau 100m đến 200m	1.050
16	Đường rẽ vào tổ dân phố 12 (Đối diện nhà văn hoá Xuân Miếu 2) - Ngõ số 28	
16.1	- Vào 100m	1.350
16.2	- Từ sau 100m đến 200m	1.050
17	Đường rẽ vào TDP 12 (phía bắc) - Ngõ số 30	
17.1	- Vào 100m	1.350
17.2	- Từ sau 100m đến 200m	1.050
18	Đường rẽ vào khu 3,5 ha - Ngõ số 36	
18.1	- Vào 180m	2.700
18.2	- Từ sau 180m đến 380m	2.250
18.3a	- Từ sau 380m đến cách tường rào phía đông Trường Cao đẳng Việt Đức 40m	1.900
18.3b	- Từ sau 380m đến hết đất khu dân cư tổ 13	1.350
19	Đường rẽ tổ dân phố 10 (giáp Thị đội Sông Công) đến hết đất Thị đội Sông Công - Ngõ số 17	1.150
20	Đường rẽ vào xóm Mỏ Chè (Giáp Chi cục thuế cũ) - Ngõ số 9	
20.1	- Đến hết đất Bưu điện cũ	2.750
20.2	- Từ giáp đất Bưu điện cũ đến đường rẽ cạnh Toà án thị xã (giáp đất lô 1 đường CMT8)	2.250

21	Các đường phân lô theo quy hoạch khu dân cư Tân Lập (tổ 10)	2.750
*	Bên phường Cải Đan	
22	Đường rẽ tổ dân phố Xuân Miếu 1 (đối diện đường vào UBND thị xã) - Ngõ số 21	
22.1	- Vào 100m	1.700
22.2	- Từ sau 100m đến 250m	1.350
23	Đường rẽ vào Nhà ông Quyền đến 100m - Ngõ 23	1.250
24	Đường rẽ cạnh nhà văn hoá Xuân Miếu 2 - Ngõ số 25 vào 150m	1.350
25	Đường rẽ vào nhà văn hoá Xuân Miếu 1 đến hết đất nhà văn hoá- Ngõ số 27	1.350
26	Đường rẽ tổ dân phố Xuân Miếu 1 (Đường rẽ vào nhà ông Đồng) - Ngõ số 29	
26.1	- Vào 100m	1.350
26.2	- Sau 100m đến 200m	1.150
27	Đường rẽ cạnh nhà ông Nho Tân (Đối diện đường vào khu 3,5ha) - Ngõ số 31 vào 150m	1.000
28	Đường rẽ cạnh nhà văn hoá Xuân Thành đến 100m - Ngõ số 39	1.550
29	Đường rẽ vào tổ dân phố Nguyên Gon - Ngõ số 41	
29.1	- Vào 100m	1.250
29.2	- Từ sau 100m đến 150m	1.150
30	Đường rẽ cạnh nhà ông Thắng đến 100m - Ngõ số 43	1.000
31	Đường bờ mương Núi Cốc vào 150m - Ngõ số 45	900
*	Bên phường Phố Cò	
32	Từ đường rẽ cạnh nhà Hương Tài đến hết đường bê tông - Ngõ số 38	
32.1	- Vào 100m	1.450
32.2	- Từ sau 100m đến hết đường bê tông	1.000
33	Đường rẽ cạnh Trạm y tế Phường Phố Cò cũ đến hết đất nhà ông Lợi Vượng - Ngõ số 40	
33.1	- Vào 100m	1.350
33.2	- Từ sau 100m đến nhà ông Lợi	950
34	Đường rẽ tổ dân phố Thanh Xuân 1 đến hết đất Trường tiểu học Phố Cò- Ngõ số 42	
34.1	- Vào 100m	1.550
34.2	- Từ sau 100m đến hết đất trường Tiểu học Phố Cò	1.250
35	Đường rẽ vào trại chăn nuôi Thắng Lợi đến cổng trại- Ngõ số 46	1.150
36	Đường rẽ vào nhà văn hóa Tổ dân phố Thanh Xuân 2 đến hết đất nhà văn hóa- Ngõ số 48	900
37	Đường bờ kênh Núi Cốc- Ngõ số 50	

37.1	Vào 150m	900
37.2	Từ sau 150m đi tiếp 250m	750
38	Đường rẽ tổ dân phố Tân Huyện- Ngõ số 52	
38.1	Đường rẽ tổ dân phố Tân Huyện đến nương núi Cốc	1.350
38.2	Từ nương Núi Cốc đến đường rẽ NVH Tân Huyện	800
38.3	Từ đường rẽ NVH Tân Huyện vào 500m	700
39	Đường vào nhà văn hoá tổ dân phố 4A đến 100m- Ngõ số 54	1.150
40	Đường bê tông đi vào Xí nghiệp 1/5 (C.Ty CP kết cấu thép Hà Nội)- Ngõ số 56	
40.1	- Từ đường đường cách mạng tháng 8 đến ngã ba vào Xí nghiệp xây lắp 3	1.900
40.2	- Từ ngã ba vào Xí nghiệp xây lắp 3 đến nương núi Cốc	1.250
40.3	- Từ nương Núi Cốc đến hết đất Nhà văn hóa tổ dân phố 5	800
41	- Từ cổng Xí nghiệp 1/5 (Công ty CP kết cấu thép Hà Nội) đến cổng sau chợ Phố Cò	1.150
42	- Từ ngã ba vào Xí nghiệp xây lắp 3 đến hết đất nhà bà Phượng (Tổ dân phố 4A)	1.000
43	Đường rẽ vào trường THCS Thắng Lợi- Ngõ số 47	
43.1	Vào đến 100 m	1.250
43.2	Qua 100 m đến Trường Mầm non số 2	1.150
III	ĐƯỜNG CÁCH MẠNG THÁNG 10	
A	Trục chính	
1	Đoạn từ Cầu vượt Sông Công đến kênh thoát nước An Châu	2.750
2	Từ kênh thoát nước An Châu đến đường rẽ 262	2.900
3	Từ đường rẽ 262 đến đường Thanh Niên	4.250
4	Từ đường Thanh Niên đến đường rẽ Tổ dân phố Đồi	3.550
5	Từ đường rẽ tổ dân phố Đồi đến đường rẽ tổ dân phố La Đình (cạnh nhà ông Chung)	3.450
6	Từ đường rẽ tổ dân phố La Đình (cạnh nhà ông Chung) đến đường Quốc lộ 3	3.350
B	Trục phụ - Được tính từ sau lô 1	
*	Bên phường Lương Châu	
1	Đường rẽ từ Cổng Nhà máy nước đến đường Ko	1.350
2	Đường rẽ tường rào phía Tây nhà máy Diesel đến hết tường rào	1.150
3	Đường phía Đông hàng rào nhà máy Diesel đến kênh dẫn nước	1.150
4	Đường vào khu dân cư Ban kiến thiết đến kênh núi Cốc	1.350
*	Bên phường Mỏ Chè	
5	Đường rẽ khu dân cư Làng May - Tổ dân phố 6	
5.1	Vào đến 100m	1.500

5.2	Các đường còn lại của KDC Làng May	900
6	Đường rẽ chợ Bãi Đổ đi Đài tưởng niệm Mỏ Chè đến 200m	2.100
*	Bên phường Bách Quang	
7	Đường Thanh Niên- Ngõ số 25	
7.1	- Vào 100m	1.350
7.2	- Từ sau 100m đến nhà văn hoá tổ dân phố Đồi	900
8	Đường rẽ vào nhà văn hóa tổ dân phố Làng Sắn (vào đến nhà văn hóa)	900
9	Đường rẽ tổ dân phố Đồi (phía nam) dọc kênh N12-56- Ngõ số 21	
9.1	- Vào 50m	900
9.2	- Từ sau 50m đến nhà văn hóa tổ dân phố Đồi	700
10	Đường rẽ tổ dân phố Đồi (phía bắc) dọc kênh N12-56 (đi Làng Sắn) - Ngõ số 22	
10.1	- Vào 50m	1.150
10.2	- Từ sau 50m đến 150m	800
10.3	- Từ sau 150m đến 250m	700
11	Đường vào tổ dân phố La Đình về 2 phía (Nam - Bắc) - (Ngõ số 17-18)	
11.1	- Vào 50m	1.250
11.2	- Sau 50m đến 150m	900
12	Đường vào nhà văn hóa tổ dân phố La Đình (Khu dân cư Tái định cư La Đình)- Ngõ số 15	
12.1	- Từ đường CMT10 rẽ vào hết khu dân cư (Trục dọc)	1.550
12.2	- Song song với đường CMT10 (Trục ngang)	1.350
13	Đường vào nhà văn hoá tổ dân phố Cầu Gáo- Ngõ số 7	
13.1	- Vào 50m	950
13.2	- Từ sau 50m đến 100m	850
13.3	- Từ sau 100m đến 300m	700
14	Đường bê tông đi tổ dân phố Cầu Gáo (giáp khu công nghiệp Sông Công 1) - Ngõ số 5	
14.1	- Vào 50m	950
14.2	- Từ sau 50m đến 100m	850
14.3	- Từ sau 100m đến 300m	700
15	Đường vào tổ dân phố Làng Mới (Cạnh nhà ông Sen)	
15.1	- Vào 50m	900
15.2	- Từ sau 50m đến 150m	800
15.3	- Từ sau 150m đến 300m	650
16	Đường vào tổ dân phố Dọc Dài (cạnh Công ty May) - Ngõ số 3	

16.1	- Vào 50m	900
16.2	- Từ sau 50m đến 100m	850
16.3	- Từ sau 100m đến 300m	750
17	Đường Làng Mới - Chương Lương – Quang Minh - Khu Yên	
17.1	- Vào 50m	900
17.2	- Từ sau 50m đến 100m	850
17.3	- Từ sau 100m đến 300m	750
18	Đường rẽ cạnh nhà ông Tráng đi nhà văn hoá tổ dân phố Chương Lương	
18.1	- Vào 50m	900
18.2	- Từ sau 50m đến 100m	850
18.3	- Từ sau 100m đến 300m	750
18.4	- Từ sau 300m đến 500m	600
19	Đường liên xã Bách Quang- Tân Quang	
*	Địa phận Phường Bách Quang:	
19.1	- Từ đường CMT10 đến đường rẽ vào UBND phường Bách Quang	2.500
19.2	- Từ đường rẽ vào UBND phường Bách Quang đến đường rẽ trường THCS Bách Quang	1.700
19.3	- Từ đường rẽ trường THCS Bách Quang đến trạm biển áp Bách Quang 2 (hết đất TDP Khu Yên)	1.300
*	Địa phận xã Tân Quang:	
19.4	Từ hết đất TDP Khu Yên đến ngã ba Chùa Đổ (Đình Tân Yên)	1.000
19.5	- Từ ngã ba Chùa Đổ (Đình Tân Yên) đến đường Gom cạnh nhà ông Lập Sỹ	900
19.6	- Từ nhà ông Lập Sỹ đến cầu Đá Rùa	600
19.7	- Từ cầu Đá Rùa đến giáp đất Bãi Rác	500
IV	ĐƯỜNG THẮNG LỢI	
A	Trục chính	
1	Từ ngã ba Mỏ Chè đến hết đất UBND phường Mỏ Chè	9.000
2	Từ hết đất UBND phường Mỏ Chè đến đường rẽ TDP An Châu	5.000
3	Từ đường rẽ tổ dân phố An Châu đến hết đất nhà tầng số 8	4.650
4	Từ giáp đất nhà tầng số 8 đến đường rẽ Công ty cổ phần Mêinfà	5.550
5	Từ đường rẽ Công ty cổ phần Mêinfà đến ngã ba đường rẽ Ko	3.350
6	Từ ngã ba đường rẽ Ko đến đầu cầu treo Sông Công	2.000
B	Trục phụ - Được tính từ sau lô 1	
*	Bên phường Thắng Lợi	
1	Đường rẽ từ ngã ba Mỏ Chè vào trường Lý Tự Trọng - Ngõ số 20	

1.1	- Vào 150m	2.450
1.2	- Từ sau 150m đến hết đất nhà văn hoá khối phố 3 cũ	2.000
1.3	- Từ giáp đất nhà văn hoá khối phố 3 cũ đến giáp đường rẽ phía đông Trường cấp 3 đi bến Vượng	2.100
1.4	- Từ ngã ba (đường rẽ đối diện nhà ông Đình) đến đường rẽ vào khu Văn hóa Thể thao	1.450
2	Đường rẽ vào tổ dân phố 8,9 đến đường đi Nhà văn hóa Khối phố 3 cũ - Ngõ số 5	1.700
3	Đường rẽ cạnh Trường cấp 3 đi bến Vượng - Ngõ số 7	
3.1	- Từ sau lô 1 đến ngã ba (cạnh nhà ông Long)	2.250
3.2a	- Từ ngã ba (cạnh nhà ông Long) rẽ đi Tổ dân phố bến Vượng đến hết đất nhà ông Trung Phúc	1.700
3.3a	- Từ hết đất nhà ông Trung Phúc đến phía đông Đập Vai Xanh	1.150
3.2b	- Từ ngã ba (cạnh nhà ông Long) rẽ đi TDP Du Tân vào đến hết đất nhà ông Trung Thêu	1.350
3.3b	- Từ giáp đất nhà ông Trung Thêu đến Ngã ba đường đi NVH Tổ dân phố Du Tân	1.000
4	Đường rẽ khu dân cư đồi Yên ngựa (phía đông trụ sở phường Thắng Lợi cũ) - Ngõ số 15	
4.1	- Vào đến 200m	2.250
4.2	- Các nhánh của trục phụ đường rẽ KDC đồi Yên Ngựa vào 100m	1.550
5	Đường rẽ cạnh Trụ sở Công An phường Thắng Lợi (Đường vào nhà văn hoá tổ dân phố 4) - Ngõ số 17	
5.1	- Vào 100m	2.250
5.2	- Từ sau 100m đến 200m	1.700
5.3	- Từ sau 200m đến hết đường bê tông	1.350
5.4	- Các nhánh của trục phụ đường rẽ cạnh Trụ sở Công an phường vào 100m	1.350
6	Đường rẽ phía Tây chợ phường Thắng Lợi - Ngõ số 25	
6.1	- Vào đến hết chợ Thắng Lợi	3.350
6.2	- Từ sau chợ Thắng Lợi rẽ về 2 đường nhánh đến 100m	2.450
7	Đường rẽ phía tây của nhà văn hóa khối phố 1 cũ vào 100m - Ngõ số 27	1.450
8	Đường rẽ phía Đông chợ Thắng Lợi (cạnh nhà Mai Minh) vào 100m	2.500
9	Đường rẽ vào tổ dân phố Vượng - Ngõ số 35	
9.1	- Vào 100m	2.250
9.2	- Từ sau 100m đến 300m	1.700
10	Đường đi núi Tảo vào đến 200m - Ngõ số 43	1.150
11	Đường rẽ vào ngõ số 45, vào 100m	1.000
12	Đường rẽ vào ngõ số 49, vào 100m	1.000

*	Bên phường Mỏ Chè	
13	Đường rẽ vào tổ dân phố An Châu nhánh 1 đến 100m (Cạnh nhà ông Hòa Huấn) - Ngõ số 10	1.350
14	Đường rẽ vào tổ dân phố An Châu nhánh 2 đến 150m (Cạnh nhà bà Bích) - Ngõ số 12	1.350
15	Đường rẽ vào tổ dân phố An Châu nhánh 3 đến 200m (Cạnh nhà ông Lâm) - Ngõ số 14	1.350
16	Đường gốc đa (từ đường Thắng Lợi đến giáp lô 1 đường CMT10) - Ngõ số 16	2.000
17	Đường rẽ tổ dân phố 7 (Từ đường rẽ nhà ông Hào đến hết đất nhà bà Biên Ước) - Ngõ số 18	1.700
18	Đường rẽ vào trường Mầm non số 1 đến hết đất trường Mầm non số 1 - Ngõ số 20	1.700
19	Đường rẽ phía tây nhà tầng số 8 đến 200m - Ngõ số 22	1.700
20	Đường rẽ theo tường rào phía tây Công ty MANI - Ngõ số 28	
20.1	- Vào 100m	1.550
20.2	- Từ sau 100m đến 200m	1.250
V	ĐƯỜNG 3/2 (TOÀN TUYẾN)	
A	Trục chính - toàn tuyến	4.250
B	Trục phụ - Được tính từ sau lô 1	
1	Đường rẽ phía bắc nhà tầng 3B tổ dân phố 8 đến 100m	1.350
2	Đường rẽ phía nam nhà tầng 3B tổ dân phố 8 đến 100m	1.450
3	Đường rẽ phía nam nhà ông Thắng (Thanh) đến 100m	1.250
4	Đường rẽ cạnh nhà ông Lưu (Tăng) đến 100m	1.150
VI	ĐƯỜNG K0	
A	Trục chính	
1	Từ đường Thắng Lợi đến đường CMT10	2.000
2	Từ đường CMT10 đến giáp đất Bá Xuyên	1.600
B	Trục phụ - Được tính từ sau lô 1	
	Bên phường Mỏ Chè	
1	Đường rẽ vào tổ dân phố 10 nhánh 1 (Đường rẽ phía Nam nhà ông Đắc) đến 130m	1.000
2	Đường rẽ vào tổ dân phố 10 nhánh 2 (Đường rẽ phía Nam nhà ông Ngô Trí Nguyễn) đến 60m	1.000
3	Đường rẽ vào tổ dân phố 10 nhánh 3 (Đường rẽ phía Nam nhà bà Lý Khôi) đến 130m	1.000
4	Đường đi bến Bùn đến bờ sông	1.000
VII	ĐƯỜNG 262 ĐI THỊNH ĐỨC	
A	Trục chính:	

1	Từ Km11/H2+35 (Chợ Gốc tre) đến hết đất UBND phường Lương Châu	2.750
2	Từ hết đất UBND phường Lương Châu đến Km8+H9 (Cầu Khoang)	1.700
3	Từ Km8+H9 (Cầu Khoang) đến Km9+90 (Kênh N12 -56)	1.150
4	Từ Km8+H9 (kênh N12-56) đến Km7+400 (cầu La Giang)	1.000
5	Từ Km7+400 (Cầu La Giang) đến Km5+H5 (giáp đất Thịnh Đức)	800
B	Trục phụ - Được tính từ sau lô 1	
*	Phường Lương Châu	
1.1	Trạm y tế phường Lương Châu đến ngã tư TDP 4	1.150
1.2	Từ ngã tư TDP 4 đến giáp đất TTVH phường Lương Châu	1.000
1.3	Từ TT Văn hoá phường vào 300m (giáp đất nhà ông Tuấn)	900
1.4	Từ sau 300m (giáp đất nhà ông Tuấn) đến cầu Đắp	800
1.5	Từ cầu Đắp đến đường Ko	750
2	Đường vào đồi Giếng Rán đến hết đất nhà bà Thu Thi	900
3	Đường rẽ vào tổ dân phố 3 đến đất khu Ao Đầm	
3.1	Vào 100m	700
3.2	Từ sau 100m đến đất khu Ao Đầm	600
*	Xã Bá Xuyên	
4	Km9/H5+30 (Đi La Cảnh 1)	
4.1	- Vào 100m	550
4.2	- Sau 100m đến 560m (Ngã ba Ngàn Mây)	500
5	Km9/H2+70 (Đi xóm Chùa) vào 100m	550
6	Km9/H2+60 (Đi xóm Đói, đi La Đàng) vào 100m	550
7	Km8+H7/30 (Đi Na Chùa)	
7.1	- Vào 200m	550
7.2	- Từ sau 200m đến nhà văn hoá Na Chùa	500
8	Km6/H1+50 (Đi xóm Chũng Na -Nhà văn hoá)	
8.1	- Vào 300m	500
8.2	- Từ sau 300m đến hết đường bê tông	450
9	Km6+00 (Đi Ao Càng) (từ nhà ông Bể đến nhà ông Đức) vào 100m	500
10	Km7/H6+40 (Đi xóm La Giang) vào 100m	500
11	Km6/H3+10 qua Nghiêm đi Lý Nhân vào 100m	400
12	Km9/H5+30 (Xứ Đào đi xóm Chùa) (Đường Bàu)	
12.1	- Vào 200m	550
12.2	- Từ sau 200m đến hết đường bê tông	500
13	Km9+90 (Đường rẽ phía nam xóm Bãi Hát)	

13.1	- Vào 200m	600
13.2	- Từ sau 200m đến nhà văn hoá xóm Bãi Hát	550
14	Km8/H3+50 (Đường rẽ phía bắc đi xóm Bãi Hát)	
14.1	- Vào 200m	550
14.2	- Từ sau 200m đến nhà văn hoá	500
15	Đường Thịnh Đức đi Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển chăn nuôi miền núi (từ hết đất thành phố Thái Nguyên đến đập tràn)	600
VIII	ĐƯỜNG THỐNG NHẤT (ĐƯỜNG QL3 ĐI 209)	
1	Từ Quốc lộ 3 đến qua Ngã tư Xuân Thành 100m	5.550
2	Qua ngã tư Xuân Thành 100m đến đường rẽ vào Tổ dân phố Tân Mới	4.200
3	Từ đường rẽ vào TDP Tân Mới đến cổng Trung đoàn 209	4.450
4	Từ cổng Trung đoàn 209 mới đến cầu Thống Nhất (đường đất)	1.700
5	Từ cầu Thống Nhất đến đường rẽ Trung tâm sát hạch lái xe của trường CĐ Việt Đức (đường đất)	1.200
6	Từ đường rẽ Trung tâm sát hạch lái xe của trường CĐ Việt Đức đến bờ sông (đường đất)	1.150
B	Trục phụ - Được tính từ sau lô 1	
*	Bên phường Phố Cò	
1	Đường rẽ vào tổ dân phố Tân Mới - Ngõ số 15	
1.1	Từ đường rẽ tổ dân phố Tân Mới đến ngã ba đầu tiên	1.250
1.1a	Từ ngã ba đầu tiên đến hết đất nhà ông Bình	800
1.1b	Từ ngã ba đầu tiên đến hết đất nhà ông Ngừ	900
1.1.1	Đường chia lô (lô 2, lô 3) - KDC cổng Trường cao đẳng Công nghiệp Việt Đức	3.500
1.2b	Từ hết đất nhà ông Ngừ đến đường rẽ Tiểu đoàn 9 - E 209	800
2	Đường rẽ vào tổ dân phố Thành Ưng, vào 250m	750
3	Đường rẽ vào Trung tâm sát hạch lái xe Trường cao đẳng Công nghiệp Việt Đức, vào 250m	700
*	Bên phường Cải Đan	
4	Đường rẽ vào tổ dân phố Xuân Gáo đến hết khu dân cư mới (Gần trường Tiểu học Cải Đan) - Ngõ số 4	2.250
5	Đường rẽ vào tổ dân phố Xuân Gáo vào khu ông Măng 50m - Ngõ số 6	1.150
6	Đường rẽ tổ dân phố Nguyên Gon - Ngõ số 1	
6.1	Vào đến hết KDC quy hoạch	2.250
6.2	Từ hết KDC quy hoạch vào đến kênh Núi Cốc	2.000
7	Đường rẽ cạnh Ngân hàng Đầu tư - Ngõ số 9 vào 80m	2.250
*	Bên phường Thắng Lợi	

8	Đường rẽ vào tổ dân phố Hợp Thành vào 100m - Ngõ số 14	1.700
9	Đường rẽ vào Trường Mầm non Việt Đức, vào 200m	2.000
10	Đường rẽ phía đông Trường cao đẳng Công nghiệp Việt Đức đến giáp đất ông Hòa - Ngõ số 18	3.000
11	Đường rẽ phía tây Trường cao đẳng Công nghiệp Việt Đức vào 150m - Ngõ số 20	1.700
12	Đường rẽ vào tổ dân phố Ứng (cạnh nhà ông Ca) - Ngõ số 22	
12.1	Vào 70m	1.700
12.2	Từ sau 70m đến 200m	1.150
12.3	Từ sau 200m đến giáp đất nhà ông Sinh	900
13	Đường rẽ (Cạnh nhà ông Vụ) đi tổ dân phố Bến Vượng đến Cầu Ứng	800
14	Đường rẽ phía Đông Nhà văn hóa tổ dân phố Kè, vào 300m	750
IX	CÁC TRỤC ĐƯỜNG CỦA XÃ VINH SƠN	
1	Đường trung tâm xã Vinh Sơn đi cầu treo Sông Công	
1.1	- Từ ngã tư trung tâm xã Vinh Sơn đến 100m	800
1.2	- Từ cách ngã tư 100m đến 250m	650
1.3	- Từ cách ngã tư 250m đến cầu treo Sông Công	550
2	Đường trung tâm UBND xã Vinh Sơn đi xã Bình Sơn	
2.1	- Từ ngã tư trung tâm xã Vinh Sơn đến hết núi Măn	900
2.2	- Từ hết núi Măn đến đường rẽ nhà văn hoá Bờ Lở	800
2.3	- Từ đường rẽ nhà văn hoá Bờ Lở đến giáp đất xã Bình Sơn	750
3	Đường trung tâm UBND xã Vinh Sơn đi hồ Núc Nác	
3.1	- Từ ngã tư trung tâm xã Vinh Sơn đến 100m	800
3.2	- Từ cách ngã tư 100m đến 150m	700
3.3	- Từ cách ngã tư 150m đến cầu Tân Sơn	600
4	Trục đường Vinh Sơn - Thu Quang - Minh Đức	
4.1	- Từ ngã tư trung tâm xã Vinh Sơn đến 150m	800
4.2	- Từ 150m đi tiếp 250m	700
5	Đường từ cầu cứng đến Ngã 3 núi Măn	1.500
X	CÁC TRỤC ĐƯỜNG CỦA XÃ BÌNH SƠN	
1	Từ cổng UBND xã Bình Sơn đi UBND xã Vinh Sơn	
1.1	- Từ cổng UBND xã Bình Sơn + 200m	1.700
1.2	- Từ sau 200m đến 300m	1.350
1.3	- Từ sau 300m đến 400m	1.150
1.4	- Từ sau 400m đến giáp đất xã Vinh Sơn	800

2	Từ cổng UBND xã Bình Sơn đi Ghềnh Chè, Linh Sơn	
2.1	- Từ cổng UBND xã Bình Sơn đến 200m	1.700
2.2	- Từ cách cổng UBND xã Bình Sơn 200m đi về phía Linh Sơn đến hết KDC quy hoạch	1.350
2.3	Các đường nhánh trong KDC quy hoạch	1.250
2.4	- Từ hết KDC quy hoạch đi đến hết đất nhà văn hóa xóm Bá Vân 5	900
2.5	- Từ nhà văn hóa Bá Vân 5 đi tiếp đến giáp đất xã Phúc Thuận - Phổ Yên	600
2.6	Đường đi Kim Long- đoạn ngã 3 rẽ Linh Sơn 1 đến hết Linh Sơn 1	450
2.7	- Từ cách cổng UBND xã Bình Sơn 200m đi về phía Ghềnh Chè 200m	1.350
2.8	- Từ sau 200m tiếp theo đến đường bê tông rẽ xóm Bá Vân 1	800
2.9	- Từ đường bê tông rẽ xóm Bá Vân 1 đến cách ngã ba Bá Vân 2 (100m)	600
2.10	- Từ ngã ba Bá Vân 2 đi về các phía 100m	800
2.11	- Từ cách ngã ba Bá Vân 2 - 100m đi đến Ghềnh Chè	600
3	Từ cổng UBND xã Bình Sơn đi Trung tâm Nghiên cứu phát triển chăn nuôi miền núi	
3.1	- Từ cổng UBND xã Bình Sơn đến cổng chợ cũ	1.700
3.2	- Từ cổng chợ cũ đến ngã 3 Cầu treo Bá Vân	1.350
3.3	- Từ ngã ba cầu treo Bá Vân đi hướng ngầm đến giáp đất Trung tâm nghiên cứu và phát triển chăn nuôi miền núi	800

II. Trường hợp đất ở nông thôn ngoài các trục giao thông chính, khu thương mại, khu du lịch, khu công nghiệp, chưa được quy định giá chi tiết trên, thì áp dụng bảng giá sau:

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN	MỨC GIÁ	
	Vùng Trung du	Vùng miền núi khu vực II
Loại 1	350	290
Loại 2	320	260
Loại 3	290	230
Loại 4	260	200

Ghi chú:

Phân loại đất ở nông thôn theo quy định tại tiết 2.1 điểm 2, mục I, phần B hướng dẫn áp dụng bảng giá đất.

PHỤ LỤC SỐ 03

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở HUYỆN PHỔ YÊN NĂM 2014
(Ban hành kèm theo Quyết định số 36/2013/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

I. Giá đất ở tại đô thị, giá đất ở tại nông thôn bám các trục giao thông chính, khu du lịch, khu thương mại, khu công nghiệp, các đầu mối giao thông.

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

SỐ TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
A	TRỤC QUỐC LỘ 3: (HÀ NỘI - THÁI NGUYÊN)	
I	Trục chính	
1	Từ đầu cầu Đa Phúc đến đường bê tông vào xóm Thượng Thuận Thành (Km 33+ 400 - Km 35+ 475)	4.000
2	Từ đường bê tông vào xóm Thượng Thuận Thành đến cách đường rẽ vào UBND xã Trung Thành 150m (Km 35+ 475-Km 37 + 270)	3.600
3	Từ cách đường rẽ vào UBND xã Trung thành 150m đến giáp đất nhà ông Luân lớp (Km 37+ 270 – Km 37 + 957)	4.000
4	Từ đất thổ cư nhà ông Luân lớp đến giáp đất Nam Tiến (Km 37+ 957 -Km 40 + 240)	3.600
5	Từ đất Nam Tiến đến đường rẽ vào Trung tâm Chính trị (Km 40+ 240 - Km 41 + 486)	3.400
6	Từ đường rẽ vào Trung tâm Chính trị đến giáp đất thị trấn Ba Hàng (Km 41 + 486 - Km 42 + 268)	4.800
7	Từ đất TT Ba Hàng đến đường rẽ vào Viện 91 (Km 42+268-Km 42+700)	6.000
8	Từ đường rẽ vào Viện 91 đến đường rẽ trường TH Ba Hàng (Km 42+700-Km 42+845)	7.000
9	Từ đường rẽ trường TH Ba Hàng đến đường rẽ vào trường Đỗ Cận (Km 42+845-Km 43+45)	8.040
10	Từ đường rẽ vào trường Đỗ Cận đến cách Ngã tư Ba Hàng 100m (Km 43+45-Km 43+350)	7.000
11	Ngã tư Ba Hàng + 100m về hai hướng HN – TN (Km 43+350-Km 43+550)	7.500
12	Từ cách ngã tư 100m đến đường rẽ chợ Ba Hàng cũ (Km 43+550-Km 43+705)	7.000
13	Từ đường rẽ chợ Ba Hàng cũ đến hết đất thị trấn Ba Hàng (Km 43+705-Km 44+208)	6.400
14	Từ giáp đất TT Ba Hàng đến đường rẽ XN XM Đồng Tiến (Km 44+208-Km 44+982)	4.400
15	Từ đường rẽ XN XM Đồng Tiến đến giáp đất Sông Công (Km 44+982-Km 45+925)	4.200
16	Từ nhà bà Bình đến giáp đất nhà máy cám Trư Đại (Km 46 – Km 46 + 250)	3.800
17	Từ giáp đất Sông Công đến giáp đất TP Thái Nguyên (Km 50 - Km 51+230)	4.000
II	Trục phụ	

1	Từ Quốc lộ 3 đi Diêm Thụy - Phú Bình	
1.1	Từ Quốc lộ 3 đến đường sắt	2.500
1.2	Từ đường sắt đến giáp đất Phú Bình	2.500
2	Từ Quốc lộ 3 đến nhà ông Thư xóm Giếng xã Hồng Tiến	
2.1	Từ Quốc lộ 3 đến đường sắt	1.600
2.2	Từ đường sắt đến nhà ông Thư	1.200
2.3	Từ nhà ông Thư đến đường Tỉnh lộ 266	1.000
3	Từ Quốc lộ 3 đi xóm Hiệp Đồng xã Hồng Tiến (Vào 500m)	1.200
4	Từ Quốc lộ 3 đến đồi Tên lửa xóm Đài xã Đắc Sơn	800
5	Từ Quốc lộ 3 qua trạm điện đến nhà văn hoá xóm Đông Sinh xã Hồng Tiến	1.200
6	Từ Quốc lộ 3 đến nhà văn hoá xóm Đông Sinh xã Hồng Tiến (Đoạn đi qua xóm Đông Sinh)	1.100
6.1	Nhà văn hóa xóm Đông Sinh đi xóm Chùa (Nhà văn hóa + 1km)	800
7	Từ Quốc lộ 3 đến Nhà văn hoá xóm Ấm xã Hồng Tiến	1.500
8	Từ Quốc lộ 3 đến cổng trào trong xóm Đài xã Đắc Sơn	1.500
9	Từ Quốc lộ 3 đến cổng Xí nghiệp Xi măng Đồng Tiến	2.000
10	Từ Quốc lộ 3 qua xóm Quán Vả đến kênh Núi Cốc	700
11	Từ QL3 sau VT1, 2 nhánh xóm Thành Lập đến kho thuốc sâu cũ khu Quán Vả	600
12	Từ QL3 sau VT1 đến Nhà văn hóa TK2 + 50m	2.000
13	Từ Quốc lộ 3 (Cạnh nhà ông Thích thôn Thành Lập) đến đường 261 đi Phú Bình	
13.1	Từ Quốc lộ 3 đến hết đất Nhà văn hoá thôn Thành Lập	1.500
13.2	Từ giáp đất Nhà văn hoá thôn Thành Lập đến đường 261 đi Phú Bình (Cổng nhà bà Vạn)	1.200
14	Từ Quốc lộ 3 (Đường rẽ chợ cũ) đến giáp đất Đồng Tiến(Nhà ông Kiên tiểu khu 3)	2.000
15	Từ Quốc lộ 3 đi trường Mầm non Sơn Ca đến hết đất nhà bà Bình (Tiểu khu 4)	2.300
16	Từ Quốc lộ 3 đến Cổng Trung tâm Y tế huyện	5.600
17	Từ Quốc lộ 3 qua cổng trường THCS Đỗ Cận đến đường Ba Hàng – Tiên Phong	5.200
18	Từ Quốc lộ 3 đến cổng trường Tiểu học Ba Hàng	5.200
19	Từ Quốc lộ 3 đến cổng chính Bệnh viện Quân y 91	
19.1	Từ Quốc lộ 3 đến bờ kênh Núi Cốc + 100m	5.600
19.2	Từ bờ kênh Núi Cốc + 100m đến cổng Bệnh viện Quân y 91	4.000
19.3	Từ nhà hàng 91 đi qua nhà ông Tâm sản xuất gạch đến giáp địa phận xã Nam Tiến	1.500
20	Từ Quốc lộ 3 đi thôn Kim Thái (Vào 200m)	3.600

21	Từ Quốc lộ 3 đến cổng Trung tâm Chính trị huyện Phổ Yên	1.600
22	Từ QL3 đến cổng chính UBND xã Nam Tiến +100m đi 2 tuyến	1.200
23	Từ Quốc lộ 3 đến Trường Tiểu học 1 Nam Tiến	1.000
24	Từ Quốc lộ 3 đi UBND xã Tân Hương	
24.1	Từ Quốc lộ 3 đến hết đất thổ cư nhà ông Lợi Thuận xã Tân Hương	2.800
24.2	Từ giáp đất thổ cư nhà ông Lợi Thuận xã Tân Hương đến Đường sắt	2.300
24.3	Từ Đường sắt đến hết đất trạm xá xã Tân Hương	2.000
24.4	Từ giáp đất Trạm xá xã Tân Hương đến cổng UBND xã Tân Hương + 100m đi về 2 tuyến	2.400
24.5	Từ thổ cư ông Phúc (xóm Tân Long 3) đến hết đất ông Hào (xóm Đông)	800
25	Nhánh của trục phụ Quốc lộ 3 đi UBND xã Tân Hương	
25.1	Từ Trạm xá xã đến cổng trường cấp I, II xã Tân Hương	1.200
25.2	Từ cổng UBND xã +100m đến thổ cư ông Việt (xóm Hương Đình 2)	800
25.3	Từ UBND xã + 100m đến thổ cư ông Năng (xóm Tân Long 2)	800
25.4	Từ thổ cư ông Phúc (xóm Tân Long 3) đến thổ cư ông Cường (xóm Tân Trung)	1.600
25.5	Từ thổ cư ông Cường (xóm Tân Trung) đi Cẩm Na đến giáp đất xã Đông Cao	800
26	Từ Quốc lộ 3 đến nghè ông Đại	1.200
27	Từ nghè ông Đại đến cầu treo Bến Vạn+100m	800
28	Từ Quốc lộ 3 đến cổng chính K602	2.400
29	Từ Quốc lộ 3 đến Cầu Sơn	
29.1	Từ Quốc lộ 3 đến bờ kênh Núi Cốc	2.000
29.2	Từ bờ kênh Núi Cốc đến Cầu Sơn	1.200
30	Từ Quốc lộ 3 qua UBND xã Đông Cao đến Đê Chã	
30.1	Từ Quốc lộ 3 đến đường rẽ thôn Thanh Hoa xã Trung Thành	3.200
30.2	Từ đường rẽ thôn Thanh Hoa xã Trung Thành đến Đường sắt	2.400
30.3	Từ Đường sắt đến cổng trường Tiểu học xã Đông Cao	2.000
30.4	Từ cổng trường Tiểu học xã Đông Cao đến đường rẽ xóm Trại Đông Hạ xã Đông Cao	2.300
30.5	Từ đường rẽ xóm Trại Đông Hạ xã Đông Cao đến chân đê Chã	2.400
31	Nhánh trục phụ từ Quốc lộ 3 đến đê Chã	
31.1	Từ Đường sắt qua cổng Trường Xây lắp điện cũ đến hết đất Trung Thành	
-	Từ đường sắt đến Bãi sỏi	1.200
-	Từ Bãi sỏi đến Sân bóng trường Xây lắp điện cũ	1.600
-	Từ Sân bóng trường Xây lắp điện cũ đến giáp đất Tân Phú	1.000
31.2	Từ Trạm xá xã Đông Cao đến giáp đất xã Tân Hương	800

32	Từ Quốc lộ 3 (đường rẽ xóm Cẩm Trà) đến kênh Núi Cốc	1.000
33	Từ Quốc lộ 3 đến chân đê Tứ Thịnh	
33.1	Từ Quốc lộ 3 đến cổng chợ Thanh Xuyên +50m	2.800
33.2	Từ cổng chợ Thanh Xuyên +50m đến +200m	2.000
33.3	Từ cổng chợ Thanh Xuyên +250m đến chân đê Tứ Thịnh	1.000
34	Từ Quốc lộ 3 (Công ty Sữa) đến Cổng Táo	
34.1	Từ Quốc lộ 3 đến Đường sắt Hà Thái	2.000
34.2	Từ đường sắt Hà Thái đến Cổng Táo	1.000
35	Từ Quốc lộ 3 đến Cổng Sư đoàn 312	2.800
36	Từ Quốc lộ 3 (Núi Sáo) đến Đường Ngâm	2.000
37	Từ Quốc lộ 3 đoạn qua UBND xã Thuận Thành cũ đến Cổng Táo	
37.1	Từ Quốc lộ 3 đến cổng UBND xã Thuận Thành cũ	1.900
37.2	Từ cổng UBND xã Thuận Thành đến Đường sắt Hà Thái	1.600
37.3	Từ Đường sắt Hà Thái đến Cổng Táo Thuận Thành	800
B	CÁC TUYẾN TỈNH LỘ	
I	Đường Tỉnh lộ Phổ Yên đi Phú Bình (ĐT261)	
	Trục chính	
1	Từ Quốc lộ 3 đến ngã 3 xe trâu	5.200
2	Từ ngã 3 xe trâu đến Đường sắt	4.000
3	Từ đường sắt đến hết chợ Hồng Tiến	4.500
4	Từ giáp đất chợ Hồng Tiến đến hết đất ở nhà ông Tiêu	3.700
5	Từ giáp đất ở nhà ông Tiêu đến Cầu Rẽo	3.300
6	Từ Cầu Rẽo đến cổng kho K602	2.400
7	Từ cổng kho K602 đến đường rẽ Cổng Thượng	2.000
8	Từ đường rẽ Cổng Thượng đến kênh giữa Núi Cốc	1.200
9	Từ kênh giữa Núi Cốc đến giáp đất Phú Bình	800
	Trục phụ	
1	Từ ngã 3 dốc Xe Trâu đến nhà ông Trung Trạm	
1.1	Từ ngã 3 dốc xe Trâu +120m	4.800
1.2	Từ ngã 3 dốc Xe Trâu +120m đến đường sắt	4.000
1.3	Từ đường sắt đến ngã 3 (nhà ông Trung Trạm)	4.000
2	Từ ngã 3 Vòng Bi đến cổng nhà máy Vòng Bi	2.800
3	Từ đường 261 (nhà ông Luật Hậu) đi xóm Đồng Quang đến đầu cầu Đồng Tâm	500
II	Đường 261 đi Phúc Thuận Đại Từ	
	Trục chính	

1	Từ quốc lộ 3 đến hết đất thị trấn Ba Hàng	5.200
2	Từ giáp đất Thị trấn Ba Hàng đến cổng phụ Bệnh viện Quân y 91	3.600
3	Từ cổng phụ Bệnh viện Quân y 91 đến Cầu Trâu II	3.000
4	Từ Cầu Trâu II đến cách ngã 3 Giếng Đồn +100m	2.000
5	Từ cách ngã 3 Giếng Đồn +100m đến cầu Đầm	1.600
6	Từ cầu Đầm đến giáp đất Minh Đức	800
7	Từ đất Minh Đức đến cách cổng UBND xã Minh Đức 150m	700
8	Từ cổng UBND xã Minh Đức +150m về 2 phía	1.600
9	Từ cổng UBND xã Minh Đức +150m đến hết địa phận xã Minh Đức	1.100
10	Từ địa phận xã Minh Đức đến hết hạt giao thông số 5	1.200
11	Từ Hạt giao thông số 5 đến cách cổng chính chợ Bắc Sơn 50m	2.400
12	Cổng chính chợ Bắc Sơn +50m về hai phía (Đường 261)	2.800
13	Từ cách cổng chính chợ Bắc Sơn 50m đến đường rẽ UBND TT Bắc Sơn +300m đi Phúc Thuận	1.600
14	Cách đường rẽ UBND TT Bắc Sơn 300m đến cách cổng chợ Phúc Thuận 50m	1.200
15	Cổng chợ Phúc Thuận +50m về 2 phía	1.600
16	Từ cách cổng chợ Phúc Thuận 50m đến cây đa Bến Đông +200m	1.200
17	Cách cây đa Bến Đông + 200m đến cầu số 1	800
18	Từ cầu số 1 đến hết đất Phúc Thuận giáp đất Đại Từ	700
	Trục phụ	
1	Từ đường 261 (nhà ông Vy) qua Nhà văn hoá thôn Yên Ninh đến kênh Núi Cốc	1.200
2	Từ đường 261 (nhà ông Uyển Cẩn) đến ngã 3 (nhà ông Lưu Tiểu khu 3)	1.600
3	Nhánh rẽ cạnh nhà ông Kiên đến kênh mương Núi Cốc	800
4	Từ đường 261 (Cạnh nhà ông Bình) đến ngã 3 (nhà ông Luyện Tiểu khu 3)	1.500
5	Từ đường 261 (Cạnh nhà ông Dân thôn Yên Ninh) qua thôn Yên Ninh đến gặp đường nhựa đi Bệnh viện Quân y 91	1.500
6	Từ đường 261 đến cổng chính Bệnh viện Quân y 91(đi qua cổng phụ Bệnh viện 91)	600
7	Từ đường 261 đến hồ Suối Lạnh	
7.1	Từ đường 261 +100m	1.400
7.2	Qua 100m đến Cầu Nhái	800
7.3	Từ Cầu Nhái đến hết đất thổ cư nhà ông Phúc xóm Thượng Vụ	600
7.4	Từ giáp đất thổ cư nhà ông Phúc xóm Thượng Vụ đến cầu Lai xã Thành Công	700
7.5	Từ cầu Lai đến cách ngã 3 chợ Long Thành 50m	1.200
7.6	Từ ngã 3 chợ Long Thành +50m về 3 phía	1.500
7.7	Từ ngã 3 chợ Long Thành +50m đến Gò Tròn	800

7.8	Từ Gò Tròn đến Gò Đồn	600
7.9	Từ Gò Đồn đến cách chân đập hồ Suối Lạnh 300m	700
7.10	Cách chân đập hồ Suối Lạnh 300m đến chân đập	1.000
8	Từ Trung tâm Thương nghiệp đi xóm 3 TT Bắc Sơn (Vào 500m)	1.500
9	Từ Trung tâm Thương nghiệp đến cổng trường THPT Bắc Sơn	1.500
10	Từ ngã 3 UBND thị trấn Bắc Sơn đến trạm biến thế Công ty Chè Bắc Sơn	1.200
11	Từ ngã 3 chợ Phúc Thuận đi Quân Cay (Vào 200m)	700
12	Từ Ngã 3 chợ Phúc Thuận đi xóm Chăng (Vào 200m)	700
13	Từ đường rẽ đi Phúc Tân đến đập tràn	400
14	Từ đập tràn đến hết đất trường Tiểu Học 2 Phúc Thuận	350
15	Từ ngã tư Đức Phú đi đập tràn Trung Năng (đường đi Thái Nguyên)	400
16	Từ đập tràn Trung Năng đi ngã tư xóm 6 xã Phúc Thuận	350
	Các nhánh của trục phụ từ Giếng Đồn đến hồ Suối Lạnh	
1	Từ ngã 3 Bến Nhái đi xã Vạn Phái	
1.1	Từ ngã 3 Bến Nhái đến cách UBND xã Vạn Phái 200m	500
1.2	Từ Trung tâm UBND xã Vạn Phái +200m về các phía	700
2	Từ ngã 3 nhà ông Quang Chiến đến cổng trường Tiểu học 2 xã Thành Công	500
3	Từ ngã 3 Gò Đồn đến cách ngã 3 làng Đanh + 50m	400
4	Từ cổng Làng Đanh +50m về 2 phía	600
5	Từ ngã 3 chợ Long Thành + 50m đến đỉnh đèo Nhe (hết địa phận xã Thành Công)	
5.1	Từ ngã 3 chợ Long Thành + 50m đến cổng trường THCS xã Thành Công	1.200
5.2	Từ cổng trường THCS Thành Công đến hết đất thổ cư nhà ông Toàn xóm Xuân Dương	700
5.3	Từ nhà ông Toàn xóm Xuân Dương đến đỉnh đèo Nhe (hết địa phận xã Thành Công)	320
6	Đoạn từ giáp đất Bắc Sơn – Sóc Sơn – Hà Nội đi qua nhà máy gạch Hồng Trang đến hết đất thổ cư nhà ông Lưu Văn Hai xóm Ao Sen xã Thành Công	400
III	Từ Quốc lộ 3 đi Tiên Phong	
	Trục chính	
1	Từ Quốc lộ 3 đến hết đất thổ cư nhà Ngân Dân	6.500
2	Từ giáp đất thổ cư nhà Ngân Dân đến đường sắt	5.600
3	Từ Đường sắt đến ngã 3 kho dự trữ C203+200m	4.500
4	Từ ngã 3 kho dự trữ C203 +200m đến ngã 3 Cao Vương	2.000
5	Từ ngã 3 Cao Vương đến giáp đất Tiên Phong	1.200
6	Từ đất Tiên Phong đến hết đất thổ cư nhà ông Hà Trọng Đại	1.000

7	Từ giáp đất thổ cư nhà ông Hà Trọng Đại đi chợ Cầu Gò đến hết đất thổ cư nhà ông Hà Công Uẩn	1.200
8	Từ giáp đất thổ cư nhà ông Hà Công Uẩn đến ngã tư Nguyễn Hậu + 100 m	800
9	Từ ngã tư Nguyễn Hậu +100m đến chân đê Thủ Lâm	600
	Trục phụ	
1	Từ đường đi Tiên Phong (giáp đất ông Thoại) đến đường nhựa đi vào nhà máy Z131	
1.1	Từ đường đi Tiên Phong (Giáp đất ông Thoại) đến nhà ông Bằng thôn Đại Phong	2.400
1.2	Từ nhà ông Bằng (thôn Đại Phong) qua thôn Đại Phong đến đường nhựa đi vào nhà máy Z131	1.600
2	Từ đường đi Tiên Phong (Cạnh nhà Ngân Dân) đến nhà Hợp Xuân	4.800
3	Nhánh Từ ngã 3 cổng nhà bà Vân (thôn Kim Thái) đến hết đất nhà bà Sơn (thôn Kim Thái)	3.200
4	Từ đường đi Tiên Phong đến sau ga Phổ Yên (nhà ông Thắng thuê)	4.000
5	Từ đường đi Tiên Phong (nhà ông Đính Màu) đến nhà khách Z131	
5.1	Từ đường đi Tiên Phong (nhà ông Đính Màu) đến cổng chính Z131	3.500
5.2	Từ cổng chính Z131 đến nhà khách Z131	2.500
6	Từ đường đi Tiên Phong (ngã 3 C203) đến cổng xưởng vật liệu nổ Z131	
6.1	Từ ngã 3 C203 vào 100m	2.000
6.2	Từ ngã 3 C203 +50m đến cổng xưởng vật liệu nổ Z131	1.500
7	Từ đường đi Tiên Phong (Nhà ông Quán) đến thổ cư ông Năng xóm Tân Long 2	500
8	Từ đường đi Tiên Phong (ngã 3 Cao Vương) đến Km0 đê Chã	400
9	Từ đường đi Tiên Phong đi thôn Giã Trung	
9.1	Từ đường đi Tiên Phong +100m	700
9.2	Sau 100m đến hết đất ở nhà ông Dương Văn Huy – Giã Trung	500
10	Từ đường đi Tiên Phong + 100m (đi thôn Giã Thủ)	600
11	Từ đường đi Tiên Phong (ngã 3 nhà ông Đào Văn Tiến) đến chân đê Yên Trung (Cổng bò đá)	700
12	Từ biên di tích lịch sử bà Lưu Thị Phận Cổ Pháp - Hào Sơn đến giếng làng Yên Trung	500
13	Từ cổng trường Tiểu học Tiên Phong 2 đến trạm điện Hào Sơn	600
C	CÁC KHU TÁI ĐỊNH CƯ	
1	Khu tái định cư xóm Xây xã Thuận Thành (Đường rộng 7.5m)	350
2	Khu tái định cư xóm Đình xã Tân Phú (Đường rộng 7.5m)	350
3	Khu tái định cư xóm Yên Gia xã Tân Phú (Đường rộng 7.5m)	350
4	Khu tái định cư xóm Trại xã Tân Phú (Đường rộng 7.5m)	350

5	Khu tái định cư xóm Tân Long 1, xóm Tân Long 2 xã Tân Hương (Đường rộng 7.5m)	600
6	Khu tái định cư Sơn Trung thị trấn Bắc Sơn (Đường rộng 7.5m)	600

II. Giá đất ở tại nông thôn ngoài những trực giao thông chính, chưa được quy định trong bảng giá trên, thì áp dụng bảng giá sau:

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN	MỨC GIÁ		
	Vùng Trung du	Vùng miền núi khu vực II	Vùng miền núi khu vực III
Loại 1	350	320	290
Loại 2	320	290	260
Loại 3	290	260	230
Loại 4	260	230	200

Ghi chú:

1. Phân loại đất ở nông thôn theo quy định tại tiết 2.1 điểm 2, mục I, phần B hướng dẫn áp dụng bảng giá đất.

2. Trường hợp đất ở đô thị tại thị trấn Ba Hàng, thị trấn Bãi Bông và thị trấn Bắc Sơn chưa được quy định chi tiết trong bảng giá trên, khi xác định giá đất áp dụng điểm 2, mục II, phần B hướng dẫn áp dụng bảng giá các loại đất, mức tối thiểu không được thấp hơn giá đất tại bảng giá đất ở nông thôn trên.

PHỤ LỤC SỐ 04

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở HUYỆN PHÚ BÌNH NĂM 2014

(Ban hành kèm theo Quyết định số 36/2013/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

I. Giá đất ở tại đô thị, giá đất ở tại nông thôn bám các trực giao thông chính, khu du lịch, khu thương mại, khu công nghiệp, các đầu mối giao thông.

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

SỐ TT	TRỰC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
I	TRỰC ĐƯỜNG QUỐC LỘ 37	
1	Từ giáp đất Hiệp Hoà đến cách ngã tư Cầu Ca 200m	2.500
2	Cách ngã tư Cầu Ca 200m đến qua ngã tư Cầu Ca 500m	3.000
3	Từ cách ngã tư Cầu Ca 500m đến cầu Chợ Đồn	2.000
4	Từ cầu Chợ Đồn đến hết đất xã Kha Sơn	3.500

5	Từ giáp đất Kha Sơn đến cách cổng Công an huyện 200m	4.000
6	Từ cách cổng Công an huyện 200m đến cổng Công an huyện	4.000
7	Từ cổng Công an huyện đến giáp đất Ngân hàng Chính sách xã hội	5.500
8	Từ đất Ngân hàng Chính sách (đường vào Nhà văn hóa Tổ 2) đến cầu bằng chợ Úc Sơn (+) 300m đi Thái Nguyên	6.000
9	Từ cách cầu bằng Úc Sơn 300m đến qua cổng Bệnh viện Đa khoa Phú Bình 100m đi Thái Nguyên	4.500
10	Từ cách cổng Bệnh viện Đa khoa Phú Bình 100m đến hết đất thị trấn Hương Sơn	3.500
11	Từ giáp đất thị trấn Hương Sơn đến ngã ba đường mới (đường rẽ Cầu Mây địa phận xã Xuân Phương)	2.500
12	Từ ngã ba đường mới đến Cầu Mây (hết đất Xuân Phương)	4.000
13	Từ đầu Cầu Mây (+) 200 m đi Thái Nguyên	2.500
14	Từ cách đầu Cầu Mây 200m đến ngã ba đường rẽ vào xóm Chiến 1	1.800
15	Từ ngã ba đường rẽ xóm Chiến 1 đến ngã ba đường rẽ vào xóm Soi 1	2.000
16	Từ ngã ba đường rẽ xóm Soi 1 đến kênh qua đường rẽ vào xóm Đô	3.000
17	Từ giáp kênh qua đường rẽ vào xóm Đô đến ngã ba đường rẽ vào nghĩa trang Vườn Giếng	2.200
18	Từ ngã ba đường rẽ vào nghĩa trang Vườn Giếng đến hết đất Nhã Lộng	1.800
19	Từ giáp đất Nhã Lộng đến đường rẽ xóm Thuận Pháp, xã Diềm Thụy	2.000
20	Từ đường rẽ xóm Thuận Pháp đến đường rẽ vào Trường tiểu học xã Diềm Thụy	3.200
21	Từ đường rẽ vào Trường tiểu học Diềm Thụy đến giáp đất xã Thượng Đình	2.500
22	Từ giáp đất xã Diềm Thụy đến đường rẽ vào Trường Tiểu học xã Thượng Đình	2.000
23	Từ đường rẽ vào Trường Tiểu học xã Thượng Đình đến giáp đất thành phố Thái Nguyên	2.500
II	THỊ TRẤN HƯƠNG SƠN	
1	Từ Quốc lộ 37 (Trạm Thuế cũ) đến ngã ba cầu Vườn Nhanh	3.000
2	Từ Quốc lộ 37 (đường vào Huyện ủy) đến ngã ba cầu Vườn Nhanh	3.500
3	Từ Quốc lộ 37 (Bưu điện) đến hết đất Phòng Giáo dục	3.000
4	Từ Quốc lộ 37 (Viện Kiểm sát cũ) đến gặp đường từ Trạm thuế cũ đi ngã ba cầu Vườn Nhanh.	3.000
5	Từ Quốc lộ 37 (nhà bà Toan Thi) đi Tổ dân phố Hoà Bình	
5.1	Từ Quốc lộ 37 đi đường mới Khu dân cư số 1 đến bờ Sông Đào	4.500
5.2	Từ Quốc lộ 37 (+) 100m đi cổng làng Tổ dân phố Hoà Bình	3.000
5.3	Từ cách Quốc lộ 37 (100m) đến ngã 3 Tổ dân phố Hoà Bình (nhà ông Liệu)	2.000
6	Từ Quốc lộ 37 đi Trường THCS thị trấn Hương Sơn (đường đi Tổ dân phố La Sơn)	

6.1	Từ Quốc lộ 37 (+) 80m đến ngã tư vào đình chùa La sơn	2.000
6.2	Từ cách Quốc lộ 37 (80m) đến ngã tư vào đình La Sơn	1.500
7	Từ Quốc lộ 37 đi Tổ dân phố Thơm	
7.1	Từ Quốc lộ 37 đến giáp đất Sân vận động	1.500
7.2	Từ đất Sân vận động đến ngã ba thứ nhất đi Tổ dân phố Thơm	700
8	Từ Quốc lộ 37 đi vào Ban Chỉ huy quân sự huyện	
8.1	Từ Quốc lộ 37 (+) 30m đi vào Ban Chỉ huy quân sự huyện	4.000
8.2	Từ cách Quốc lộ 37 (30m) đến cổng Ban Chỉ huy quân sự	3.500
9	Từ cầu Bằng đi xuôi Sông Đào đi cầu Thùng – Lương Phú (qua cổng UBND thị trấn Hương Sơn)	
9.1	Từ cầu bằng đi xuôi Sông Đào đến cầu Vòng cũ	5.000
9.2	Từ cầu Vòng cũ đến cổng UBND thị trấn Hương Sơn	3.500
9.3	Từ cổng UBND thị trấn Hương Sơn đến hết đất thị trấn	2.000
10	Từ cầu Vòng cũ đi Tổ dân phố Hoà Bình	
10.1	Từ cầu Vòng cũ đến gặp đường nội thị khu dân cư số 1 thị trấn Hương Sơn	2.000
10.2	Từ đường khu dân cư số 1 đến ngã 3 tổ dân phố Hòa Bình	2.000
11	Từ đầu Cầu Bằng Úc Sơn (bờ phía chợ), đi ngược dòng chảy	
11.1	Từ đầu Cầu Bằng Úc Sơn (+) 300m	3.000
11.2	Từ cách Cầu Bằng Úc Sơn 300m đến 500m	2.500
11.3	Từ cách Cầu Bằng Úc Sơn 500m đến cách đầu cầu Đoàn Kết 100m	1.000
11.4	Từ cầu Đoàn Kết đi xuôi, ngược dòng 100m	2.000
11.5	Từ cầu Đoàn kết (+) 100m vào Tổ dân phố Đoàn kết	1.800
11.6	Từ cách cầu Đoàn kết 100m vào Nhà văn hoá Tổ dân phố Đoàn Kết	800
12	Từ Cầu Bằng Úc Sơn (bờ phía chợ) đi xuôi dòng chảy 400m	2.500
13	Từ Cầu Bằng Úc Sơn đi xã Tân Thành (đường tỉnh 269B)	
13.1	Từ Cầu Bằng Úc Sơn (+)100m	4.500
13.2	Từ cách Cầu Bằng Úc Sơn 100m đến 400m	4.000
13.3	Từ cách Cầu Bằng Úc Sơn 400m đến 600m	3.500
13.4	Từ cách Cầu Bằng Úc Sơn 600m đến 1000m	2.500
13.5	Từ cách Cầu Bằng Úc Sơn 1000m đến hết đất thị trấn (giáp đất Tân Hòa)	1.000
14	Từ cầu Mỹ Sơn đi các phía 100m	800
15	Từ cầu Vườn Nhanh (sau UBND huyện) đến ngã tư cổng đình chùa La Sơn	1.500
16	Vị trí đất phía sau giáp đất chợ Úc Sơn từ phía Đông đến phía Bắc chợ (phía Đông giáp bờ sông, phía Bắc cách đường đi Tân Thành 20m)	1.500
17	Đường vào khu xử lý rác thải thị trấn Hương Sơn	

17.1	Từ đường Úc Sơn - Tân Thành (+) 200m	1.500
17.2	Từ cách 200 m đến ngã ba đình Úc Sơn	800
18	Từ Quốc lộ 37 đến cổng Trường Mầm non Cụm trung tâm thị trấn Hương Sơn	1.500
19	Từ Quốc lộ 37 đi qua đình Làng Cả đến cổng Dọc	
19.1	Từ Quốc lộ 37 đến kênh N2	1.000
19.2	Từ kênh N2 đến ngã tư cổng Quán	800
19.3	Từ ngã tư cổng Quán đến cổng Dọc	600
20	Từ Quốc lộ 37 (Cầu Gò) đi ngã ba Bãi Đình	
20.1	Từ Quốc lộ 37 (Cầu Gò) đi ngã tư cổng Quán	1.000
20.2	Từ ngã tư cổng Quán đến ngã ba Bãi Đình	600
21	Từ Quốc lộ 37 (Trạm Y tế thị trấn Hương Sơn) đến Nhà văn hóa Tổ dân phố số 2	1.000
22	Từ Quốc lộ 37 đi đến ao Ngàn (Tổ 2)	800
23	Từ Quốc lộ 37 đi đến cổng Trung tâm Hướng nghiệp dạy nghề huyện Phú Bình	1.200
24	Từ Quốc lộ 37 đi vào trong khu tái định cư Nhà máy may TNG Phú Bình	3.500
III	XÃ KHA SƠN	
1	Ngã tư Cầu Ca đi xã Hà Châu	
1.1	Ngã tư Cầu Ca (+) 150m	2.500
1.2	Từ cách ngã tư Cầu Ca 150m đến hết đất Kha Sơn	1.500
2	Từ ngã tư Cầu Ca đi xã Thanh Ninh	
2.1	Từ ngã tư Cầu Ca (+) 100m	2.500
2.2	Từ cách ngã tư Cầu Ca 100m đến ngã ba xóm Hoà Bình	2.000
2.3	Từ ngã ba xóm Hoà Bình đi xã Thanh Ninh đến hết đất Kha Sơn	1.500
3	Từ Quốc lộ 37 ngã tư Chợ Đồn đi xã Lương Phú	
3.1	Từ Quốc lộ 37 ngã tư Chợ Đồn (+) 200m	1.500
3.2	Cách Quốc lộ 37 (200m) đi xã Lương Phú đến hết đất Kha Sơn	900
4	Từ Quốc lộ 37 ngã tư Chợ Đồn (+) 200m đi vào Chợ Đồn	2.000
5	Đường trong khu tái định cư Nhà máy may TNG Phú Bình (khu dân cư trong điểm công nghiệp Kha Sơn)	3.500
6	Đường trong khu dân cư gắn liền với khu tái định cư Nhà máy may TNG Phú Bình	3.000
IV	XÃ DƯƠNG THÀNH	
1	Từ Cầu Đất (+) 200m đi Bưu điện văn hóa xã Dương Thành	1.200
2	Từ Bưu điện văn hoá xã (+) 300m đi xã Thanh Ninh	1.500
3	Từ Bưu điện văn hóa xã đến kênh 4 đường Cầu Ca - Lữ Văn (đường tỉnh 261C)	1.000
4	Từ giáp địa giới xã Phúc Sơn, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang (+) 300m đi xã	1.000

	Thanh Ninh (đường tỉnh 261C)	
5	Các đoạn còn lại của đường Cầu Ca - Lữ Vân (đường tỉnh 261C)	800
6	Từ ngã ba đường đi vào UBND xã Dương Thành đến cống Phầm	
6.1	Từ ngã ba đường đi vào UBND xã (+) 100m đến kênh 4	550
6.2	Đoạn còn lại đến cống Phầm	450
7	Đường WB3 thuộc địa phận xã Dương Thành	
7.1	Từ giáp địa giới xã Thanh Ninh (+) 700m đi máng Cộc	500
7.2	Cách địa giới xã Thanh Ninh 700m đến cống Sấm	500
7.3	Từ ngã ba xóm An Ninh (+) 100m đi máng Cộc	450
7.4	Từ ngã ba xóm An Ninh (+) 100m đi máng Sấm	450
7.5	Các đoạn còn lại của đường WB3	450
V	XÃ LƯƠNG PHÚ	
1	Từ đầu cầu Thanh Lang đi 2 phía:	
1.1	Từ cầu Thanh Lang (+) 100m đi xã Tân Đức	1.500
1.2	Từ cầu Thanh Lang (+) 100m đi Cầu Thùng	1.500
	- Từ cách cầu Thanh Lang 100m đến Cầu Thùng	1.000
2	Từ cầu Lang Tạ đi xã Kha Sơn	
2.1	Từ cầu Lang Tạ (+) 200m đi xã Kha Sơn	1.500
2.2	Từ cách cầu Lang Tạ 200m đi xã Kha Sơn đến hết địa phận xã Lương Phú	900
3	Từ cầu Lang Tạ đến ngã ba đường vào xóm Phú Hương	1.000
4	Từ cầu Lang Tạ đi ngược Sông Đào 150m lên Cầu Thùng	1.000
5	Từ cầu Lang Tạ đi xóm Việt Ninh (theo bờ đê)	
5.1	Từ cầu Lang Tạ (+) 200m	1.000
5.2	Từ cách cầu Lang Tạ 200m đến 300m	600
6	Từ ngã tư Trạm y tế xã Lương Phú (+) 100m đi xóm Máng	500
VI	XÃ ÚC KỲ	
1	Từ ngã ba Quán Nam đi xuôi xã Nga My 200m và đi ngược xã Diềm Thụy 200m (đường tỉnh lộ 266)	600
VII	XÃ NGÀ MY	
1	Từ cổng chợ Quán Chè đi xuôi, đi ngược đê đến hết địa phận xã Nga My (đường tỉnh lộ 266)	
1.1	Từ cổng chợ Quán Chè đi xuôi, đi ngược đê 200m	900
1.2	Từ cách cổng chợ Quán Chè 200m đi xuôi, đi ngược đê hết địa phận xã Nga My	700
2	Từ ngã ba đường tỉnh lộ 266 đến Kho Quán, xã Nga My	600
3	Từ ngã ba chợ Quán Chè đến hết đất trụ sở mới của UBND xã Nga My	650
VIII	XÃ HÀ CHÂU	

1	Từ dốc ngã tư đến giáp đất Phổ Yên	
1.1	Từ dốc ngã ba vào xóm Ngói đến Kè số 1	1.500
1.2	Từ Kè số 1 đến Hạt quản lý đê	1.200
1.3	Từ Hạt quản lý đê hết đất Hà Châu (giáp đất Phổ Yên)	1.000
2	Từ dốc vào UBND xã đến ngã tư xóm Hương Chúc rẽ phải, rẽ trái 500 m	800
3	Từ dốc đê Hà Trạch (+) 800m đi đình Hà Trạch, xóm Trầm Hương	600
IX	XÃ TÂN HÒA	
1	Từ ngã tư Trung tâm xã đi Thanh Lương, đi xóm Ngò, đi xóm Trạ Sờ và đi xóm Hân	
1.1	Từ ngã tư Trung tâm xã đến cổng trường tiểu học xã Tân Hòa	700
1.2	Từ ngã tư Trung tâm xã đi xóm Ngò đến cổng qua đường (thuộc địa phận xóm Mực Giăng)	500
1.3	Từ ngã tư Trung tâm xã (+) 100m đi xóm Trạ Sờ	500
1.4	Từ ngã tư Trung tâm xã đi xóm Hân đến trạm bơm	500
2	Từ cầu Thanh Lang (+) 500m đi UBND xã	500
3	Ngã ba xóm Giàn (giáp đất thị trấn Hương Sơn) đi xóm Ngò (đường Úc Sơn - Tân Thành) đến hết đất xã Tân Hòa	450
4	Từ ngã tư xóm Trạ Sờ (+) 100m đi xã Tân Thành	350
5	Từ ngã tư xóm Trạ Sờ đi UBND xã đến hết đất nhà bà Lưu	350
X	XÃ TÂN THÀNH	
1	Từ cổng UBND xã (+) 700m đi vào xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ	800
2	Từ cổng UBND xã đi ra UBND huyện qua ngã tư La Lễ 100m	800
3	Từ ngã ba Trung tâm xã (+) 300m đi xóm Đồng Bốn	500
4	Từ ngã tư La Lễ (+) 100m đi xóm Vo	400
5	Từ ngã tư La Lễ đến bờ đập Kim Đĩnh	400
6	Từ trạm điện Cầu Muối (+300m) đi vào xã Hợp Tiến	400
7	Từ ngã ba Na Bì (+) 300m đi vào đình Na Bì	350
8	Từ trạm điện cầu muối đến trạm điện đồng bầu 2 (200m)	400
XI	XÃ TÂN KIM	
1	Từ cổng UBND xã (+) 300m đi xã Tân Khánh	800
2	Từ cách cổng UBND xã 300m đi xã Tân Khánh đến hết địa phận xã Tân Kim	600
3	Từ cổng UBND xã đến đường rẽ Bệnh viện Phong	850
4	Từ đường rẽ Bệnh viện Phong đi cầu Mây đến hết đất Tân Kim	650
5	Từ ngã 3 xóm Mỏn Hạ (+)150m đi Kim Đĩnh	500
6	Từ cách ngã 3 Mỏn Hạ 150m đến ngã tư Kim Đĩnh	400
7	Từ ngã tư Kim Đĩnh đi xóm Thông Bong (200m), đi Trại giếng (200m), đi Núi	400

	Chùa (200m)	
8	Từ cổng UBND xã đến cổng trường tiểu học	700
9	Từ cổng trường tiểu học đến dốc gành làng Châu	500
10	Từ dốc gành làng Châu đi Đèo Khê hết đất Tân Kim	350
XII	XÃ TÂN KHÁNH	
1	Từ ngã ba trung tâm xã (+) 150m đi Bảo Lý	1.500
2	Từ ngã ba trung tâm xã đến nghĩa trang liệt sỹ xã	1.500
3	Từ nghĩa trang liệt sỹ xã đến ngã 3 đường rẽ xóm Kim Bảng	600
4	Từ ngã ba đường rẽ xóm Kim Bảng đến cầu Trà Tước	450
5	Từ ngã ba trung tâm xã đến ngã ba đường rẽ xóm La Tú	1.000
6	Từ ngã ba đường rẽ trạm y tế xã đến ngã ba đường rẽ đi xóm La Tú (nhà ông Tuấn)	1.000
7	Từ ngã ba xóm La Tú đi Trại Cau đến cổng nhà bà Phong (hết thửa đất số 447 tờ bản đồ địa chính số 21 xã Tân Khánh)	600
XIII	XÃ TÂN ĐỨC	
1	Từ đầu cầu bằng đi ngược, xuôi 100m hai bờ sông Đào	1.200
2	Từ cổng chính cửa chợ (+) 200m đi xóm Diên	1.500
3	Từ cổng chính cửa chợ đi xóm Ngoài	
3.1	Từ cổng chính cửa chợ (+) 200m	1.200
3.2	Cách cổng chính chợ 200m đến 300m	800
4	Từ cổng chính chợ đến đầu cầu bằng	1.500
5	Từ ngã ba xóm Ngoài đi Nhà văn hóa xóm Ngọc Lý	
5.1	Từ ngã ba xóm ngoài (+) 200m	600
5.2	Từ qua 200m đến Nhà Văn hoá xóm Ngọc Lý	500
6	Từ cách đầu cầu bằng 100m đi Lữ Văn, đi xã Lương Phú đến hết đất Tân Đức	500
7	Từ ngã ba Nhà văn hóa xóm Quăn đi xã Tân Hòa; đi xóm Viên; đi xã Tiến Thắng, Yên Thế, Bắc Giang	
7.1	Từ ngã ba Nhà văn hóa xóm Quăn (+) 200m đi các phía trên.	400
7.2	Từ cách ngã ba Nhà văn hóa xóm Quăn 200m đi xã Tân Hòa, đi xóm Viên, đi xã Tiến Thắng (huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang)	350
8	Từ ngã ba xóm Ngọc Lý đi đến Nhà văn hóa xóm Tân Ngọc	350
9	Từ đầu cầu Vòng đi xóm Lệnh, đi xóm Quại đến giáp đất Thanh Ninh	400
XIV	XÃ XUÂN PHƯƠNG	
1	Từ trạm Y tế đến cổng Na Oan	1.500
2	Từ Trạm Y tế đi Cầu Cống	1.200
3	Từ ngã ba UBND xã đến chợ Đình	800

4	Từ cống Na Oan đến gặp Quốc lộ 37	1.000
5	Từ cầu bằng gốc đa đi xã Tân Kim hết địa phận xã Xuân Phương	
5.1	Từ cầu bằng gốc đa đến cầu Núi Cao	1.200
5.2	Từ cầu Núi Cao đi hết địa phận xã Xuân Phương	800
6	Từ ngã ba đường Quốc lộ 37 đến gốc đa Cầu Mây cũ	3.000
7	Từ gốc đa Cầu Mây đi Bảo Lý đến hết đất Xuân Phương	3.500
8	Từ gốc đa Cầu Mây đi bến phà Cầu Mây cũ	2.000
XV	XÃ NHÃ LỘNG	
1	Đất phía sau giáp đất chợ Cầu	1.000
2	Từ Quốc lộ 37 (đi qua cống Nhà Thờ) đến ngã ba xóm Náng, xóm Xúm	600
XVI	XÃ ĐIỀM THỤY	
1	Từ ngã tư Diềm Thụy đi Quốc lộ 3 đến giáp đất Phổ Yên (đường tỉnh lộ 266)	2.500
2	Từ ngã tư Diềm Thụy đến gặp đường tỉnh lộ 261 đi huyện Phổ Yên (ngã 3 Núi Căng)	1.000
3	Đường tỉnh lộ 266: Từ ngã ba rẽ đường tỉnh lộ 261 đi xuôi đến hết đất xã Diềm Thụy	600
4	Từ Quốc lộ 37 đi qua Trường Tiểu học xã Diềm Thụy đến gặp đường tỉnh lộ 266	
4.1	Từ Quốc lộ 37 (+) 500m	800
4.2	Đoạn còn lại	500
5	Đường tỉnh lộ 261: Từ ngã ba đi Phổ Yên đến hết đất Diềm Thụy	600
XVII	XÃ THƯỢNG ĐÌNH	
1	Từ Quốc lộ 37 (+) 100m đi vào UBND xã	700
2	Từ cống Trường Tiểu học xã Thượng Đình (+) 150m đi hai phía	700
XVIII	XÃ BẢO LÝ	
1	Từ cống Chi nhánh Vật tư Nông nghiệp (+) 200m đi UBND xã Bảo Lý	1.800
2	Từ cầu Vạn Giã (+) 200m đi ngược UBND xã Bảo Lý; Từ cầu Vạn Giã (+) 200m đi xuôi Cầu Mây	1.000
3	Từ cầu bằng Bảo Lý đi xuôi 200m; đi ngược xã Đào Xá 300m	1.500
4	Từ cầu bằng Bảo Lý đến ngã ba xóm Thượng	
4.1	Từ cầu bằng Bảo Lý đến cống Trường Mầm non	1.500
4.2	Từ cống Trường Mầm non đến ngã ba xóm Thượng	800
5.	Từ ngã ba phố Quyên đi ngược xã Tân Khánh 100m, đi xuôi UBND xã Bảo Lý 100m	600
6	Từ cầu Cổ Dạ đi xuôi UBND xã 200m, đi ngược xã Đào Xá 200 m	700
XIX	XÃ ĐÀO XÁ	
1	Đường bờ đê sông Đào (đường nhựa Cầu Mây - Đồng Liên, địa phận xã Đào	

	Xá)	
1.1	Từ ngã ba kè Lũ Yên đi xuôi, đi ngược 200m	1.000
1.2	Từ cách ngã ba kè Lũ Yên 200m đi xuôi xã Bảo Lý đến 800m	800
1.3	Từ cách ngã ba kè Lũ Yên 200m đi ngược dòng chảy đến 300m	600
1.4	Từ đầu cầu vòng xóm Dãy đi ngược, đi xuôi sông 200m	500
1.5	Các đoạn còn lại thuộc xã Đào Xá	450
1.6	Từ cách ngã ba kè Lũ Yên 1000m đi xuôi đến cầu cứng xóm đoàn kết	550
2	Từ đầu kè Lũ Yên đi xã Bàn Đạt đến ngã ba đường đi xã Tân Khánh	550
XX	XÃ THANH NINH	
1	Từ cổng UBND xã đi Cầu Ca đến hết địa phận xã Thanh Ninh	2.000
2	Từ cổng UBND xã đi xã Dương Thành	
2.1	Từ cổng UBND xã đến ngã ba đường rẽ xóm Tiền Phong	2.000
2.2	Từ ngã ba đường rẽ xóm Tiền Phong đến cổng Trường cấp I, II xã Thanh Ninh	1.800
2.3	Từ cổng Trường cấp I, II xã Thanh Ninh đến giáp đất Dương Thành	1.600
3	Từ ngã ba đường rẽ xóm Tiền Phong đi xã Lương Phú (đường liên xã Thanh Ninh - Lương Phú)	
3.1	Từ ngã ba đường rẽ xóm Tiền Phong (+) 100m	1.500
3.2	Từ cách ngã ba đường rẽ xóm Tiền Phong 100m đến 300m	1.200
3.3	Đoạn còn lại đi xã Lương Phú	500
4	Từ cổng UBND xã đến ngã ba đường rẽ xóm Hòa Bình (đường liên xã Thanh Ninh - Dương Thành)	
4.1	Từ cổng UBND xã (+) 100m	1.200
4.2	Từ cách cổng UBND xã 100m đến ngã ba đường rẽ xóm Hòa Bình	600
5	Từ ngã ba xóm Nam Hương (+) 200m đi xã Tân Đức	500
6	Từ ngã ba xóm Nam Hương (+) 200m đi Cầu Đất	500
XXI	XÃ ĐỒNG LIÊN	
1	Đoạn đường bờ đê Sông Đào địa phận xã Đồng Liên	
1.1	Từ đầu Cầu Trắng (Đồng Vỹ) đi xuôi, đi ngược dòng Sông Đào 100m	500
1.2	Từ cổng UBND xã Đồng Liên đi xuôi và đi ngược dòng Sông Đào 100m	800
1.3	Từ kè Đá Gân đi xuôi và đi ngược dòng Sông Đào 100m	1.000
1.4	Các đoạn còn lại	400
2	Từ bờ đê Sông Đào đi đến đầu cầu treo Đồng Liên - Hương Sơn, thành phố Thái Nguyên	500
3	Đoạn từ đầu cầu bằng Trung tâm xã Đồng Liên (+) 200m đi xã Bàn Đạt	450
XXII	XÃ BÀN ĐẠT	
1	Từ cổng UBND xã Bàn Đạt đi xuôi xóm Bàn Đạt 200m	600

2	Từ cách cổng UBND xã 200m đến Cầu Cuồng, xóm Tân Minh	400
3	Từ cổng UBND xã đến ngã ba Ao Văn Nghệ, xóm Na Chặng	500
4	Từ Cầu Trắng (+) 200m đi xóm Đồng Vỹ	400
5	Từ cách Cầu Trắng 200m đến Ao Văn Nghệ, xóm Na Chặng, đi xóm Việt Long	350

II. Giá đất ở tại thị trấn Hương Sơn chưa được quy định chi tiết trong bảng giá trên, thì được áp dụng bảng giá sau:

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

TT	NỘI DUNG	MỨC GIÁ
1	Loại 1	500
2	Loại 2	450
3	Loại 3	400
4	Loại 4	350

Tiêu chí phân loại đất cụ thể như sau:

a) Loại 1: Các ô thửa đất có vị trí thuận lợi nhất, có khả năng sinh lợi cao nhất trong khu vực, thoả mãn một trong những điều kiện sau:

- Bám đường giao thông là đường đất, đường cấp phối, có đường rộng lớn hơn hoặc bằng 3,5m;
- Bám đường giao thông là đường bê tông, đường nhựa, có đường rộng (bao gồm cả phần chưa đổ bê tông hoặc nhựa) lớn hơn hoặc bằng 2,0m;
- Cách chợ, trung tâm thị trấn, trường học, Khu công nghiệp TNG, Quốc lộ 37, không quá 200m, có đường vào lớn hơn hoặc bằng 2m.

b) Loại 2: Các ô thửa đất có vị trí, khả năng sinh lợi kém loại 1, thoả mãn một trong những điều kiện sau:

- Bám đường giao thông là đường đất, đường cấp phối, có đường rộng nhỏ hơn 3,5 m nhưng lớn hơn hoặc bằng 2,5 m;
- Bám đường giao thông là đường bê tông, đường nhựa, có (mặt) đường rộng nhỏ hơn 2,5 m, nhưng lớn hơn hoặc bằng 2,0 m;
- Cách chợ, trung tâm thị trấn, trường học, Khu công nghiệp TNG, Quốc lộ 37, không quá 200m, có đường vào nhỏ hơn 2m;
- Cách chợ, trung tâm thị trấn, Quốc lộ 37 qua 200m đến 500m, có đường vào lớn hơn hoặc bằng 2m;
- Cách đường liên xã, đường liên thôn qua 200m đến 500m, có đường vào lớn hơn hoặc bằng 2m.

c) Loại 3: Các ô thửa đất có vị trí, khả năng sinh lợi kém loại 2; thoả mãn một trong những điều kiện sau:

- Cách chợ, trung tâm thị trấn, Quốc lộ 37 qua 500m đến 1000m, có đường vào lớn hơn hoặc bằng 2m;

- Cách đường liên xã, đường liên thôn qua 500m đến 1000m, có đường vào lớn hơn hoặc bằng 2m.

d) Loại 4: Các ô thửa đất có vị trí, khả năng sinh lợi kém loại 3, không đủ các điều kiện trên.

III. Giá đất ở tại nông thôn ngoài những tuyến đường liên thôn, liên xã, liên huyện, tỉnh lộ và Quốc lộ chưa được quy định trong bảng giá trên, thì áp dụng bảng giá sau:

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN	MỨC GIÁ			
	Vùng Trung du	Vùng miền núi khu vực I	Vùng miền núi khu vực II	Vùng miền núi khu vực III
Loại 1	450	410	380	350
Loại 2	400	360	330	300
Loại 3	350	310	280	250
Loại 4	300	260	230	200

Ghi chú: Phân loại đất ở nông thôn theo quy định tại tiết 2.1, điểm 2, mục I, phần B hướng dẫn áp dụng bảng giá đất.

PHỤ LỤC SỐ 05

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở HUYỆN ĐỒNG HỖ NĂM 2014

(Ban hành kèm theo Quyết định số 36/2013/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

I. Giá đất ở tại đô thị, giá đất ở tại nông thôn bám các trục giao thông chính, khu thương mại, khu công nghiệp, các đầu mối giao thông.

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

Số TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
A	TRỤC QUỐC LỘ 1B	
1	Từ giáp đất xã Cao Ngạn đến cách ngã ba xã Hoá Thượng 200m	2.500
2	Ngã ba xã Hoá Thượng về hai phía (đi cầu Cao Ngạn và đi thị trấn Chùa Hang) 200m	3.000
3	Từ ngã ba xã Hóa Thượng đến cổng La Gianh	3.000
4	Từ Cổng La Gianh đến km 7+ 150	2.000
5	Từ Km 7 + 150m đến Km 8	1.500
6	Từ Km 8 đến qua cổng UBND xã Hóa Trung 100m	800
7	Cách cổng UBND xã Hóa Trung 100m đến Km9 + 500m	600
8	Từ Km9 + 500m đến Km12	500

9	Từ Km 12 đến Km 12 + 300m	1.000
10	Từ Km 12 + 300m đến đến km 13	1.500
11	Từ Km 13 đến cầu Đồng Thu	2.000
12	Từ cầu Đồng Thu đến cổng trung tâm dạy nghề trại Phú Sơn 4	1500
13	Từ cổng trung tâm dạy nghề trại Phú Sơn 4 đến hết đất xã Quang Sơn	800
B	TRỤC ĐƯỜNG QUỐC LỘ 1B CŨ	
1	Từ cổng HTX Cờ Hồng (giáp đất xã Đồng Bầm) đến cổng Bà Tành	4.500
2	Từ hết đất cổng Bà Tành đến hiệu thuốc Đồng Hỷ	5.500
3	Từ giáp đất hiệu thuốc Đồng Hỷ đến hết đất kiốt xăng (gần Trạm vật tư nông nghiệp huyện Đồng Hỷ)	4.500
4	Từ giáp đất kiốt xăng (gần trạm vật tư Nông nghiệp) đến đường rẽ vào Bộ Tư lệnh QKI	4000
5	Từ đường rẽ vào Bộ Tư lệnh Quân khu I đến đường rẽ vào lữ 575	3.000
6	Từ đường rẽ vào lữ 575 đến cách ngã ba xã Hoá Thượng 200m	2.500
C	TRỤC ĐƯỜNG 269	
1	Từ đường tròn Chùa Hang đến Cầu Đò	5.000
2	Từ Cầu đò đến hết đất kiốt xăng DN Đồng Tâm	3.500
3	Từ giáp đất kiốt xăng DN Đồng Tâm đến cầu Linh Nham	2.500
4	Từ cầu linh Nham đi Linh Sơn 100m	1000
5	Từ cách cầu Linh Nham 100m đến ngã ba đường đi cầu treo Bến Oánh (giáp trường quân sự)	700
6	Từ ngã ba đường đi cầu treo Bến Oánh (giáp trường quân sự) đến qua UBND xã Linh Sơn 100m	900
7	Cách UBND xã Linh Sơn 100m đến cầu Ngòi Chẹo	500
8	Từ cầu Ngòi Chẹo đến cách chợ Nam Hoà 200m	900
9	Chợ Nam Hoà 200m về 2 phía	1.800
10	Từ cách chợ Nam Hoà 200m đến cầu Thác Lạc	900
11	Từ cầu Thác Lạc đến đường tàu quặng	1.000
12	Từ đường tàu quặng đến ngã ba bách hoá	1.500
13	Từ ngã ba Bách Hoá đến cầu Đợi chờ	1.200
14	Từ cầu Đợi Chờ đến đường rẽ đi UBND xã Tân Lợi	600
15	Từ đường rẽ đi UBND xã Tân Lợi đến cầu Đă	500
16	Từ cầu Đă đến cách cổng UBND xã Hợp Tiến 500m	500
17	Từ cổng UBND xã Hợp Tiến + 500m về hai phía	600
18	Từ cách cổng UBND xã Hợp Tiến 500m đi Bắc Giang (hết đất xã Hợp Tiến)	500
D	CÁC TRỤC ĐƯỜNG CÒN LẠI CỦA CÁC XÃ, THỊ TRẤN	

I	THỊ TRẤN CHÙA HANG	
1	Trục đường Thanh niên (từ QL1B cũ đi hết đường thanh niên gặp đường 379)	3.000
1.1	Từ đường Thanh niên nối công trình phục vụ lễ hội Chùa hang (ngõ số 2)	1.500
1.2	Từ đường Thanh niên nối công trình phục vụ lễ hội Chùa hang (ngõ số 4)	
-	Đoạn đường bê tông	1.500
-	Đoạn đường chưa đổ bê tông	1.000
1.3	Các tuyến rẽ từ đường Thanh niên vào 100m đã được đổ bê tông	1.200
2	Từ trục đường QL1B cũ nối với đường 269 đoạn cạnh đường tròn tiểu công viên	5.000
-	Các nhánh rẽ trên trục đường từ QL1B cũ nối đường 269 (đoạn cạnh tiểu đường tròn công viên) vào 100m đã được đổ bê tông có nền đường rộng $\geq 2,5\text{m}$	1.500
3	Từ trục đường QL1B cũ nối với đường 269 đoạn cạnh chợ Chùa Hang	5.000
-	Các nhánh rẽ trên trục đường từ QL1B cũ nối đường 269 (đoạn cạnh chợ Chùa Hang) vào 100m đã được đổ bê tông có nền đường rộng $\geq 2,5\text{m}$	1.500
4	Các tuyến rẽ từ trục QL1B cũ	
4.1	Từ QL1B cũ đi trạm xá Đồng Bầm (Đến hết đất thị trấn)	2.000
4.2	Trục đường từ QL1B cũ đến khu dân cư tập thể Lâm sản	
-	Từ QL1B cũ đến cổng Trung tâm dạy nghề huyện	2.000
-	Từ cổng Trung tâm dạy nghề huyện vào hết đường quy hoạch của khu dân cư tập thể Lâm sản (Trục chính)	1.500
4.3	Từ QL1B cũ đi trường cấp II Đồng Bầm (lối rẽ đối diện đường Thanh niên)	1.500
4.4	Từ QL1B cũ đến hết Núi phán (lối rẽ đối diện đường vào khu TTVH Chùa Hang)	1.500
4.5	Từ QL1B cũ đến giáp đất sân bay Đồng Bầm (lối rẽ đối diện lò vôi - đoạn đường đã đổ bê tông)	1.500
-	Đoạn đường chưa đổ bê tông	1.000
4.6	Đường QL1B cũ rẽ cạnh chi cục Thuế gặp đường 379	
-	Từ QL1B cũ vào 100m	2.000
-	Sau 100m đến cách đường 379 100m	1.000
4.7	Các tuyến đường rẽ còn lại từ QL1B cũ vào 100m (đã được đổ bê tông có mặt đường rộng $\geq 3\text{m}$)	1.500
5	Trục đường 379 (từ đường tròn Chùa Hang đến đường tròn Núi Voi)	
5.1	Từ đường tròn Chùa Hang đến đường rẽ vào Chùa Hang	5.000
5.2	Từ đường rẽ vào Chùa Hang đến đường lối rẽ đường Thanh niên	3.000
5.3	Từ lối rẽ đường Thanh niên đến cách đường tròn Núi Voi 100m	2.500
5.4	Đường tròn Núi Voi + 100m về các phía (Cao ngạn, Chùa Hang, Núi Cỏi)	3.000
6	Các nhánh rẽ từ đường 379	
6.1	Từ đường 379 đến Cổng Chùa Hang	3.000

6.2	Các tuyến đường rẽ còn lại từ đường 379 vào 100m (đã được đổ bê tông có mặt đường rộng $\geq 2,5m$)	1.000
7	Qua đường tròn Núi voi 100m đi hết đất Núi Còi	1.000
8	Qua đường tròn Núi voi 100m đi Công ty CPXM Cao ngạn (hết đất thị trấn)	
8.1	Qua đường tròn Núi Voi 100m đi tiếp 100m	2.000
8.2	Cách đường tròn Núi Voi 200m đi Công ty CPXM Cao Ngạn (đến hết đất thị trấn)	1.000
9	Đường Hữu nghị thị trấn Chùa Hang (toàn tuyến)	1.500
10	Đường tròn Núi Voi rẽ vào Trạm xá Núi voi	1.200
11	Trục đường rẽ từ đường tròn Chùa Hang vào 100m đi nghĩa trang ấp Thái	1.500
12	Các tuyến đường rẽ còn lại từ đường 269 vào 100m (đã được đổ bê tông có mặt đường rộng $\geq 2,5m$)	1.500
13	Các đường trong khu quy hoạch Lâm trường Đồng Phú (sau nhà văn hoá tổ 2, 3)	1.200
14	Các đường trong khu quy hoạch Mỏ đá Núi voi	1.000
15	Các tuyến đường rẽ trên trục đường từ QL1B cũ đi khu tập thể Lâm sản	
15.1	Các nhánh rẽ trên trục đường từ QL1B cũ đến cổng trung tâm dạy nghề huyện vào 200m	1.200
15.2	Các đường nhánh còn lại trong khu quy hoạch dân cư tổ 5 (khu Đá xẻ)	1.000
16	Các trục đường bê tông, nhựa còn lại thuộc Thị trấn Chùa Hang	800
17	Các trục đường còn lại chưa bê tông, nhựa thuộc Thị trấn Chùa Hang	500
II	XÃ HOÁ THƯỢNG	
1	Các tuyến đường rẽ từ trục QL1B	
1.1	Các tuyến đường rẽ từ QL1B cũ vào 200m về phía hai bên đường (tính từ đường rẽ đối diện cổng trường cấp 3 đến đường rẽ vào nhà văn hóa xóm Hưng Thái) có mặt đường bê tông hoặc nhựa rộng $\geq 2,5m$	1.000
1.2	Đường rẽ QL 1B cũ ngõ rẽ cạnh huyện đội(địa phận xã Hóa Thượng)	800
1.3	Từ QL 1B cũ đến nhà văn hóa xóm Hưng Thái	1.000
-	Từ nhà văn hóa xóm Hưng Thái đến ngã tư giáp đất chùa Hang	600
1.4	Từ QL 1B cũ đến trường Mầm Non Quân khu I	
-	Từ QL1B cũ đến trạm 88 cũ	1.500
-	Từ trạm 88 cũ đến trường mầm non Quân khu I	1.000
1.5	QL1B cũ đến ngã 3 (đường giáp nhà ông Hoàng Sính)	1.200
1.6	Từ QL1B cũ đến bệnh xá 43 (đường giáp XN may 20)	1.200
1.7	Từ QL1B cũ vào 200m (đoạn Km4 + 400m) đi vào Núi Kháo	800
1.8	Từ QL1B cũ vào 200m (đoạn Km4 + 500m) đi vào đồi Pháo cũ	800
1.9	Từ QL1B cũ vào 200m (đoạn Km4 + 600m) đi vào Núi Cái	800
1.10	QL1B cũ đến cổng chính BTL QKI	2.000

1.11	Đường rẽ trực đường từ QL1B cũ đến cổng Quân khu I (đường vào cổng Quân khu I cũ)	1.200
1.12	Từ QL1B cũ vào 100m (đoạn Km4 + 900m) đi vào xóm Đồng Thái (đoạn giáp Trường cấp 2 nối với đường vào lữ 575)	800
1.13	Từ QL1B cũ đi lữ 575 (hết địa phận xã Hoá Thượng)	1.000
1.14	Từ QL1B cũ đến cổng trạm nước sạch	700
1.15	Từ QL1B cũ đến lò vôi Nha Trang	1.000
1.16	Từ QL 1B cũ đến đồi chùa và đến hết dốc nhà ông Thiêm	1.000
2	Các tuyến đường rẽ từ trục đường 269	
2.1	Trục từ đường 269 đi xóm Ấp Thái (đường vào nhà Ông Luật) đến hết xóm Ấp Thái	
-	Từ đường 269 đi xóm Ấp Thái vào 200m (đường vào nhà ông Luật)	1.200
-	Từ đường 269 đi xóm Ấp Thái vào 200m đến hết đất xóm Ấp Thái	800
2.2	Từ đường 269 vào 200m (đi nhà thờ họ đạo ấp Thái)	900
2.3	Trục từ đường 269 đi xóm Ấp Thái (lối rẽ cạnh kiốt xăng) đến hết đất xóm Ấp Thái	
-	Từ đường 269 đi xóm Ấp Thái (lối rẽ cạnh kiốt xăng) vào 200m	900
-	Từ đường 269 đi xóm Ấp Thái (lối rẽ cạnh kiốt xăng) vào 200m đến hết đất xóm Ấp Thái	700
2.4	Từ đường 269 đến giáp đất đồi bệnh viện cũ	1.000
2.5	Trục từ đường 269 đi xóm Tân Thái (hướng đi Nhị Hoà) đến hết đất xóm Tân Thái	
-	Từ đường 269 đi xóm Tân Thái (hướng đi Nhị Hoà) vào 200m	800
-	Từ đường 269 đi xóm Tân Thái (hướng đi Nhị Hoà) vào 200m đến hết đất Tân Thái	500
2.6	Từ đường 269 đi khu dân cư xóm Tân Thái 200m (đối diện đường rẽ vào NVH xóm Tân Thái)	600
2.7	Từ đường 269 đến cổng trại chăn nuôi Tân Thái	800
3	Tuyến đường rẽ từ trục QL1B mới đi nhà văn hóa xóm Sơn Cầu	
3.1	Từ QL1B mới đến NVH xóm Sơn Cầu	1.000
3.2	Từ nhà văn hóa xóm Sơn Cầu đến đường 359 (cũ)	400
4	Trục từ ngã ba Km7 QL1B đi Trung đoàn 601 - Gốc Vối	
4.1	Từ ngã ba Km7 QL1B đến ngã tư Gò Cao (rẽ đi Minh Lập)	1.000
4.2	Từ ngã tư Gò Cao đi Gốc Vối (hết địa phận xã Hoá Thượng)	500
5	Các tuyến rẽ từ trục ngã ba Km7 QL1B đi Gốc Vối	
5.1	Trục từ ngã ba Hòa Bình đi Cầu Mơn	
-	Từ ngã ba (đường đi Hoà Bình) + 100m	900
-	Từ cách ngã ba (đường đi Hoà Bình) 100m đến đỉnh dốc Văn Hữu	600

-	Từ đỉnh dốc Văn Hữu đến cầu Môn	500
5.2	Trục từ ngã tư Gò Cao đi Minh Lập (hết địa phận xã Hoá Thượng)	400
6	Các tuyến đường trong khu quy hoạch QK I	
6.1	Khu trạm phòng dịch E 651	1.000
6.2	Khu xí nghiệp may 20(khu trong tuyến giáp đường nhà ông Hoàng Sính)	800
7	Đường tránh Chùa Hang (Đường QL 1B nối đường 269)	
7.1	Từ QL 1B cũ rẽ vào 150m	2.000
7.2	Từ cách QL 1B cũ 150m đến cách đường 269 150m	1.000
7.3	Từ đường 269 rẽ vào 150m	1.500
III	XÃ HÓA TRUNG	
1	Đường rẽ từ QL1B đi trụ sở Chi nhánh chè Sông Cầu (địa phận xã Hóa Trung)	800
2	Đường rẽ từ QL1B (giáp đất Hóa Thượng) đến cổng Lữ đoàn 575	600
3	Các tuyến đường rẽ từ QL1B vào 200m	
3.1	Đoạn từ Km7 đến cổng UBND xã Hoá Trung	
-	Đường bê tông hoặc nhựa có mặt đường rộng $\geq 2,5m$	300
-	Đường chưa bê tông hoặc nhựa có mặt đường rộng $\geq 3m$	250
3.2	Đoạn từ cổng UBND xã Hoá Trung đến Km12	
-	Đường bê tông hoặc nhựa có mặt đường rộng $\geq 2,5m$	250
-	Đường chưa bê tông hoặc nhựa có mặt đường rộng $\geq 3m$	220
IV	XÃ QUANG SƠN	
1	Từ QL1B đi xã Tân Long (đường 135) đến hết địa phận xã Quang Sơn	400
2	Từ QL1B qua UBND xã Quang Sơn đến trường THPT Trần Quốc Tuấn	1.500
3	Từ QL1B vào xóm Đồng Thu I đến cổng trường Tiểu học Quang Sơn	350
4	Từ QL 1B vào xóm Viên Ván đi Mỏ đá La Hiên (hết địa phận xã Quang Sơn)	350
5	Trục đường nhựa từ đường 135 xóm Na Oai đi đến trường tiểu học xã Quang Sơn	400
6	Từ đường nhựa xóm Na Oai đi Tân Long (hết địa phận xã Quang Sơn)	350
7	Từ trường THPT Trần Quốc Tuấn đến cổng trường tiểu học xã Quang Sơn	400
8	Từ đường nhựa xóm Xuân Quang I vào xóm Na Lay đi xã Tân Long (hết địa phận xã Quang Sơn)	250
9	Trục đường từ xóm Viên Ván vào xóm Đồng Chuổng đi xã La Hiên (hết địa phận xã Quang Sơn)	200
V	THỊ TRẤN SÔNG CẦU	
1	Từ QL1B đến đường tròn thị trấn Sông Cầu	
1.1	Từ giáp đất xã Hóa Trung đến cách cổng trụ sở Chi nhánh chè Sông Cầu 100m	600
1.2	Từ cách cổng trụ sở Chi nhánh chè Sông Cầu 100m đến ngã tư đường tròn Thị	800

	trần Sông Cầu	
2	Từ ngã tư đường tròn Thị trấn đến bình phong xóm Liên cơ đi xóm 9	600
3	Từ ngã tư đường tròn Thị trấn đến chân đồi cây trám xóm Tân Tiến	500
4	Từ chân đồi cây trám xóm Tân Tiến đến hết đường nhựa xóm 5	300
5	Từ ngã tư đường tròn thị trấn + 100m đi Trung tâm Văn hoá thể thao thị trấn	400
6	Từ bình phong xóm Liên cơ đi xóm 4 đến QL1B	500
7	Từ bình phong xóm Liên cơ đến đỉnh dốc đồi cây giang	350
8	Từ bình phong xóm 4 đi xóm La Mao đến ngã ba xóm 9	300
9	Từ đồi cây giang đến cầu treo xóm 7	300
10	Từ ngã ba trạm y tế đến trạm bơm	350
11	Từ ngã ba trạm y tế đến cổng trường cấp II	400
12	Các tuyến đường rẽ bê tông, nhựa từ đường chính vào 300m có mặt đường rộng $\geq 2,5m$	300
13	Các trục đường bê tông, nhựa còn lại mặt đường rộng $\geq 2,5m$	250
14	Các trục còn lại chưa bê tông hoặc nhựa thuộc thị trấn Sông Cầu có mặt đường rộng $\geq 3,0m$	200
VI	XÃ LINH SƠN	
1	Đường 269 đến cầu treo Bến Oánh (cả 2 nhánh)	800
2	Từ ngã ba Hùng Vương đến cầu phao Ngọc Lâm	300
3	Các đường rẽ từ đường 269 vào 200m bê tông hoặc nhựa có mặt đường rộng $\geq 2,5m$	250
4	Các đường rẽ từ đường 269 vào 200m đường đất có mặt đường rộng $\geq 3,0m$	200
VII	XÃ NAM HOÀ	
1	Từ đường 269 đi xã Hướng Thượng (hết địa phận xã Nam Hòa)	500
2	Từ đường 269 đi xã Văn Hán (hết địa phận xã Nam Hòa)	500
3	Các đường rẽ từ đường 269 vào 200m bê tông hoặc nhựa có mặt đường rộng $\geq 2,5m$	250
4	Các đường rẽ từ đường 269 vào 200m đường đất có mặt đường rộng $\geq 3,0m$	200
VIII	THỊ TRẤN TRẠI CAU	
1	Từ đường 269 vào cổng UBND xã Tân Lợi	500
1	Từ ngã ba Thương nghiệp đến cổng Bệnh viện Trại Cau	1.000
2	Từ ga 48 đến ngầm xã Cây Thị	400
3	Từ cổng mỏ sắt Trại Cau đến nhà văn hóa số 7,8	400
4	Các tuyến đường rẽ từ đường 269 vào 200m	
-	Đường bê tông, nhựa(mặt đường rộng $\geq 2,5m$)	400
-	Đường chưa bê tông, nhựa(mặt đường rộng $\geq 3m$)	300

IX	XÃ TÂN LỢI	
1	Các tuyến rẽ từ đường 269 vào 200m	
1.1	Đường bê tông hoặc nhựa mặt đường rộng $\geq 2,5\text{m}$	220
1.2	Đường chưa bê tông, nhựa (nền đường $\geq 3,0\text{m}$)	200
2	Từ UBND xã Tân Lợi đi Phú Bình đến hết đất xã Tân Lợi	300
X	XÃ HỢP TIẾN	
1	Từ cách UBND xã Hợp Tiến + 500m đi Tân Thành, Phú Bình	600
2	Cách UBND xã Hợp Tiến 500m đi Tân Thành, Phú Bình đến hết đất Hợp Tiến	300
3	Từ đường 269 đi hồ cặp kè (đường bê tông)	200
4	Từ đường 269 đi xóm Đèo Hanh vào 200m	200
5	Từ đường 269 qua chợ Hợp Tiến 50m (đường nhựa)	600
6	Từ cách chợ Hợp Tiến 50m đến ga Hợp Tiến	500
XI	XÃ CÂY THỊ	
1	Từ giáp đất Trại Cau đến cổng UBND xã Cây Thị	400
2	Từ cổng UBND xã Cây Thị đến cổng khe tuyến I	350
3	Từ cổng khe tuyến I đến ngàm tràn đền Ông Thị	300
4	Từ ngàm tràn đền Ông Thị đến chân dốc cổng trời (đường đi xã Văn Hán)	250
XII	XÃ HÒA BÌNH	
1	Cổng chợ Hòa Bình + 200m về ba phía	800
2	Qua cổng chợ Hòa Bình 200m đến giáp đất xã Văn Lăng	300
3	Cách cổng chợ Hòa Bình 200m đến giáp đất xã Tân Long	400
4	Cách cổng chợ Hòa Bình 200m đến giáp cầu phố Hích	450
5	Từ cầu phố Hích đến giáp đất xã Minh Lập	350
XIII	XÃ MINH LẬP	
1	Từ Cổng chợ Trại Cài + 200m về hai phía	800
2	Từ cách cổng chính chợ Trại Cài 200m đi Cầu Mơn (hết đất xã Minh Lập)	400
3	Từ Ngã ba xóm Sông Cầu đến nhà văn hóa xóm Sông Cầu	250
4	Từ ngã tư chợ Trại Cài đi xã Hòa Bình (hết đất xã Minh Lập)	400
5	Từ ngã tư Chợ Trại Cài đến ngã ba Cà Phê 2	400
6	Từ ngã ba Cà Phê 2 đến bến đò Cà Phê 2 (Toàn Thắng)	300
7	Từ ngã ba Cà Phê 2 đến Cổng làng Cà Phê 2	350
8	Từ cổng làng Cà Phê 2 qua UBND xã đến giáp đất xã Hoà Thượng	400
9	Từ đường Hoà Thượng - Hoà Bình rẽ đến NVH xóm Hang Ne	200
10	Từ cổng UBND xã Minh Lập + 200m đi xóm Ao Sơn	200
11	Từ ngã ba xóm Na Ca đến ngã ba trường THCS Minh Lập	300

12	Từ ngã ba gốc đa đi Tân Lập (hết đất xã Minh Lập)	300
13	Từ ngã ba xóm Đoàn Kết + 200m đi Làng Chu, Theo Cày	200
14	Từ ngã ba xóm Cầu Mơn 2 + 200m đi La Đòa	200
15	Từ ngằm Cà Phê vào 200m đi Đồng Sẻ	200
16	Từ ngã ba xóm Bà Đanh vào 200m đi xóm Bà Đanh 1 + 2	300
XIV	XÃ KHE MO	
1	Trục đường từ cầu Linh Nham đi Đèo khế gặp đường QL1B	
1.1	Từ cầu Linh Nham + 100m đi về phía Khe Mo	700
1.2	Cách cầu Linh Nham 100m đến giáp kiốt xăng dầu Bắc Thái	500
1.3	Từ đất kiốt xăng dầu Bắc Thái đến cầu xi măng Khe Mo	600
1.4	Từ cầu xi măng Khe Mo đi Đèo Khế gặp đường QL1B (hết địa phận xã Khe Mo)	300
2	Đường Khe Mo đi xã Văn Hán	
2.1	Ngã ba chợ Khe Mo + 100m đường đi xã Văn Hán	600
2.2	Cách ngã ba chợ Khe Mo 100m đi xã Văn Hán (hết địa phận xã Khe Mo)	250
2.3	Từ đường nhựa (ngã ba xóm Hải Hà) đến Cầu Sắt	200
2.4	Từ đường nhựa (ngã ba xóm Ao Rôm II) đến D1 lữ đoàn 575	200
XV	XÃ VĂN HÁN	
1	Tuyến Khe Mo - Đèo Nhâu	
1.1	Từ giáp đất Khe Mo đến cách chợ Văn Hán 100m	250
1.2	Đoạn từ cổng chợ Văn Hán đi về 2 phía 50m	800
1.3	Đoạn từ cách cổng chợ Văn Hán 50m đi tiếp 50m	400
1.4	Đoạn từ Ngã ba Phả Lý đến cột điện phân tuyến Phả Lý - Thái Hưng	300
1.5	Đoạn từ cột điện phân tuyến Phả Lý - Thái Hưng đến suối Cầu Mai	200
1.6	Đoạn từ suối Cầu Mai đến chân Đèo Nhâu	200
2	Tuyến ngã ba Phả Lý đi Thịnh Đức	
2.1	Đoạn từ Ngã ba xóm Phả Lý đến trạm biến thế xóm Phả Lý	600
2.2	Đoạn từ trạm biến thế xóm Phả Lý đến xóm Thịnh Đức 1	200
3	Tuyến Vân Hoà đi xã Nam Hoà	
3.1	Đoạn từ ngã ba xóm Vân Hoà đến ngã ba đường rẽ xóm La Cùm	300
3.2	Đoạn ngã ba xóm La Cùm đi xã Nam Hoà (hết đất xã Văn Hán)	200
XVI	XÃ HUỐNG THƯỢNG	
1	Cầu treo xã Huống Thượng đến ngã tư xóm Hóc	800
2	Từ ngã tư xóm Hóc đến giáp đất xã Nam Hoà	600
3	Từ ngã tư xóm Hóc đến Cầu treo xóm Sộp	200
4	Từ Cầu phao xóm Huống Trung đến đội 18 xóm Huống Trung (đường đi sang xã	200

	Linh Sơn)	
5	Từ cổng làng xóm Trám đi xóm Huống Trung (toàn tuyến)	200
6	Từ cầu treo Huống Thượng đi xóm Cây (toàn tuyến)	200
7	Từ cổng làng xóm Bầu đến nhà văn hoá xóm Bầu	200
8	Từ UBND xã Huống Thượng đi trường dạy nghề QKI (hết đất xã Huống Thượng)	200
XVII	XÃ VĂN LĂNG	
1	Từ cầu treo Khe Tiên đi xã Hòa Bình (hết đất xã Văn Lăng)	
1.1	Từ giáp đất xã Hòa Bình đi cầu treo Văn Lăng	300
1.2	Từ cầu treo Văn Lăng đi ngã ba Văn Lăng	250
1.3	Ngã ba Văn Lăng đi cầu treo khe Tiên	500
1.4	Từ cầu treo Khe Tiên đi hết xóm Liên Phương	200
1.5	Ngã ba Văn Lăng đi hết đất trường THCS Văn Lăng	300
1.6	Từ hết đất trường THCS Văn Lăng đến giáp đất xã Phú Đô (Phú Lương)	200
XVIII	XÃ TÂN LONG	
1	Từ cổng UBND xã đến cầu tràn Làng Mới	600
2	Từ cổng UBND xã đến đường rẽ vào trạm biến áp xóm Làng Mới	600
3	Từ đường rẽ vào Trạm biến áp xóm Làng Mới đến giáp đất xã Quang Sơn	350
4	Từ cầu tràn liên hợp xóm Làng Mới đến giáp đất xã Hòa Bình	350
5	Từ ngã ba cầu tràn đến Đài tưởng niệm xã Tân Long	300
6	Từ Đài tưởng niệm xã Tân Long đến cầu tràn liên hợp xóm Đồng Mây	200
7	Từ cầu tràn liên hợp xóm Đồng Mây đến ngã ba Nhà văn hóa xóm Làng Giếng	250
8	Từ ngã ba xóm Luông đi xã Quang Sơn	300

II. Giá đất ở tại nông thôn ngoài những trục giao thông chính, chưa được quy định trong bảng giá trên, thì áp dụng bảng giá sau:

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN	MỨC GIÁ		
	Vùng miền núi khu vực I	Vùng miền núi khu vực II	Vùng miền núi khu vực III
Loại 1	210	190	170
Loại 2	190	170	150
Loại 3	170	150	130
Loại 4	150	130	110

Ghi chú: Phân loại đất ở nông thôn theo quy định tại tiết 2.1, điểm 2, mục I, phần B hướng dẫn áp dụng bảng giá đất.

PHỤ LỤC SỐ 06

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở HUYỆN ĐẠI TỪ NĂM 2014

(Ban hành kèm theo Quyết định số 36/2013/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

I. Giá đất ở tại đô thị, giá đất ở tại nông thôn bám các trục giao thông chính, khu du lịch, khu thương mại, khu công nghiệp, các đầu mối giao thông.

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

Số TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
A	TRỤC QUỐC LỘ 37	
I	Trục đường chính từ giáp đất huyện Phú Lương đến đèo khế giáp đất huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	
1	Từ giáp đất huyện Phú Lương đến đường rẽ vào UBND xã Cù Vân	1.100
2	Từ đường rẽ UBND xã Cù Vân đến cầu Rùm xã Cù Vân	2.000
3	Từ cầu Rùm xã Cù Vân đến cầu Khe Lạnh	1.700
4	Từ cầu Khe Lạnh đến đường Tàu cắt ngang xóm 11 xã Hà Thượng	4.500
5	Từ đường Tàu cắt ngang xóm 11 xã Hà Thượng đến Km số 17 + 200m Thái Nguyên - Đại Từ	2.500
6	Từ Km số 17+ 200m Thái Nguyên - Đại Từ đến Cầu suối Cát	2.500
7	Từ nhà ông Hùng (dốc Đình) đến hết Kiốt Xăng dầu	2.000
8	Từ kiốt xăng dầu đến cầu Đàm Phủ	3.000
9	Từ Cầu Đàm Phủ đến đường rẽ vào Hồ Núi Cốc	3.500
10	Từ đường rẽ vào Hồ Núi Cốc đến đầu cầu Huy Ngạc	4.500
11	Từ đầu cầu Huy Ngạc đến đường rẽ xóm Táo xã Hùng Sơn	7.000
12	Từ đường rẽ xóm Táo xã Hùng Sơn đến Cống Cầu Bò	7.500
13	Từ cống Cầu Bò đến cống Bưu chính Đại Từ	8.000
14	Từ cống Bưu chính Đại Từ đến kiốt xăng số 19 (đối diện nghĩa trang thị trấn Đại Từ)	7.500
15	Từ kiốt xăng số 19 (Đối diện nghĩa trang thị trấn Đại Từ) đến đường rẽ vào xóm Gò	5.500
16	Từ đường rẽ vào xóm Gò đến cầu Đen	4.500
17	Từ cầu Đen đến trạm biến áp xã Tiên Hội	4.000
18	Từ trạm biến áp xã Tiên Hội đến đường rẽ vào nghĩa trang xã Tiên Hội	4.300
19	Từ đường rẽ vào nghĩa trang xã Tiên Hội đến cầu Suối Long	3.500
20	Từ cầu Suối Long đến đường rẽ vào xã Hoàng Nông (Dốc Đỏ)	3.500

21	Từ đường rẽ vào xã Hoàng Nông (Dốc đỏ) đến cầu Điệp	2.500
22	Từ cầu Điệp đến hết đất xã Tiên Hội (Giáp đất xã Bản ngoại)	1.500
23	Từ giáp đất xã Tiên Hội đến cống Tiêu Ba Giăng	2.000
24	Từ cống tiêu Ba Giăng đến đường rẽ vào xã La Bằng	1.300
25	Từ đường rẽ vào xã La Bằng đến hết đất xã Bản Ngoại	1.000
26	Từ giáp đất xã Bản Ngoại đến cách ngã ba Khuôn ngàn 150 m	1.500
27	Từ cách Ngã ba Khuôn Ngàn 150 m đến đường tàu cắt ngang	2.500
28	Từ đường tàu cắt ngang đến đỉnh Dốc Mon	1.500
29	Từ đỉnh Dốc Mon (đường rẽ vào xã La Bằng) đến cầu Phú Xuyên	2.500
30	Từ cầu Phú Xuyên đến qua trụ sở UBND xã Phú Xuyên cũ 300m	2.500
31	Từ qua trụ sở UBND xã Phú Xuyên cũ 300m đến cầu Trà (hết đất xã Phú Xuyên)	1.800
32	Từ cầu Trà đến cầu Tây xã Yên Lãng	1500
33	Từ cầu Tây xã Yên Lãng đến ngã ba đường rẽ vào xóm Tiền Đốc	1.800
34	Từ ngã ba đường rẽ vào xóm Tiền Đốc đến cổng Trường tiểu học Yên Lãng I	2.500
35	Từ cổng Trường Tiểu học Yên Lãng 1 đến qua kiốt xăng Yên Lãng 300m	1.500
36	Từ qua kiốt xăng Yên Lãng 300m đến hết đất xã Yên Lãng (giáp đất huyện Sơn Dương - Tuyên Quang)	450
II	Trục phụ Quốc Lộ 37	
1	Từ Quốc Lộ 37 đi vào xã An Khánh	
1.1	Từ Quốc lộ 37 đến cầu Suối Huyền (hết đất xã Cù Vân)	800
1.2	Từ cầu Suối Huyền (giáp đất xã Cù Vân) đến đường rẽ Trại giống lúa An Khánh	650
1.3	Từ đường rẽ Trại giống lúa An Khánh đến trường THCS xã An Khánh	500
1.4	Từ ngã 3 Làng Ngõ xã An Khánh đến cầu Bà Yềng (hết đất xã An Khánh)	
1.4.1	Từ trường THCS xã An Khánh đến cầu Xạc Bi	700
1.4.2	Từ cầu Xạc Bi đến ngã tư xóm Tân Tiến	750
1.4.3	Từ ngã tư xóm Tân Tiến đến cầu Bà Yềng (hết đất xã An Khánh)	750
1.5	Đường Cù Vân - An Khánh	
1.5.1	Từ ngã ba (Trung tâm giống thủy sản Thái Nguyên - đường rẽ vào đường Cù Vân - An Khánh đoạn bổ sung) đến cầu xóm Đát	400
1.5.2	Từ Cầu xóm Đát đến ngã ba xóm Đầm (tiếp giáp đường Cù Vân - An Khánh giai đoạn 1)	500
1.5.3	Từ ngã ba trạm bơm xóm Đồng Sầm đến ngã ba đường rẽ vào trường Tiểu học xã An Khánh	400
2	Từ Quốc Lộ 37 vào Kho K9 xã Cù Vân	
2.1	Từ Quốc Lộ 37 vào 100m	1.000

2.2	Qua 100m đến 300m	800
2.3	Qua 300m đến cổng kho K9	500
2.4	Từ cổng kho K9 đến ngã ba bảng tin xóm 12+13 xã Cù Vân	300
3	Từ Quốc Lộ 37 đi vào Mỏ than Phấn Mễ	
3.1	Từ QL 37 đến nhà cân Mỏ than Phấn Mễ	1.500
3.2	Từ nhà cân mỏ than Phấn Mễ đến hết đất xã Hà Thượng	1.000
3.3	Từ giáp đất xã Hà Thượng đến giáp đất vành đai M3 – BLC	600
3.4	Từ giáp đất vành đai M3 - BLC đến cầu Đát Ma (Giáp đất huyện Đại Từ)	500
4	Từ Quốc Lộ 37 vào Kho Muối xã Hà Thượng (xóm 6 + xóm 7)	
4.1	Từ QL 37 vào tới đường tàu cắt ngang (bao gồm khu quy hoạch dân cư xóm 6+7)	600
4.2	Từ đường tàu cắt ngang đến cổng Kho Muối	350
5	Từ Quốc Lộ 37 (đường mỏ Thiếc) đi qua UBND xã Phục Linh sang xã Tân Linh	
5.1	Từ QL 37 vào 100m	500
5.2	Từ cách QL 37 vào 100m đến hết đất xã Hà Thượng	450
5.3	Từ giáp đất xã Hà Thượng đến qua cổng UBND xã Phục Linh 200m (đường đi Tân Linh)	550
5.4	Từ qua cổng UBND xã Phục Linh 200m đến ngã ba đường rẽ đi xã Tân Linh	400
5.5	Từ ngã ba đường rẽ đi xã Tân Linh đến giáp đất xã Tân Linh (hết đất xã Phục Linh)	500
5.6	Từ ngã ba xóm Soi đến Cầu Sung	400
5.7	Từ ngã ba xóm Khuôn 3 đến trạm điện số 35	350
6	Từ Quốc lộ 37 vào xã Tân Linh đi Phục Linh	
6.1	Từ đỉnh dốc Đá đến cách ngã ba cầu Suối Bột 150 m	500
6.2	Từ ngã ba cầu Suối Bột + 150 m về ba phía	700
6.3	Qua ngã ba cầu Suối Bột 150 m đến hết đất xã Tân Linh (giáp đất xã Phục Linh)	600
6.4	Qua ngã ba cầu Suối Bột 150 m đến cầu Vực Xanh xã Tân Linh	600
6.5	Từ cầu Vực Xanh xã Tân Linh đến cổng UBND xã Tân Linh + 350m	1.000
6.6	Qua cổng UBND xã Tân Linh 350m đến ngã ba Kiến Linh	700
6.7	Từ ngã ba Kiến Linh đến cổng xóm 6, xã Tân Linh	1.000
6.8	Từ cổng xóm 6, xã Tân Linh đến cách ngã tư Thái Linh 150 m	600
6.9	Từ cách ngã tư Thái Linh 150m đến cầu bê tông xóm 3, xã Tân Linh	800
6.10	Từ cầu bê tông xóm 3, xã Tân Linh đến hết đất xã Tân Linh (giáp đất xã Phú Lạc)	500
7	Từ Quốc Lộ 37 đi qua trường THCS xã Hùng Sơn đến giáp đường đi xóm	1.800

	Đồng Cả	
8	Từ Quốc Lộ 37 đến hết đất nhà ông Nguyễn xóm Đồng Cả	
8.1	Từ Quốc Lộ 37 đến nhà ông Thâu (ngã tư đường bê tông xóm 18)	1.500
8.2	Từ hết đất nhà ông Thâu (ngã tư đường bê tông xóm 18) đến ngã 3 đường rẽ nhà thờ Yên Huy	1.000
8.3	Từ ngã 3 đường rẽ nhà thờ Yên Huy đến hết đất ở nhà ông Nguyễn xóm Đồng Cả	800
9	Từ Quốc Lộ 37 vào xóm Táo xã Hùng Sơn	
9.1	Từ Quốc Lộ 37 đến đường Nam Sông Công	2.500
9.2	Trục đường Nam Sông Công	3.500
9.3	Nhánh đường Nam Sông Công - Đoạn từ Đường Nam Sông Công đến hết đất nhà ông Trường	1.000
10	Từ Quốc Lộ 37 đến cổng Trường PTTH Đại Từ	2.700
11	Từ Quốc lộ 37 vào 100m (nhà ông Lưu) xóm 4 xã Hùng Sơn	1.200
12	Đất ở thuộc lô 2 sau bến xe khách Đại Từ	2.000
13	Từ Quốc Lộ 37 vào đường Đồng Khốc đến giáp đường vào Trung tâm Y tế Đại Từ	
13.1	Từ Quốc lộ 37 đến đường rẽ trường Mầm non thị trấn Đại Từ	5.500
13.2	Từ đường rẽ trường Mầm non thị trấn Đại Từ đến ngã tư đường vào cổng phụ Trường THPT Đại Từ	3.200
13.3	Từ ngã tư đường vào cổng phụ Trường THPT Đại Từ đến giáp đường vào Bệnh Viện đa khoa Đại Từ	2.800
13.4	Từ đường 261 (cầu Gò Sơn) đến cổng phụ Trường THPT Đại Từ	2.200
14	Từ Quốc Lộ 37 (cầu Tây Phố Mới) đến cổng Đài tưởng niệm huyện Đại Từ	2.500
15	Từ Quốc Lộ 37 vào đến cổng UBND huyện Đại Từ	3.000
16	Đường từ Quốc Lộ 37 (ngã ba Bách hoá) đi Khôi Kỳ - Mỹ Yên	
16.1	Từ Quốc Lộ 37 (ngã 3 Bách Hoá) đến cầu Thông	4.000
16.2	Từ cầu Thông đến rẽ vào Trung tâm Chính trị	3.000
16.3	Từ đường rẽ vào Trung tâm Chính trị đến hết đất khu di tích 27/7	3.000
16.4	Từ hết đất khu di tích 27/7 đến đường rẽ xóm Gò	1.700
16.5	Từ đường rẽ xóm Gò đến hết đất xã Hùng Sơn	1.200
16.6	Từ giáp đất xã Hùng Sơn đến đường rẽ Nhà văn hoá xóm Hoà Bình, xã Khôi Kỳ	800
16.7	Từ đường rẽ Nhà văn hoá xóm Hoà Bình đến đường rẽ vào UBND xã Khôi Kỳ (đường 1) giáp nhà ông Thuỷ	700
16.8	Từ đường rẽ vào UBND xã Khôi Kỳ (đường 1) giáp nhà ông Thuỷ đến cầu Đức Long xã Khôi Kỳ	550
16.9	Từ cầu Đức Long xã Khôi Kỳ đến UBND xã Mỹ Yên +200m	

16.9.1	Từ cầu Đức Long xã Khôi Kỳ đến trạm điện Na Hồng (đường rẽ vào xóm Làng Lớn)	400
16.9.2	Từ trạm điện Na Hồng (đường rẽ vào xóm Làng Lớn) đến UBND xã Mỹ Yên +200m	600
16.10	Từ UBND xã Mỹ Yên +200m đến giáp đất xã Văn Yên	400
17	Các nhánh của trục đường từ QL 37 (ngã ba bách hoá) đi Khôi Kỳ - Mỹ Yên	
17.1	Từ trục đường vào đến cổng Trung tâm Chính trị (+) 50m	1.500
17.2	Từ giáp đất 27 tháng 7 đến cổng Trường cấp III cũ	600
17.3	Từ nhà văn hoá xóm 11 xã Hùng Sơn đến tiếp giáp đường vào Trường cấp III cũ	600
17.4	Đường bê tông từ giáp đất nhà ông Thuỷ đến UBND xã Khôi Kỳ	300
17.5	Từ trạm điện số 2 xã Khôi Kỳ đến ngã ba Nhà văn hoá xóm Gò Miêu (tiếp giáp đường 5 xã)	250
17.6	Từ ngã ba (giáp nhà ông Lê Bá Đông - xóm Đức Long) đến trạm điện số 2 xã Khôi Kỳ	300
17.7	Từ tràn 2 (tiếp giáp đất xã Mỹ Yên) đến tràn 7 giáp đất xã Hoàng Nông (đường 5 xã)	300
17.8	Từ ngã tư (ông Hoà) đến ngã ba tràn Na Giai	
17.8.1	Từ ngã tư (ông Hoà) + 500 m	350
17.8.2	Qua ngã tư (ông Hoà) 500 m đến ngã ba Tràn Na Giai	300
17.8.3	Từ trạm điện Na Hang đến giáp đất xã Khôi Kỳ	250
18	Từ Quốc Lộ 37 vào nhà máy nước	
18.1	Từ Quốc Lộ 37 đến hết đất nhà máy nước	2.500
18.2	Từ hết đất nhà máy nước đến giáp bờ sông	600
19	Từ Quốc Lộ 37 vào trường tiểu học Hùng Sơn I	
19.1	Từ Quốc Lộ 37 đến hết đất ô P7 (khu tái định cư Hùng Sơn III)	3.500
19.2	Từ hết đất ô P7 (khu tái định cư Hùng Sơn III) đến hết đất nhà ông Đàm	1.500
19.3	Từ đến hết đất nhà ông Đàm- đến Trường tiểu học Hùng Sơn I	1.800
20	Từ Quốc lộ 37 vào khu tái định cư Hùng Sơn III	
20.1	Từ Quốc lộ 37 đến hết đất ô M4	3.500
20.2	Từ ô N9 đến ô A1	2.500
20.3	Các tuyến đường còn lại trong khu quy hoạch tái định cư Hùng Sơn III	2.000
21	Từ Quốc lộ 37 đến nhà văn hoá xóm Phố Dầu xã Tiên Hội	1.200
22	Từ Quốc lộ 37 đến cổng Trường Tiểu học xã Tiên Hội	1.200
23	Từ Quốc lộ 37 (Dốc Đỏ) vào xã Hoàng Nông	
23.1	Từ QL 37 đến hết đất Trường Mầm non xã Tiên Hội	800
23.2	Từ hết đất Trường Mầm non xã Tiên Hội đến hết đất xã Tiên Hội	700

23.3	Từ Quốc lộ 37 vào 150 m (đường bê tông xóm Đại Quyết)	600
23.4	Từ giáp đất xã Tiên Hội đến ngã tư làng Đảng xã Hoàng Nông	500
23.5	Từ ngã tư làng Đảng xã Hoàng Nông đến Trạm Kiểm lâm Hoàng Nông	600
23.6	Từ Trạm Kiểm lâm Hoàng Nông đến đỉnh dốc Thủy Điện cũ xã Hoàng Nông	500
23.7	Từ đỉnh dốc Thủy Điện cũ xã Hoàng Nông đến cổng qua đường (giáp nhà ông Ngôn)	350
23.8	UBND xã Hoàng Nông (+) (-) 200m về hai phía	350
24	Nhánh của tuyến đường liên xã Tiên Hội - Hoàng Nông	
24.1	Từ trạm điện số 3 xã Hoàng Nông đến cầu tràn số 7 (giáp đất xã Khôi Kỳ) - Tuyến đường 5 xã	350
24.2	Từ trạm điện số 2 xã Hoàng Nông đến giáp đất xã La Bằng (tuyến đường 5 xã)	350
25	Từ Quốc lộ 37 (ngã ba Ba Giăng) đến đường rẽ đi cầu Treo xã Phú Lạc (giáp nhà ông Minh)	600
26	Từ đường rẽ đi cầu Treo xã Phú Lạc (giáp nhà ông Minh) đến cầu treo xã phú Lạc	600
27	Từ Quốc lộ 37 (cổng Trạm Y tế) đến ngã tư xóm Phổ xã Bản Ngoại	300
28	Từ ngã tư xóm Phổ xã Bản Ngoại đi Đàm Bàng hết đất xã Bản Ngoại (giáp đất xã Phú Lạc)	250
29	Từ QL37 đến khu di tích lịch sử xóm Đàm Mua xã Bản Ngoại	300
30	Từ cổng tiêu Ba Giăng đi xã Tiên Hội - Hoàng Nông đến hết đất xã Bản Ngoại (đường liên xã Bản Ngoại - Tiên Hội - Hoàng Nông)	250
31	Từ đường rẽ đi cầu treo xã Phú Lạc (giáp nhà ông Minh) đến hết đất xã Bản Ngoại (giáp xã Phú Thịnh)	400
32	Từ ngã ba nhà ông Việt xóm Đàm Bàng đến hết đất xã Bản Ngoại giáp xã Tân Linh	200
33	Từ giáp đất nhà ông Thi (xóm Na Mạn) đi xóm Cao Khản giáp xã Tiên Hội	200
34	Từ Quốc Lộ 37 đi vào xã La Bằng	
34.1	Từ QL 37 đến hết xã Bản Ngoại (giáp đất xã La Bằng)	600
34.2	Từ giáp đất xã Bản Ngoại đến trạm biến áp xóm Lau Sau	300
34.3	Từ trạm biến áp xóm Lau Sau đến cổng Trường Mầm non xã La Bằng	350
34.4	Từ cổng Trường Mầm non xã La Bằng đến ngã ba cây si + 100m (đi Phú Xuyên) + 100m đi xóm Rừng Vần	700
34.5	Từ ngã ba cây Si + 100m (đường đi xã Phú Xuyên) đến hết đất xã La Bằng	350
34.6	Từ ngã ba cây Si + 100m đến Trạm biến áp xóm Rừng Vần	350
34.7	Từ trạm biến áp xóm Rừng Vần đến đường rẽ xóm Tiến Thành xã La Bằng	250
34.8	Từ đường rẽ xóm Tiến Thành xã La Bằng đến Đập Kẹm xã La Bằng	200
34.9	Nhánh của trục đường từ QL 37 đi xã La Bằng	
34.9.1	Từ trục đường đến khu di tích thành lập Đảng (xã La Bằng)	300

34.9.2	Giáp đất xã Hoàng Nông đến cầu Trần Non Bèo	200
35	Từ Quốc lộ 37 (Dốc Mon) đến hết đất xã Phú Xuyên (giáp xã La Bằng)	700
36	Từ Quốc Lộ 37 vào trạm Y tế cũ xã Phú Xuyên	400
37	Từ Quốc Lộ 37 (Cây Đa đôi) vào UBND xã Na Mao	
37.1	Từ Quốc lộ 37 (Cây Đa đôi) đi xã Na Mao, vào 200m	600
37.2	Từ cách Quốc lộ 37 vào 200 m đến UBND xã Na Mao	300
37.3	Từ UBND xã Na Mao đến ngã tư (giáp đường Na Mao - Phú Cường - Đức Lương)	350
38	Từ Quốc lộ 37 (Đường đi Tượng đài thanh niên xung phong) đến hết đất xã Yên Lãng	
38.1	Từ Quốc lộ 37 đến đường đi Tượng đài thanh niên xung phong	400
38.2	Từ đường đi Tượng đài thanh niên xung phong đến hết đất xã Yên Lãng	250
39	Từ Quốc lộ 37 (đường Nguyễn Huệ) đến ngã tư xóm Giữa xã Yên Lãng	500
40	Từ Quốc lộ 37 đến nhà Văn hoá xóm Khuôn Nanh	250
41	Từ Quốc Lộ 37 đi vào Mỏ than Núi Hồng xã Yên Lãng	
41.1	Từ Quốc lộ 37 (từ ngã ba Chợ Yên Lãng) đến hết đất chi nhánh Ngân hàng	2.200
41.2	Từ giáp đất chi nhánh Ngân hàng đến cổng văn phòng Mỏ	1.800
41.3	Từ cổng văn phòng Mỏ đến đường rẽ vào Bàn Càn	750
41.4	Từ đường rẽ vào Bàn Càn đến núi đá Vôi (xóm cây Hồng)	450
41.5	Nhánh từ cổng văn phòng Mỏ đến tập thể Mỏ (Khu B)	350
B	TRỤC ĐƯỜNG TÍNH LỘ	
I	Đường 270 (Từ quốc Lộ 37 đi Hồ Núi Cốc)	
1	Từ Quốc Lộ 37 vào 300m	1.500
2	Cách QL37 300m đến đường rẽ xóm 8 +50 m	800
3	Từ đường rẽ xóm 8 +50 m đến hết đất xã Hùng Sơn giáp xã Tân Thái	800
4	Từ giáp đất xã Hùng Sơn đến Cổng qua đường nhà ông Năm Thuý	800
5	Từ Cổng qua đường nhà ông Năm Thuý đến Suối Lạc	1.100
6	Từ Suối Lạc đến cổng qua đường Đầm ông Cầu	1.600
7	Từ cổng qua đường Đầm ông Cầu đến cổng qua đường Nhà ông Ninh xóm Góc Mít	3.000
8	Từ cổng qua đường Nhà ông Ninh xóm Góc Mít đến hết đất xã Tân Thái	2.000
II	Đường 261 (ngã ba Bưu điện đi quân chu)	
1	Từ Quốc Lộ 37 đến cầu Gò Sơn	5.500
2	Từ cầu Gò Sơn đến ngã 3 sân vận động	3.000
3	Từ ngã 3 sân vận động đến cầu Suối Tám	3.500
4	Từ cầu suối Tám đến cầu Cỏ Trâu	3.300

5	Từ cầu Cỏ Trâu đến hết đất xã Bình Thuận	2.200
6	Từ giáp đất xã Bình Thuận đến cầu Đầu xã Lục Ba (Km 3 + 600)	1.300
7	Từ cầu Đầu xã Lục Ba (Km3 + 600) đến đường rẽ vào nghĩa địa Gò Chùa xóm Đồng Mưa xã Lục Ba (Km4 + 300)	2.000
8	Từ đường rẽ vào nghĩa địa Gò Chùa xóm đồng Mưa xã Lục Ba (km4 + 300) đến đường rẽ vào xóm Gò Lớn xã Lục Ba (km5 + 500)	1.400
9	Từ đường rẽ vào xóm Gò Lớn (Km5 + 500) đến hết đất xã Lục Ba (Km7 + 100)	1.000
10	Từ giáp đất xã Lục Ba đến đường rẽ vào xã Vạn Thọ	700
11	Từ đường rẽ vào xã Vạn Thọ đến cầu treo (xóm Cả xã Ký Phú)	1.000
12	Từ cầu Treo (xóm Cả xã Ký Phú) đến hết đất xã Ký Phú	700
13	Từ giáp đất xã Ký Phú đến đường rẽ vào Nhà văn hoá xóm Trung Nhạng	400
14	Từ đường rẽ vào Nhà văn hoá xóm Trung Nhạng đến Đồng Đàm Tranh, xóm Nông Trường	450
15	Từ Đồng Đàm Tranh, xóm Nông Trường đến ngàm tràn 3 Gò (hết đất xã Cát Nê)	400
16	Từ Ngàm tràn 3 Gò đến đường rẽ UBND xã Quân Chu	350
17	Từ đường rẽ UBND xã Quân Chu đến hết đất Trường THCS xã Quân Chu	600
18	Từ hết đất Trường THCS xã Quân Chu đến đường rẽ xóm 2 thị trấn Quân Chu	600
19	Từ đường rẽ xóm 2 thị trấn Quân Chu đến cầu sắt Công Trình	350
20	Từ cầu sắt Công Trình đến cổng trường tiểu học Thị trấn Quân Chu	300
21	Từ cổng trường Tiểu học Thị Trấn Quân Chu đến cầu suối đôi	500
22	Từ cầu suối Đôi đến cầu suối Liêng xã Quân Chu	400
III	Trục phụ đường 261	
1	Từ cổng đài tưởng niệm huyện Đại Từ đến cổng ban chỉ huy quân sự	3.500
2	Từ trục đường 261 đến cổng Bệnh viện đa khoa huyện Đại Từ	3.500
3	Từ cổng Bệnh viện đa khoa huyện Đại Từ đến nhà Khí tượng cũ	2.000
4	Các đường còn lại trong quy hoạch dân cư Bệnh viện đa khoa Đại Từ	1.000
5	Từ đường vào Bệnh viện Đa khoa Đại Từ đến Trung tâm y Tế Đại Từ	2.000
6	Từ đường 261 vào Trường Cấp III cũ (Xóm Phú Thịnh xã Hùng Sơn)	
6.1	Từ đường 261 vào 100m	1.200
6.2	Từ đường 261 vào 100m đến giáp sân thể thao trường Cấp III cũ	800
7	Từ đường 261 vào 300m (đi xóm Bình Xuân) xã Bình Thuận	600
8	Từ đường 261 vào 350m (đi xóm Trại) xã Bình Thuận	500
9	Từ đường 261 vào 350m đi trường Mầm non, Tiểu học Bình Thuận	600
10	Từ đường 261 vào 350m (đi xóm Chùa) xã Bình Thuận	500
11	Từ đường 261 vào 350m (đi xóm Thanh Phong) xã Bình Thuận	400

12	Từ đường 261 vào 350m (đi xóm Thuận Phong) xã Bình Thuận	400
13	Từ đường 261 vào 350m (đi xóm Tiến Thành) xã Bình Thuận	500
14	Từ đường 261 vào 350m đến nhà văn hoá xóm thuận Phong	400
15	Từ đường 261 đi Trường THSC xã Lục Ba	
15.1	Từ đường 261 vào đến Trường THCS Lục Ba	600
15.2	Từ giáp đất trường THCS đến ngã ba ông Ky xóm Thành Lập	300
15.3	Từ giáp đất trường THCS đến Trạm biển áp xóm Văn Thanh	300
15.4	Từ đường 261 đến ngã ba nhà ông Úy (đường đi xóm Gò Lớn)	300
15.5	Từ đường 261 đến ngã tư nhà ông Huỳnh	300
16	Từ đường 261 vào xã Vạn Thọ	
16.1	Từ đường 261 vào đến cầu treo xã Vạn Thọ	500
16.2	Từ tràn Vạn Thọ đến trụ sở UBND xã Vạn Thọ + 200m	300
16.3	Qua trụ sở UBND xã Vạn Thọ + 200m đến cầu Vai Say	250
16.4	Nhánh của trục đường ĐT 261 vào xã Vạn Thọ	
16.4.1	Từ đường trục xã (Trạm điện xóm 5) vào 100 m	210
16.4.2	Từ đường trục xã vào 100 m (đường vào xóm 6)	210
17	Từ đường 261 vào xã Văn Yên	
17.1	Từ đường 261 đến ngã tư Gò Quéch	400
17.2	Từ ngã tư Gò Quéch đến đường vào Trường Mầm non	500
17.3	Từ đường vào Trường Mầm non đến Nhà văn hoá xóm Cầu Găng	400
17.4	Từ Nhà văn hoá xóm Cầu Găng đến hết đất xã Văn Yên (giáp đất xã Mỹ Yên)	350
18	Nhánh của trục phụ (đường ĐT 261 vào xã Văn Yên)	
18.1	Từ đường trục xã đến Chùa Già	300
18.2	Từ đường rẽ Trường Tiểu học đến Trường Mầm non	300
19	Từ đường 261 vào đến giáp hồ Gò Miếu xã Ký Phú	500
20	Từ đường ĐT 261 (sau nhà ông Sơn Cảnh) + 120m – vào xóm Đạn 1, xã Ký Phú	500
21	Từ đường ĐT 261 (nhà ông Cầu Uyên) đường bê tông xóm Soi xã Ký Phú đến Ngã ba đường rẽ sang xã Vạn Thọ (giáp nhà ông Trần Văn Thúc)	500
22	Từ đường 261 đến UBND xã Quân Chu	250
23	Từ đường 261 (ngã 3 rẽ xóm 2) đến suối Xóm 2	200
24	Từ đường 261 (ngã ba rẽ xóm Chiêm) đến ngã ba (nhà ông Nhâm) +100m	250
IV	Đường 264 từ ngã ba Khuôn Ngàn đi Minh Tiến	
1	Từ QL37 (ngã ba Khuôn Ngàn) đến hết đất Trường THPT Nguyễn Huệ	2.500
2	Từ hết đất Trường THPT Nguyễn Huệ đến hết đất Trường THCS xã Phú Thịnh	700

3	Từ giáp đất Trường THCS xã Phú Thịnh đến cầu tràn Phú Minh	450
4	Từ cầu tràn Phú Minh đến ngã ba Phú Minh	800
5	Từ ngã ba Phú Minh đến hết đất xã Phú Thịnh (Giáp đất xã Phú Cường)	450
6	Từ giáp đất xã Phú Thịnh đến Km5 + 800m	
6.1	Từ giáp đất xã Phú Thịnh đến Km5 + 200m (Trước cửa nhà ông Uớc)	500
6.2	Từ Km5 + 200m trước cửa nhà ông Uớc đến Km5 + 800 m (hết đất UBND xã Phú Cường cũ)	600
7	Từ Km5 + 800m (hết đất UBND xã Phú Cường cũ) đến Km 6 (Thổ cư nhà ông Quyền)	500
8	Từ Km6 (Thổ cư nhà ông Quyền) đến Km6 + 900m (cổng Đồng Hàng)	600
9	Từ Km6 + 900m (Cổng Đồng Hàng) đến Km8 + 300m	450
10	Từ Km 8 + 300m đến hết đất xã Phú Cường (Km 8 + 900)	300
11	Từ giáp đất xã Phú Cường đến đầm Thảm Mỡ xã Minh Tiến	400
12	Từ đầm Thảm Mỡ xã Minh Tiến đến Trạm bơm điện xã Minh Tiến	
12.1	Từ hết đầm Thảm Mỡ đến cầu Cảnh Thịnh xã Minh Tiến	600
12.2	Từ cầu Cảnh Thịnh xã Minh Tiến đến Trạm bơm điện xã Minh Tiến	800
13	Từ Trạm bơm điện xã Minh Tiến đến hết đất xã Minh Tiến (giáp đất huyện Định Hoá)	400
14	Trục phụ 264	
14.1	Nhánh từ ngã ba chợ cũ xã Minh Tiến đến trạm điện xóm 8 xã Minh Tiến	700
14.2	Từ trạm điện xóm 8 xã Minh Tiến đến hết đất xã Minh Tiến (giáp đất xã Phúc Lương)	250
14.3	Từ ngã ba (giáp nhà ông Khiên) đến cầu treo sắt (đường vào trạm y tế xã Minh Tiến)	500
14.4	Từ Cầu sắt (đường rẽ vào xóm Lưu Quang) đến Nhà văn hoá xóm 1 Lưu Quang xã Minh Tiến	250
V	Đường 263 Từ ngã ba Phú Minh - Đi huyện Đại Từ	
1	Từ ngã ba Phú Minh đến hết đất xã Phú Thịnh (giáp xã Phú Lạc)	350
2	Từ giáp đất xã Phú Thịnh đến hết đất xã Phú Lạc (giáp xã Đức Lương)	600
3	Từ ngã ba Chợ Trung tâm xã Phú Lạc đến cầu Đá xóm cây Nhừ	500
4	Từ Cầu Đá xóm Cây Nhừ đến hết đất xã Phú Lạc (giáp đất xã Tân Linh)	400
5	Từ Cầu Đá xóm Cây Nhừ xã Phú Lạc đi xóm Phương Nam 2 xóm Phương Nam 3 đến hết đất xã Bản Ngoại	300
6	Từ ngã ba trung tâm xóm Na Hoàn đến cầu treo Làng Vòng xã Phú Lạc	300
7	Từ giáp đất xã Phú Lạc đến cách UBND xã Đức Lương 200m	250
8	Từ UBND xã Đức Lương + 200m về 2 phía	400
9	Qua UBND xã Đức Lương 200m đến ngầm cầu Tuất xã Phúc Lương	200

10	Từ ngã cầu Tuất đến hết khu quy hoạch (giáp nghĩa trang liệt sỹ xã Phúc Lương)	350
11	Từ nghĩa trang liệt sỹ xã Phúc Lương đến cách UBND xã Phúc Lương cũ 300m	250
12	Từ cách UBND xã Phúc Lương cũ 300m đến ngã ba đường đi cầu Đá Dài	300
13	Từ ngã ba đi cầu Đá Dài đến hết đất xã Phúc Lương (giáp đất huyện Đại Từ)	250
C	Tuyến đường Na Mao - Phú Cường- Đức Lương	
1	Từ cầu Trần xóm Đồng ỏm xã Yên Lãng đến hết đất xã Na Mao (tiếp giáp đất xã Phú Cường)	250
2	Từ giáp đất xã Na Mao đến bờ Sông Công xã Phú Cường	300
3	Từ tiếp giáp đường ĐT 264 đến ngã ba xóm Na Quýt xã Phú Cường (trước cửa nhà ông Hoàng Văn Đường)	400
4	Từ ngã ba xóm Na Quýt xã Phú Cường (trước cửa nhà ông Hoàng Văn Đường) đến Km số 6 (trước cửa nhà ông Chư)	300
5	Km số 6 (trước cửa nhà ông Chư) đến hết đất xã Phú Cường (giáp đất xã Đức Lương)	200
6	Từ hết đất xã Phú Cường đến đường ĐT 263 (thuộc xã Đức Lương)	200
D	Tuyến đường Phúc Lương – Minh Tiến	
1	Từ ngã ba Mặt Giếng đến cầu Đồng Lốc xóm Bắc Máng	250
2	Từ cầu Đồng Lốc đến hết đất xã Phúc Lương (giáp đất xã Minh Tiến)	200

II. Giá đất ở nông thôn ngoài các trục giao thông chính, chưa được quy định trong bảng giá trên, thì áp dụng bảng giá sau:

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN	MỨC GIÁ		
	Vùng miền núi khu vực I	Vùng miền núi khu vực II	Vùng miền núi khu vực III
Loại 1	210	190	170
Loại 2	190	170	150
Loại 3	170	150	130
Loại 4	150	130	110

Ghi chú: Phân loại đất ở nông thôn theo quy định tại tiết 2.1, điểm 2, mục I, phần B hướng dẫn áp dụng bảng giá đất.

PHỤ LỤC SỐ 07

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở HUYỆN PHÚ LƯƠNG NĂM 2014
(Ban hành kèm theo Quyết định số 36/2013/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

I. Giá đất ở tại đô thị, giá đất ở tại nông thôn bám các trục giao thông chính, khu du lịch, khu thương mại, khu công nghiệp, các đầu mối giao thông.

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

SỐ TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
A	TRỤC QUỐC LỘ	
I	QUỐC LỘ 3 (Từ giáp đất TP Thái Nguyên đến hết đất xã Yên Ninh)	
1	Từ giáp đất TP Thái Nguyên đến Km 76+500	4.500
2	Từ Km 76 + 500 đến Km 77+500	3.500
3	Từ Km 77+500 đến Km 78+200 (hết đất Sơn Cẩm)	2.900
4	Từ Km 78+200 đến Km 79+400 (cách ngã 3 Bờ Đậu 100m về phía Ki ốt xăng dầu Mạnh Hùng)	2.100
5	Từ Km 79 + 400 đến Km 80 (đường rẽ vào NVH xóm Bờ Đậu)	2.500
6	Từ Km 80 đến Km 81+600	2.000
7	Từ Km 81+600 đến Km 83+300 (Cầu Giang Tiên)	1.700
8	Từ Km 83+300 (Cầu Giang Tiên) đến Km 83+600	2.000
9	Từ Km 83+600 đến Km 85	2.500
10	Từ Km 85 đến Km 85+660 (hết đất Giang Tiên)	2.000
11	Từ Km 85+660 đến Km 86+500 (cổng nghĩa trang liệt sỹ xã Phấn Mễ)	2.500
12	Từ Km 86+500 đến Km 88+700 (hết đất Phấn Mễ)	2.000
13	Từ Km 88+700 đến Km 89+400 (đất Động Đạt)	2.500
14	Từ Km 89+400 đến Km 90 (cổng bệnh viện ĐK huyện)	3.300
15	Từ Km 90 (cổng bệnh viện ĐK huyện) đến Km 91+200	4.400
16	Từ Km 91+200 đến Km 91+500	3.800
17	Từ Km 91+500 đến Km 92 + 450 (cổng Huyện Đội)	3.200
18	Từ Km 92 + 450 đến Km 93 + 100 (hết đất TT Đu)	2.500
19	Từ Km 93+100 đến Km 96	2.500
20	Từ Km 96 đến Km 96+800 (hết đất Động Đạt)	1.500
21	Từ Km 96+800 (hết đất Động Đạt) đến Km 97+500	1.000
22	Từ Km 97+500 đến Km 99 (khu chợ xã Yên Đổ)	1.800
23	Từ Km 99 (khu chợ xã Yên Đổ) đến Km 99 + 900	700
24	Từ Km 99+900 đến Km 100+100 (Ngã ba cây số 31)	1.200

25	Từ Km 100+100 (Ngã ba cây số 31) đến Km 104+700 (Giáp đất Yên Ninh)	700
26	Từ Km 104 +700 (Giáp đất Yên Ninh) đến Km 108+300	385
27	Từ Km 108+300 đến Km 110+400 (Cầu Suối Bén)	440
28	Từ Km 110+400 (Cầu Suối Bén) đến Km 112	660
29	Từ Km 112 đến Km 112+750 (đỉnh dốc Suối Bốc)	440
30	Từ Km 112+750 (đỉnh dốc Suối Bốc) đến Km 113+800 (Hết đất Yên Ninh)	660
	TRỤC PHỤ QUỐC LỘ 3	
1	Từ quốc lộ 3 (Km 75+300) đi cầu Bến Giềng đến cổng cũ trường đào tạo mỏ, xã Sơn Cẩm	
1.1	Từ Quốc lộ 3 (Km 75+300) +100 vào hết đất chợ Gốc Bàng	3.000
1.2	Sau 100m đến ngã ba sau UBND xã Sơn Cẩm	2.000
1.3	Từ ngã ba sau UBND xã Sơn Cẩm đến cầu Bến Giềng	1.500
1.4	Từ ngã ba sau UBND xã Sơn Cẩm đến cổng Trường đào tạo mỏ	1.300
1.5	Nhánh rẽ từ ngã ba cổng Trường đào tạo mỏ đến giáp bờ Sông (Cầu treo cũ)	1.000
1.6	Từ ngã 3 gần Cầu treo cũ đến cổng cũ trường Cao đẳng Công nghiệp Thái Nguyên	500
2	Từ Quốc lộ 3 (Km75+600) (trạm kiểm soát lâm sản) đến ngã ba đường rẽ Bến Giềng (ngã ba sau UBND xã Sơn Cẩm)	1.800
3	Đường QL3 cũ (đoạn nắn đường Quốc lộ 3)	3.000
4	Từ Quốc lộ 3 đến cầu Trắng 2 (đường đi trại giam Phú Sơn 4)	
4.1	Từ Quốc lộ 3 đến ngã 3 xi măng	2.000
4.2	Từ ngã 3 xi măng đến cầu Trắng 2	1.700
5	Từ QL3 đến trường tiểu học Sơn Cẩm I	2.000
6	Từ Quốc lộ 3 vào 150m đi kho gạo cũ	1.300
7	Từ Quốc lộ 3 đi Trung tâm giáo dục chữa bệnh XH	
7.1	Từ Quốc lộ 3 đến 200m	550
7.2	Sau 200m đến Trung tâm giáo dục chữa bệnh XH	330
8	Trục đường từ Quốc lộ 3 đi làng Ngói (xã Cổ Lũng)	
8.1	Từ Quốc lộ 3 đến 150m	550
8.2	Sau 150m đến 500m	350
9	Trục đường từ Quốc lộ 3 đi làng Phan (xã Cổ Lũng)	
9.1	Từ Quốc lộ 3 đến 150m	550
9.2	Sau 150m đến 500m	350
10	Trục đường từ Quốc lộ 3 + 200m đi Đình Cháy (xã Cổ Lũng)	550
11	Từ Quốc lộ 3 đi xóm Tân Long, xóm Bờ Đậu (xã Cổ Lũng)	
11.1	Từ Quốc lộ 3 đến 150m	550

11.2	Sau 150m đến 500m	350
12	Từ QL3 đến cầu cũ Giang Tiên (địa phận xã Cổ Lũng)	1.100
13	Từ Quốc lộ 3 đến cầu cũ Giang Tiên (địa phận thị trấn Giang Tiên)	1.100
14	Từ Quốc lộ 3 đi cầu Đất Ma Giang Tiên	
14.1	Từ Quốc lộ 3 +300m	700
14.2	Sau 300m đến đường rẽ NVH tiểu khu Giang Long	400
14.3	Từ đường rẽ NVH tiểu khu Giang Long đến cầu Đất Ma	300
15	Từ Quốc lộ 3 đi Bãi Bông	
15.1	Từ Quốc lộ 3 đến 100m	1.100
15.2	Sau 100m đến 300m đi Bãi Bông	400
16	Từ Quốc lộ 3 rẽ đi Văn phòng mỏ than Phấn Mễ (hết đất Giang Tiên)	1.200
17	Từ Quốc lộ 3 đến bãi than 3 mỏ than Phấn Mễ	800
18	Từ Quốc lộ 3 + 200 m đi khu hầm lò Mỏ Phấn Mễ	300
19	Trục đường từ Quốc lộ 3 đi Tân Bình (Vô Tranh)	
19.1	Từ Quốc lộ 3 đến NVH xóm Mỹ Khánh	800
19.2	Từ NVH xóm Mỹ Khánh đến đầm Thiều nhi	600
20	Từ QL3 đến cổng trường tiểu học Phấn Mễ 1	400
21	Từ Quốc lộ 3 đến cổng Trung tâm Dạy nghề huyện Phú Lương.	2.000
22	Từ cổng Trung tâm Dạy nghề huyện Phú Lương + 500m đi Thọ Lâm	1.100
23	Từ Quốc lộ 3 đến cổng phòng Giáo dục huyện Phú Lương	2.200
24	Từ Quốc lộ 3 đến hết đất khu dân cư Ngân hàng, Thương nghiệp	2.200
25	Từ Quốc lộ 3 + 250m đi Thọ Lâm (ngã ba)	1.600
26	Từ Quốc lộ 3 đến giáp đường đi Yên Lạc	
26.1	Từ Quốc lộ 3 đến cổng TT bồi dưỡng chính trị huyện	1.700
26.2	Từ cổng TT bồi dưỡng chính trị huyện đến giáp đường đi Yên Lạc	1.500
27	Từ Quốc lộ 3 đi Trường tiểu học TT- Đu	
27.1	Từ Quốc lộ 3 đến cổng Trường tiểu học TT- Đu	1.600
27.2	Từ cổng Trường tiểu học TT- Đu đến hết đường bê tông	1.000
28	Từ Quốc lộ 3 vào cổng Huyện đội Phú Lương	1.200
29	Từ Quốc lộ 3 đi hết địa phận xóm Gốc Vải (hai hướng)	250
30	Đường từ QL3 đi kho K87B	
30.1	Từ QL 3 đi hết địa phận xóm Phố Trào	600
30.2	Từ hết địa phận xóm phố Trào đến hết địa phận xóm Kẽm	300
30.3	Từ hết địa phận xóm Kẽm đến Cầu Khe Nác	250
30.4	Từ Cầu Khe Nác đến hết đất Yên Đổ	300

31	Từ Quốc lộ 3 +300m đi xóm Bắc Bé (Yên Ninh)	330
32	Từ Quốc lộ 3 + 200m đi đền Thắm (Chợ Mới, Bắc Kạn)	495
II	ĐƯỜNG QUỐC LỘ 1B (Đoạn từ Quốc lộ 3 đến cầu Cao Ngạn)	
1	Từ ngã tư Quốc lộ 3 đến 1.000 m	3.500
3	Sau 1.000m đến cầu Cao Ngạn	2.800
III	QUỐC LỘ 37 (Từ ngã ba bờ Đậu đến hết đất xã Cổ Lũng)	
1	Từ Ngã ba Bờ đậu đến 100m	2.000
2	Sau 100 m đến 500m	1.700
3	Sau 500 m đến cầu Lò Bát	1.000
4	Từ Cầu Lò Bát đến hết đất xã Cổ Lũng (giáp đất Đại từ)	900
B	CÁC TRỤC ĐƯỜNG TỈNH LỘ	
I	TRỤC ĐƯỜNG 263 (Từ quốc lộ 3 đến hết đất xã Ôn Lương)	
1	Từ Km 0 đến Cầu Tràn	1.700
2	Từ Cầu Tràn đến Km 1+300 (lối rẽ đi Cổ Cò)	1.200
3	Từ Km 1+300 đến Km 1+ 900 (hết đất Động Đạt)	1.000
4	Từ Km 1+900 đến Km 3	300
5	Từ Km 3 đến Km 4	370
6	Từ Km 4 đến Km 5 + 500	210
7	Từ Km 5 + 500 đến Km 6 + 800 (hết đất Phủ Lý)	240
8	Từ Km 6 +800 đến Km 7+300	240
9	Từ Km 7+300 đến Km 7+800 (cầu Bến Gió)	800
10	Từ Km 7+800 đến ngã tư Ôn Lương	880
11	Từ ngã tư Ôn Lương + 100 m đi Phú Lạc	880
12	Từ cách ngã tư Ôn Lương 100m đến ngã ba rẽ NVH xóm Xuân Trường, xã Ôn Lương	660
13	Từ ngã ba đường rẽ NVH xóm Xuân Trường, xã Ôn Lương đến hết đất Ôn Lương	550
II	TRỤC ĐƯỜNG 268 (Từ quốc lộ 3 đến giáp đất huyện Định Hóa)	
1	Từ Km 0 đến Km 0+100	1.100
2	Từ Km 0 +100 đến Km 2	300
3	Từ Km 2 đến Km 2+400	400
4	Từ Km 2+400 đến giáp đất Định Hoá	300
C	CÁC TRỤC ĐƯỜNG LIÊN XÃ	

I	Tuyến Đường Sơn Cẩm - Vô Tranh	
1	Từ cầu Bến Giềng đến ngã ba Quang Trung 2	700
2	Từ ngã ba Quang Trung 2 đến hết sân bóng xóm Hiệp Lực	500
3	Từ giáp sân bóng xóm Hiệp Lực đến ngã ba xóm Thanh Trà 1	400
4	Từ ngã ba xóm Thanh Trà 1 đến cầu Khe Húng (giáp đất Vô Tranh)	300
II	Tuyến đường Sơn Cẩm đi xã Phúc Hà (TP Thái Nguyên) và xã An Khánh (huyện Đại Từ)	
1	Từ Quốc lộ 3 đến gặp đường sắt	3.300
2	Từ đường sắt đến ngã ba rẽ trái tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên	2.700
3	Từ ngã ba rẽ trái tạm giam Công an Tỉnh Thái Nguyên đến ngã tư Chợ mỏ cũ	2.200
4	Từ ngã tư chợ mỏ cũ + 200m đi 3 phía	1.700
5	Từ cách ngã tư chợ mỏ cũ 200 đến cầu Sắt (đi xã An Khánh)	1.000
6	Từ cách ngã tư chợ mỏ cũ 200 đến cầu Treo (đi xã Phúc Hà)	1.000
7	Từ cách ngã tư chợ mỏ cũ 200m đến cầu Mười Thước (đi phường Tân Long)	1.000
III	Từ Giang Tiên - Phú Đô - Núi Phấn gặp Quốc lộ 3	
1	Từ Quốc lộ 3 đến cầu Lồng Bồng (hết đất Giang Tiên)	1.200
2	Từ cầu Lồng Bồng đến Km 0+650 m	650
3	Từ Km 0+650m đến Km số 2	450
4	Từ Km số 2 đến Km 4+700m (giáp đất Tức Tranh)	300
5	Từ Km 4+700 đến Km số 5 (Đầm Ao Xanh)	320
6	Từ Km số 5 đến Km 5+200m (hết cánh đồng Ao Xanh)	370
7	Từ Km 5 + 200 đến Km 6 +100m (Cầu Đồng Chùa, xã Tức Tranh)	650
8	Km 6+100 đến Km 7+300m (Xí nghiệp Chè)	750
9	Từ Km 7 +300 đến Km 7+600 (Cầu Tràn)	400
10	Từ Km 7+600 đến Km 8+200m (hết đất Tức Tranh)	350
11	Từ Km 8+200m đến Km 9+300 (ngã ba đường rẽ xóm Khe Vàng 1)	200
12	Từ Km 9+300 đến Km 11+300 (ngã ba đường rẽ xóm Cúc Lùng)	280
13	Từ Km 11+300 đến Km 12+500 (ngã ba đường rẽ đi xã Văn Lãng)	220
14	Từ Km 12+500 đến Km 15+300 (Cầu tràn Phú Đô 2)	210
15	Từ Km 15 + 300 đến Km 16+600 (giáp xã Yên Lạc)	200
16	Từ Km 16+600 (giáp đất Phú Đô) đến Km 17+800	250
17	Từ Km 17+800 đến Km 18+300	300
18	Từ Km 18+300 đến hết đất Yên Lạc	250
19	Từ giáp Yên Lạc đến gặp Quốc lộ 3	
19.1	Từ giáp đất Yên Lạc đến ngã ba rẽ vườn ươm (dự án 661)	500

19.2	Từ ngã ba rẽ vườn ươm (dự án 661) đến cổng nhà máy chè	600
19.3	Từ cổng nhà máy chè đến gặp QL 3	800
IV	Trục đường Phấn Mễ - Tức Tranh	
1	Từ Quốc lộ 3 +100m đi dốc Ông Thọ	300
2	Sau 100m đến dốc Ông Thọ (đi Tức Tranh)	200
3	Từ Đình dốc Ông Thọ đến NVH xóm Bãi Bằng	230
4	Từ NVH xóm Bãi Bằng đến Cầu Trắng	300
5	Từ Cầu Trắng đến NVH xóm Đồng Hút	300
6	Từ NVH xóm Đồng Hút đến ngã ba gặp đường Giang Tiên - Phú Đô - Núi Phán	450
V	Trục đường Quốc lộ 3 (Phấn Mễ) - Cầu Làng Giang - thị trấn Đu	
1	Từ QL3 đến cổng trường THCS Phấn Mễ 1	800
2	Từ cổng trường THCS Phấn Mễ 1 đến qua ngã tư Làng Bò 100m đi Làng Giang	400
3	Từ cách ngã tư Làng Bò 100m đến cách cầu Làng Giang 200 m	230
4	Từ cách cầu Làng Giang 200 m đến khu quy hoạch dân cư cầu Làng Giang	250
5	Từ khu QH dân cư cầu Làng Giang đến Cầu treo Làng Cọ (giáp thị trấn Đu)	230
6	Từ cầu Treo Làng Cọ đến cách Quốc lộ 3 300m	1.350
7	Từ sau 300m đến QL3	1.700
VI	Trục đường Đu - Yên Lạc	
1	Từ Bưu điện Phú Lương + 250m (đến ngã ba)	2.000
2	Từ ngã ba đến hết đất TT- Đu (giáp xã Động Đạt)	1.350
3	Từ giáp đất TT Đu đến Km 1	1.000
4	Từ Km 1 đến Km 3	800
5	Từ Km 3 đến hết đất Động Đạt	500
6	Từ giáp đất Động Đạt đến cách UBND xã Yên Lạc 200m	300
7	Trung tâm UBND xã Yên Lạc +200 m đi 2 phía	350
8	Cách UBND xã 200m đến gặp đường Giang Tiên - Phú Đô - Núi phán	300
VII	Trục đường liên xã Tức Tranh - Yên Lạc - Yên Đổ	
1	Từ cổng làng xóm Yên Thủy 4 đến hết đất xóm Yên Thủy 4	230
2	Từ hết đất xóm Yên Thủy 4 đến Cầu Ông Mạch	210
3	Từ Cầu Ông Mạch đến Nhà văn hoá xóm Yên Thủy 2 + 100m	230
4	Từ Nhà văn hoá xóm Yên Thủy 2 + 100m đến Cầu Yên Thủy 1	210
5	Từ Cầu Yên Thủy 1 đến Trung tâm UBND xã	300
6	Từ ngã 3 giáp đường Giang Tiên - Phú Đô - Núi Phán đến cổng làng Đồng Xiền	250
7	Từ cổng làng Đồng Xiền đến cách nhà văn hoá xóm Đẩu 100m	210
8	Từ cách Nhà văn hoá xóm Đẩu 100m đến hết đất xóm Đẩu	230

9	Từ hết đất xóm Đầu đến cầu Khe Lin	210
10	Từ cầu Khe Lin đến cách chợ xóm Ó 300m	250
11	Từ chợ xóm Ó + 300m đi 2 phía	300
12	Từ cách chợ xóm Ó 300m đến hết đất Yên Lạc	300
VIII	Tuyến đường liên xã xóm Đồng Bông - Yên Lạc đi xóm Quyết Thắng - Tức Tranh	
1	Từ ngã 3 Viện Tân - Na Mụ - Đồng Bông đến NVH xóm Đồng Bông + 100m	230
2	Từ NVH xóm Đồng Bông + 100m đến hết đất Yên Lạc (giáp Đồng Tiến - Tức Tranh)	210
IX	Trục đường Quốc lộ 3- Yên Ninh - Yên Trạch - Phú Tiến	
1	Từ Quốc lộ 3 đến Cầu Trần (đi Yên Trạch)	230
2	Từ cầu Trần đến hết đất Yên Ninh	200
3	Từ cổng trường cấp II xã Yên Trạch +100m đi Yên Ninh, từ cổng trường cấp II + 250m đi Phú Tiến	230
4	Từ cách cổng trường cấp II 250m đến qua đường rẽ cổng chợ Yên Trạch 100m hướng đi Phú Tiến	190
5	Từ ngã 3 rẽ Bản Héo +50m đi Yên Ninh, từ ngã 3 rẽ Bản Héo +100m đi Phú Tiến	190
6	Các đoạn còn lại của trục đường Yên Ninh - Yên Trạch - Phú Tiến (thuộc địa phận xã Yên Trạch)	180
X	Trục đường Phủ Lý - ATK Hợp Thành	
11	Từ ngã ba chợ Hợp Thành đến ngã ba Phú Thành	440
2	Từ ngã 3 Phú Thành đến Bưu điện văn hóa xã	250
3	Từ Bưu điện VH xã đến cách ngã ba đình Làng Mới 100m	210
4	Từ ngã 3 đình Làng Mới + 100m về 3 phía	250
5	Từ ngã 3 đình Làng Mới + 100m đi xóm làng Mon (đến giáp đất Phủ Lý)	210
6	Từ Cầu Na Lậu đến cống Na Nhạp	220
7	Từ cống Na Nhạp đến hết đất Phủ Lý	210
D	CÁC ĐƯỜNG KHÁC	
I	XÃ SƠN CẨM	
1	Đường trong khu tái định cư xã Sơn Cẩm	3.600
2	Đoạn Từ ngã ba cổng trường tiểu học Tân Long đến cổng cũ trường Cao đẳng Công nghiệp	1.800
3	Đoạn Từ ngã ba cổng trường tiểu học Tân Long +200m đi xí nghiệp gạch Tân Long	1.200
4	Từ ngã ba VP mỏ đến cổng trường PTTH Khánh Hoà	2.000
5	Nhánh rẽ Trại tạm giam Công an Tỉnh Thái Nguyên	
5.1	Từ ngã ba rẽ Trại tạm giam đi 200m về phía Trại tạm giam Công an Tỉnh Thái	700

	Nguyên	
5.2	Từ 200m đến Trại tạm giam Công an Tỉnh	500
II	THỊ TRẤN GIANG TIỀN	
1	Đất khu dân cư trong chợ Giang Tiên	1.700
2	Các trục đường liên phố, tiểu khu khác chưa kể tên	
2.1	Đường đầu nối với đường từ Quốc lộ 3 đi cầu Đất Ma Giang Tiên, đến hết khu di tích Bazuka	500
2.2	Từ bãi than 3 mỏ than Phấn Mễ rẽ hai phía đến hết đất thị trấn Giang Tiên	300
2.3	Các đường bê tông có đầu nối với QL3 vào 150m.	600
2.4	Các đoạn đường bê tông đầu nối với QL3 còn lại sau 150m.	270
2.5	Đường bê tông (không đầu nối với QL3)	270
2.6	Đường đất	240
III	THỊ TRẤN ĐU	
1	Các trục đường thuộc TT Đu chưa kể tên	
1.1	Đường bê tông (có đầu nối với QL3):	
-	Đường bê tông (Km 89+700) vào đến hết đường bê tông.	900
-	Đường bê tông (Km 89+810) vào 250m.	900
-	Đường bê tông (Km 90+250) (cạnh điện lực Phú Lương) vào 250m.	900
-	Đường bê tông (Km 90+500) vào đến hết đường bê tông.	900
-	Đường bê tông (Km 90+550) vào đến NVH tiểu khu Thái An	900
-	Đường bê tông (Km 91+50) vào đầu nối với đường Đu - Yên Lạc	1.500
-	Đường bê tông (Km 91+580) (đường vào UBND xã Động Đạt cũ) đến hết đất TT Đu	1.500
-	Đường bê tông (Km 91+690) (đường vào Đền Liệt sỹ) vào đến hết đường bê tông.	1.500
-	Đường bê tông (Km 91+850) vào đến hết đường bê tông.	900
-	Đường bê tông (Km 91+950) vào đến hết đường bê tông.	1.500
-	Đường bê tông (Km 92+230) vào đến hết đường bê tông.	900
-	Đường bê tông (Km 92+780) vào 250m.	900
1.2	Đường bê tông (không đầu nối với QL3)	750
1.3	Đường đất	
-	Đường rộng $\geq 3,5m$	600
-	Đường rộng $< 3,5m$	500
IV	XÃ YÊN ĐỒ	
1	Đường quy hoạch dân cư sau chợ Trào Yên Đổ	450
2	Đường nối đường tỉnh lộ 263 với Tỉnh lộ 268	220

V	XÃ ÔN LƯƠNG	
1	Nhánh rẽ từ trục đường tỉnh lộ 263 đi xã Ôn Lương	
1.1	Từ đường 263 đến hết đất UBND xã Ôn Lương (ngã ba)	750
1.2	Từ giáp đất UBND xã + 100m đi 2 nhánh	650
2	Đường làng nghề xã Ôn Lương	
2.1	Từ ngã ba xóm Thâm Đông đi NVH xóm Đàm Rum	380
2.2	Đoạn đường còn lại thuộc đường làng nghề xã Ôn Lương	300
2.3	Đoạn từ NVH xóm Na Tũn đến Nhánh 3 đường làng nghề	220
3	Nhánh rẽ từ trục đường 263 + 200m đi trạm Y tế xã Ôn Lương	700
4	Đường du lịch làng nghề hồ Na Mạt	
4.1	Từ trục đường 263 +150m đi xóm Na Pặng	500
4.2	Từ ngã ba xóm Thâm Đông +100m đi hồ Na Mạt	400
4.3	Từ cách ngã ba xóm Thâm Đông 100m đến Hồ Na Mạt	350
5	Nhánh rẽ từ ngã ba Cầu Gậy xã Ôn Lương đi xóm Cây Thị	400
6	Đường bê tông nối " Nhánh rẽ từ ngã ba Cầu Gậy xã Ôn Lương đi xóm Cây Thị "	220
7	Từ đầu nối đường 263 (Km 8+780) (xóm Khau Lai) đến ngã ba sau trạm y tế	250
8	Từ đường 263 (Km 9+300) qua NVH xóm Xuân Trường nối đường 263 (Km 9+900)	220
VI	XÃ HỢP THÀNH	
1	Từ ngã ba làng Mon đến nhà văn hóa Khuôn Lân + 400 (hết đường nhựa)	210
2	Tuyến bê tông liên xóm Kết-Tiến Thành (đường nối đường TL 263 với đường Phủ Lý – ATK Hợp Thành)	200
3	Tuyến trục B Phú Thành đến Làng Mới	220
4	Từ ngã 3 Đình Làng Mới +100m đến giáp xóm Hàm Rồng, xã Phúc Lương, huyện Đại Từ	210
VII	XÃ VÔ TRẠNH	
1	Từ ngã ba Bình Long +100m đi UBND xã Vô trạnh	450
2	Trục đường từ ngã ba chợ Vô Tranh cũ đi xóm Toàn Thắng	
2.1	Từ ngã ba chợ Vô Tranh cũ + 300m	350
2.2	Từ cách ngã ba chợ cũ 300m đến cầu Xoan Đào đi xóm Toàn Thắng	250
2.3	Từ cầu Xoan Đào đến ngã ba đường rẽ đi xóm Thống Nhất	300
3	Trục đường từ ngã ba chợ Vô Tranh cũ đến đường Giang Tiên - Phú Đô - Núi Phấn	
3.1	Từ ngã ba chợ Vô Tranh cũ + 300m	350
3.2	Từ cách ngã ba chợ Vô Tranh cũ +300m đến cách đường Giang Tiên - Phú Đô - Núi Phấn 100m	250

4	Từ ngã ba chợ Vô Tranh cũ đi trại giam Phú Sơn 4	
4.1	Từ ngã ba chợ cũ + 400m	400
4.2	Từ cách ngã ba chợ cũ 400m đến Cổng phân trại K4 - Phú Sơn 4	250
5	Từ cách ngã ba chợ cũ 400m đến cầu Húng (giáp xã Sơn Cẩm)	250
6	Từ ngã ba trường học xóm Thống Nhất 4 đến phân trại K3 - Phú Sơn 4	250
7	Từ ngã tư xóm Tân bình 3 +150m đi 3 phía (trừ phía đi xóm Tân Bình 4)	300
VIII	XÃ TỨC TRANH	
1	Đường bê tông từ đường Giang Tiên - Phú Đô - Núi Phấn đi xóm Đồng Tiến (từ ngã ba chợ Tức Tranh đi xóm Đồng Tiến)	
1.1	Từ đường Giang Tiên - Phú Đô - Núi Phấn +200m đi xóm Đồng Tiến	450
1.2	Từ sau 200m đến hết đường bê tông	250
2	Đường bê tông từ đường Giang Tiên - Phú Đô - Núi Phấn đi xóm Đồng Lòng (từ Nhà máy Chè đi xóm Đồng Lòng)	
2.1	Từ đường Giang Tiên - Phú Đô - Núi Phấn +300m đi xóm Đồng Lòng	350
2.2	Từ sau 300m đến hết đường bê tông	250
3	Đường bê tông từ đường Phấn Mễ - Tức Tranh đi xóm Minh Hợp	
3.1	Từ đường Phấn Mễ - Tức Tranh +300m đi xóm Minh Hợp	250
3.2	Từ sau 300m đến hết đường bê tông	210
4	Đường bê tông từ đường Giang Tiên - Phú Đô - Núi Phấn đi xóm Thâm Gắng	
4.1	Từ đường Giang Tiên - Phú Đô - Núi Phấn +300m đi xóm Thâm Gắng	250
4.2	Từ sau 300 đến hết đường bê tông	210

II. Giá đất ở tại nông thôn ngoài các trục giao thông chính, chưa được quy định trong bảng giá trên, thì áp dụng bảng giá sau:

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN	MỨC GIÁ		
	Vùng miền núi khu vực I	Vùng miền núi khu vực II	Vùng miền núi khu vực III
Loại 1	220	200	175
Loại 2	200	180	155
Loại 3	180	160	135
Loại 4	160	140	115

Ghi chú: Phân loại đất ở nông thôn theo quy định tại tiết 2.1, điểm 2, mục I, phần B hướng dẫn áp dụng bảng giá đất.

PHỤ LỤC SỐ 08

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở HUYỆN ĐỊNH HOÁ NĂM 2014
(Ban hành kèm theo Quyết định số 36/2013/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

I. Giá đất ở tại đô thị, giá đất ở tại nông thôn bám các trục giao thông chính, khu du lịch, khu thương mại, khu công nghiệp, các đầu mối giao thông.

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

SỐ TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
I	TRỤC ĐƯỜNG 268	
1	XÃ PHÚ TIỀN	
1.1	Từ Km 2 + 950 (giáp đất Phú Lương) đến Km 3 + 870	250
1.2	Từ Km 3 + 870 đến Km 4	300
1.3	Từ Km 4 đến đầu cầu Đen	400
1.4	Từ đầu Cầu đen đến Km 5	550
1.5	Từ Km 5 đến Km 5 + 120	450
1.6	Từ Km 5 + 120 đến Km 8 + 820 (giáp đất Bộc Nhiêu)	400
2	XÃ BỘC NHIÊU	
2.1	Từ Km 8 + 820 (giáp đất Phú Tiến) đến Km 9 + 500	500
3	XÃ TRUNG HỘI	
3.1	Từ Km 9 + 500 (giáp đất Bộc Nhiêu) đến Km 10 + 900)	350
3.2	Từ Km 10 + 900 đến Km 11 + 600	450
3.3	Từ Km 11 + 600 đến Km 12 + 200	450
3.4	Từ Km 12 + 200 đến Km 12 + 400	450
3.5	Từ Km 12 + 400 đến Km 12 + 630	500
3.6	Từ Km 12 + 630 đến Km 13 + 30	550
3.7	Từ Km 13 + 30 đến Km 13 + 270	600
3.8	Từ Km 13 + 270 đến Km 13 + 500	800
3.9	Từ Km 13 + 500 đến Km 13 + 900	1.400
3.10	Từ Km 13 + 900 đến cách Trung tâm ngã ba Quán Vuông 50m về phía Phú Tiến (Km 14)	2.000
3.11	Từ Km 14 đến Km 14 + 50 (trung tâm ngã ba Quán Vuông)	2.800
3.12	Km 14 + 50 (trung tâm ngã ba Quán Vuông) đến Km 14 + 100 (hướng đi Chợ Chu)	2.800
3.13	Từ Km 14 + 100 đến Km 14 + 200	2.000
3.14	Từ Km 14 + 200 đến Km 14 + 300	1.400

3.15	Từ Km 14 + 300 đến Km 14 + 500	1.200
3.16	Từ Km 14 + 500 đến Km 14 + 800	900
3.17	Từ Km 14 + 800 đến Km 15 + 500	750
3.18	Từ Km 15 + 500 đến Km 16 + 400 (giáp đất Bảo Cường)	600
4	XÃ BẢO CƯỜNG	
4.1	Từ Km 16 + 400 (giáp đất Trung Hội) đến đường rẽ UBND xã Bảo Cường (nhà ông Thao)	700
4.2	Từ đường rẽ Bảo Cường (nhà ông Thao) đến đường rẽ xóm Đồng Màn (nhà ông Nhân)	1.000
4.3	Từ đường rẽ Đồng Màn (nhà ông Nhân) đến ngã ba đường rẽ Bảo Cường - Đồng Thịnh (nhà ông Sơn)	1.600
4.4	Từ ngã ba đường rẽ Bảo Cường - Đồng Thịnh (nhà ông Sơn) đến đường rẽ vào thôn Khẩu Bảo	1.800
4.5	Từ đường rẽ Thôn Khẩu Bảo đến cầu Ba Ngạc	1.800
5	THỊ TRẤN CHỢ CHU (Trục đường 268)	
5.1	Từ cầu Ba Ngạc đến đường rẽ vào xóm Thâm Tý, Bảo Cường	2.500
5.2	Từ đường rẽ xóm Thâm Tý, Bảo Cường đến đường rẽ xóm Bãi Á 2.	3.500
5.3	Từ đường rẽ xóm Bãi Á 2 đến hết đất Trại vật tư huyện	3.800
5.4	Từ giáp đất Trại vật tư huyện đến hết đất chợ Tân Lập	4.000
5.5	Từ giáp đất chợ Tân Lập đến đường rẽ vào Huyện ủy	4.200
5.6	Từ đường rẽ vào Huyện ủy đến cách ngã tư trung tâm huyện 50 m	4.200
5.7	Ngã tư trung tâm huyện + 50 m về phía ngã tư lương thực và về phía hướng đi Thái Nguyên	4.500
5.8	Từ cách ngã tư trung tâm huyện 50 m đến đường rẽ vào Trường PTTH	4.000
5.9	Từ đường rẽ vào Trường PTTH đến đầu cầu Mới	3.500
5.10	Từ đầu cầu Mới đến cách ngã tư lương thực 50 m	3.500
5.11	Ngã tư lương thực + 50 m đi các phía	3.800
5.12	Từ cách ngã tư lương thực 50 m đến hết cửa hàng xăng dầu số 22	2.800
5.13	Từ cửa hàng xăng dầu số 22 đến cách ngã ba xóm Nà Lài 50 m	2.500
5.14	Ngã ba Nà Lài + 50 m đi các phía	2.700
5.15	Từ cách ngã ba Nà Lài 50 m đến đường rẽ vào xóm Nà Lài (đường rẽ vào nhà ông Thịnh)	1.500
5.16	Từ đường rẽ vào xóm Nà Lài đến đường rẽ Ao Nặm Cầm	1.000
5.17	Từ đường rẽ Ao Nặm Cầm đến Km 20 + 600 (giáp đất Kim Sơn)	600
6	XÃ KIM SƠN	
6.1	Từ Km 20 + 600 (giáp đất Chợ Chu) đến Km 24 + 300m	450
6.2	Từ Km 24 + 300 đến Km 24 + 700 (cách ngã ba Quy Kỳ 50 m)	600

6.3	Từ Km 24 + 700 đến Km 24 + 800	650
6.4	Từ Km 24 + 800 đến Km 25	400
6.5	Từ Km 25 đến Km 25 + 300 (giáp đất Quy Kỳ, đường đi Chợ Đồn)	300
7	XÃ QUY KỲ	
7.1	Từ Km 25 +300 đến giáp đất huyện Chợ Đồn	160
II	TRỤC PHỤ ĐƯỜNG 268	
1	XÃ PHÚ TIẾN	
1.1	Đường Phú Tiến - Yên Trạch	
1.1.1	Từ đường 268 rẽ đi Yên Trạch đến cầu Thôn 9 + 100m	250
1.1.2	Từ cầu Thôn 9 + 100m đến giáp đất Yên trạch	160
1.2	Đường Phú Tiến - Ôn Lương	
1.2.1	Từ đường 268 rẽ đi Ôn Lương đến ngã ba đi thôn 3, thôn 10	250
1.2.2	Từ ngã ba đi thôn 3, thôn 10 đến giáp đất Ôn Lương	160
2	XÃ BẢO CƯỜNG	
	Từ đường 268 (cạnh nhà ông Thao) rẽ vào UBND xã Bảo Cường	
2.1	Từ đường 268 vào 100 m	600
2.2	Cách đường 268+ 100 m đến cách ngã tư trung tâm xã 50 m	500
3	THỊ TRẤN CHỢ CHU	
3.1	Từ đường 268 rẽ vào xóm Bãi Á 2	
3.1.1	Đoạn từ đường 268 rẽ vào xóm Bãi Á 2 đến ngã ba đường rẽ nhà văn hóa xóm Bãi Á 2 (ngõ quán Hoa sữa)	800
3.1.2	Đoạn từ đường 268 rẽ vào xóm Bãi Á 2 đến ngã ba đường rẽ nhà văn hóa xóm Bãi Á 2 (ngõ rẽ từ quán Hiền Hà)	800
3.2	Đường bê tông rẽ vào Huyện ủy	
3.2.1	Từ đường 268 rẽ vào đường bê tông cổng Huyện Ủy	2.500
3.2.1.1	Nhánh rẽ từ đường bê tông Huyện ủy đến đường rẽ xóm Bãi Á 2 (đường quanh nhà thiếu nhi)	1.400
3.3	Đường từ ngã tư trung tâm huyện đến Đài tưởng niệm	
3.3.1	Ngã tư trung tâm huyện đến cổng UBND huyện	3.800
3.3.2	Từ cổng UBND huyện đến giáp Đài tưởng niệm	2.500
3.4	Ngã tư trung tâm huyện đi phố Tân Thành	
3.4.1	Từ ngã tư trung tâm huyện + 100 m	2.800
3.4.2	Cách ngã tư trung tâm huyện 100 m đến ngã ba Dốc Châu	2.000
3.5	Từ đường 268 rẽ vào đến xóm Hợp Thành	
3.5.1	Từ đường 268 đến cổng trường PTTH	2.000
3.5.2	Đoạn đường bê tông (từ đường vào trường THPT sang đến đường vào UBND	1.800

	huyện)	
3.5.3	Đường bê tông từ giáp đường vào trường cấp 3 Định Hóa đến hết nhà ông Vũ Ngọc Đình phố Trung Thành	700
3.5.4	Từ cổng trường PTTH đến hết xóm Hợp Thành	700
3.5.5	Đường bê tông từ giáp xóm Hợp Thành đi xóm Phúc Thành (Đoạn từ hết xóm Hợp Thành đến giáp đập Đồng Phủ xóm Phúc Thành)	500
3.6	Đường 268 rẽ vào xóm Ao Sen 100 m	1.000
3.7	Đường từ ngã tư lương thực đến cổng Bệnh viện đa khoa huyện (đường qua UBND thị trấn Chợ Chu)	2.000
3.8	Đường ngã tư lương thực - Chợ Chu - cầu Ba Ngạc	
3.8.1	Cách ngã tư lương thực 50 m đến đường rẽ vào Bệnh viện đa khoa huyện	2.400
3.8.2	Đường rẽ vào đến cổng Bệnh viện đa khoa huyện	2.000
3.8.3	Đường bê tông từ cổng Bệnh viện đa khoa huyện đi xóm Trung Việt tới giáp trục đường nhựa 268 (đi ao Nậm Cấm)	500
3.8.4	Từ đường rẽ vào Bệnh viện đa khoa huyện + 50 m về phía cầu Gốc Găng	2.200
3.8.5	Đoạn còn lại đến đầu cầu Gốc Găng	1.200
3.8.6	Từ cầu Gốc Găng đến cách gốc đa Chợ Chu 50 m	1.500
3.8.7	Từ gốc đa Chợ Chu + 50 m đi các phía	1.800
3.8.8	Các đoạn đường còn lại đi hết các phố Hoà Bình, Thống Nhất, Đoàn Kết	1.200
3.8.9	Từ cách gốc đa Chợ Chu 50 m đến đỉnh Dốc Châu	1.200
3.8.10	Từ đỉnh Dốc Châu đến Hạt kiểm lâm huyện	1.700
3.8.11	Từ cổng Hạt kiểm lâm huyện đến đường 268 (đường cũ)	1.200
3.9	Các đường còn lại thuộc thị trấn Chợ Chu	
3.9.1	Đường rộng $\geq 3,5$ m (từ trục chính vào 150m)	300
3.9.2	Đường rộng $\leq 3,5$ m nhưng lớn hơn 2,5 m (từ trục chính vào 150m)	200
4	XÃ KIM SƠN	
4.1	Từ ngã ba Quy Kỳ + 50 m (đi chợ Quy Kỳ)	650
4.2	Cách ngã ba Quy Kỳ 50 m đến giáp đất Quy Kỳ (đường vào chợ Quy Kỳ)	600
III	ĐƯỜNG 264 (hướng Bình Thành đi Quán Vuông)	
1	XÃ BÌNH THÀNH	
1.1	Từ Km 12 + 800 (giáp Đại Từ) đến Km 13 + 700	250
1.2	Từ Km 13 + 700 đến Km 14 + 600	230
1.3	Từ Km 14 + 600 đến Km 15 + 700	240
1.4	Từ Km 15 + 700 đến Km 16 + 500	220
1.5	Từ Km 16 + 500 đến Km 17 + 200	300
1.6	Từ Km 17 + 200 đến Km 17 + 900	270

1.7	Từ Km 17 + 900 đến Km 19 + 100	300
1.8	Từ Km 19 + 100 đến Km 19+600 (giáp đất Sơn Phú)	250
2	XÃ SƠN PHÚ	
2.1	Từ Km 19 + 600 (giáp đất Bình Thành) đến Km 21 + 300	300
2.2	Từ Km 21 + 300 đến Km 21 + 700	400
2.3	Từ Km 21 + 700 đến Km 22 + 200	450
2.4	Từ Km 22 + 200 đến Km 22 + 700	400
2.5	Từ Km 22 + 700 đến Km 23 + 400 (giáp đất Trung Lương)	300
3	XÃ TRUNG LƯƠNG	
3.1	Từ Km 23 + 400 (giáp đất Sơn Phú) đến Km 24 + 200	250
3.2	Từ Km 24 + 200 đến Km 24 + 900	350
3.3	Từ Km 24 + 900 đến Km 26 + 100	450
4	XÃ BÌNH YÊN	
4.1	Từ Km 26 + 100 đến Km 26 + 200	520
4.2	Từ Km 26 + 200 đến Km 26 + 250	550
4.3	Từ Km 26 + 250 đến Km 26 + 300	800
4.4	Từ Km 26 + 300 đến trung tâm ngã ba Bình Yên	1.100
4.5	Từ Trung tâm ngã ba Bình Yên + 100 m đi Phú Đình	2.000
4.6	Từ Trung tâm ngã ba Bình Yên + 100 m đi Quán Vuông (Km 26 + 500)	2.200
4.7	Từ Km 26 + 500 đến Km 26 + 600	1.800
4.8	Từ Km 26 + 600 đến Km 26 + 700	1.200
4.9	Từ Km 26 + 700 đến Km 26 + 800	1.000
4.10	Từ Km 26 + 800 đến Km 27 + 200	900
5	XÃ TRUNG LƯƠNG (tiếp)	
5.1	Từ Km 27 + 200 đến Km 28 + 800	900
5.2	Từ Km 28 + 800 đến Km 29 + 300	1.000
5.3	Từ Km 29 + 300 đến Km 29 + 800 (giáp đất Trung Hội)	800
6	XÃ TRUNG HỘI	
6.1	Từ Km 29 + 800 (giáp đất Trung Lương) đến Km 30 + 400	1.000
6.2	Từ Km 30 + 400 đến Km 30 + 500	700
6.3	Từ Km 30 + 500 đến Km 30 + 850	1.000
6.4	Từ Km 30 + 850 đến Km 30 + 900	1.500
6.5	Từ Km 30 + 900 đến Km 31 (ngã ba Quán Vuông)	1.800
IV	ĐƯỜNG ATK BÌNH YÊN-PHÚ ĐÌNH (Đường 264 B)	
1	XÃ BÌNH YÊN	

1.1	Từ Km 0 +100 đến Km 0 +300	1.000
1.2	Từ Km 0 + 300 đến Km 0 + 600	600
1.3	Từ Km 0 + 600 đến Km 1 + 500	500
1.4	Từ Km 1 + 500 đến Km 1 + 900	450
1.5	Từ Km 1 + 900 đến Km 2 (Ngã ba Đá Bay)	600
1.6	Từ Km 2 (Ngã ba Đá Bay) + 100 về các phía	600
1.7	Từ Km 2 + 100 đến Km 3 (giáp đất xã Diềm Mặc)	300
2	XÃ DIỀM MẶC	
2.1	Từ Km 3 (giáp đất Bình Yên) đến Km 4 + 400	300
2.2	Từ Km 4 + 400 đến Km 4 + 600	300
2.3	Từ Km 4 + 600 đến Km 4 + 900	350
2.4	Từ Km 4 + 900 đến Km 5 + 500	800
2.5	Từ Km 5 + 500 đến Km 5 + 600	600
2.6	Từ Km 5 + 600 đến Km 5 + 800	500
2.7	Từ Km 5 + 800 đến Km 5 + 900	450
2.8	Từ Km 5 + 900 đến Km 6 + 00	350
2.9	Từ Km 6 + 00 đến Km 6 + 400	300
2.10	Từ Km 6 + 400 đến Km 6 + 800	250
2.11	Từ Km 6 + 800 đến giáp đất xã Phú Đình (Km 6 + 900)	250
3	XÃ PHÚ ĐÌNH	
3.1	Từ Km 6 + 900 (giáp đất Diềm Mặc) đến Km 7 + 100	250
3.2	Từ Km 7 + 100 đến Km 7 + 200	250
3.3	Từ Km 7 + 200 đến đầu cầu Nạ Tiễn	300
3.4	Từ đầu cầu Nạ Tiễn đến Km 7 +750	300
3.5	Từ Km 7 +750 đến Km 8 +300	300
3.6	Từ Km 8 + 300 đến Km 8 +900	350
3.7	Từ Km 8 + 900 đến Km 9 +200	450
3.8	Từ Km 9 + 200 đến Km 9 + 600	1.000
3.9	Từ Km 9 + 600 đến Km 9 + 900	600
3.10	Từ Km 9 + 900 đến Km 10 + 150	450
3.11	Từ Km 10+150 đến Km 11 + 800	400
3.12	Từ Km 11+ 800 đến Km 11 + 950	400
3.13	Từ Km 11+ 950 đến Km 12 + 500	420
3.14	Từ Km 12 + 500 đến Km 13 + 400	400
3.15	Từ Km 13 + 400 đến Km 13 + 750 (Ngã ba đi Tuyên Quang)	500

3.16	Từ ngã ba đi Tuyên Quang +100 m đi các phía	460
3.17	Từ ngã ba đi Tuyên Quang +100 m đi Khuôn Tát (đến cây đa)	250
3.18	Từ ngã ba đi Tuyên Quang +100 đến giáp đất Tuyên Quang	250
V	ĐƯỜNG LIÊN XÃ BẢO CƯỜNG - ĐỒNG THỊNH	
1	Từ đường 268 vào 100 m	700
2	Cách đường 268 100m + 150 m tiếp theo	600
3	Đoạn còn lại đến cách ngã tư trung tâm xã 50 m	700
4	Ngã tư trung tâm xã + 50 m về các phía	800
5	Từ ngã tư trung tâm xã Bảo Cường+50 m đến giáp đất Đồng Thịnh	350
6	Từ giáp đất Bảo Cường đến cổng trường T.H.C.S Đồng Thịnh	250
7	Từ cổng trường T.H.C.S đến đập tràn Thác Lầm	350
8	Từ đập tràn Thác Lầm đến ngã ba An Thịnh 1	200
VI	ĐƯỜNG LIÊN XÃ CHỢ CHU- LAM VỸ	
1	Từ cầu Gốc sung đến đường rẽ vào Chùa hang + 50m đi vào Phụng Tiến	500
2	Cách đường rẽ chùa hang 50 m đến giáp đất Phụng Tiến	350
3	Từ đất Phụng Tiến đến ngã ba Cầu tràn Tân Dương	350
4	Từ Cầu tràn Tân Dương đến Km 2	250
5	Từ Km 2 đến ngã ba đường vào xóm 5A, 5B	250
6	Từ ngã ba đường xóm 5A, 5B đến Km 3	350
7	Từ Km 3 đến Km 4	250
8	Từ Km 4 đến Km 5 (giáp đất Tân Thịnh)	230
9	Từ Km 5 (giáp đất Tân Dương) đến Cầu Đồng Khiếu	200
10	Từ Cầu Đồng Khiếu đến cột điện cao thế 98 đường dây 376	250
11	Cột điện cao thế 98 đường dây 376 đến trạm biến áp trung tâm	350
12	Từ trạm biến áp trung tâm đến cầu tràn Hát Mấy	200
13	Từ cầu tràn Hát Mấy đến giáp đất Lam Vỹ	200
14	Từ đất Lam Vỹ đến Cầu Nghiu	200
15	Từ Cầu Nghiu đến km 9+840 (cột điện hạ thế nhà ông Thanh)	300
16	Từ Km 9 + 840 (cột điện hạ thế nhà ông Thanh) đến Km 10 (cột điện thoại nhà ông Xanh)	800
17	Từ Km 10 (cột điện thoại nhà ông Xanh) đến Km 10 + 300 (cột hạ thế nhà ông Hiệp)	800
18	Từ Km 10 +300 (cột hạ thế Nhà ông Hiệp) đến cầu Trung Tâm	500
19	Từ Km 10 + 600 (cầu Trung Tâm) đến đường rẽ trường Tiểu học (Km 10+700 - ngã ba Trung Tâm)	300
20	Từ Km 10 + 700 (đường rẽ trường Tiểu học) đến Km 14 + 300 (cổng qua đư-	160

	ờng nhà ông Hoàn)	
21	Từ Km 14 + 300 (cổng qua đường nhà ông Hoàn) đến Km 15 (cổng qua đường nhà ông Quý)	200
22	Từ Km 15 (cổng qua đường nhà ông Quý) đến giáp đất xã Linh Thông	150
23	Từ ngã ba Trung tâm đến cổng trường trung học cơ sở xã Lam Vỹ	400
VII	ĐƯỜNG LIÊN THÔN XÓM (Từ đầu cầu treo Tân Thịnh đến hết đất Làng Duyên xã Tân Thịnh)	
1	Từ đầu cầu treo đến cột hạ thế trung tâm số 69	140
VIII	TRỤC ĐƯỜNG LIÊN XÃ THANH ĐỊNH - BẢO LINH	
1	Từ đầm Đá bay đến cột cao thế 473/04 (xóm Khuẩn Nghè)	250
2	Từ cột cao thế 473/04 đến cột cao thế 473/07 (xóm Khuẩn Nghè)	200
3	Từ cột cao thế 473/07 (xóm Khuẩn Nghè) đến cột điện cao thế số 473/11 (xóm Thắm Thia)	300
4	Từ cột điện cao thế số 473/11 (xóm Thắm Thia) đến cột điện hạ thế số 6 xóm Nạ Mao	380
5	Từ cột điện hạ thế số 6 xóm Nạ Mao đến cầu phươn Thanh Xuân.	300
6	Từ cầu Phươn Thanh Xuân đến ngã ba Văn Lang + 100 m hướng đi xã Bảo Linh	300
7	Từ ngã ba Văn Lang + 100 m đến cột hạ thế số 5 (xóm Nạ Chèn)	250
8	Từ cột hạ thế số B9 xóm Nạ Chèn đến giáp đất xã Bảo Linh	160
IX	TRỤC ĐƯỜNG LIÊN XÃ Quy Kỳ - Linh Thông - Lam Vỹ	
1	Từ giáp đất Kim Sơn đến qua cổng chợ Quy Kỳ 100 m	600
2	Từ qua cổng chợ Quy Kỳ 100 m đến cầu tràn Kim Phượng	300
3	Từ cầu tràn Kim Phượng đến giáp trạm Y tế xã Quy kỳ	400
4	Từ Trạm y tế xã Quy Kỳ đến hết cổng trường mầm non xã Quy Kỳ	500
5	Từ trường mầm non xã Quy Kỳ đến Km 4 + 200 (giáp đất Linh Thông)	200
6	Từ Km 4 + 200 đến Km 7 + 350	160
7	Từ Km 7 + 350 đến Km 10 + 200	200
8	Từ Km 10 + 200 đến Km 11 (giáp đất Lam Vỹ)	160
X	TRỤC ĐƯỜNG LIÊN XÃ Phúc Chu - Bảo Linh	
1	Cách ngã ba Nà Lài 50 m đến hết đất nhà ông Bạch	900
2	Từ nhà ông Bạch đến giáp đất Phúc Chu	700
3	Từ Km 0 +660 (giáp đất Chợ Chu) đến Km 1 + 130	350

4	Từ Km 1+130 đến Km 1+ 850	600
5	Từ Km 1+850 đến Km 3	350
6	Từ Km 3 đến Km 6+200	300
7	Từ Km 6 +200 đến đường rẽ đi Khuổi Chao	200
8	Từ đường rẽ đi Khuổi Chao đến cầu đập chính	350
9	Từ cầu đập chính đến cách ngã ba Đồng Rằm 50m	220
10	Từ ngã ba Đồng Rằm đi các phía 50 m	250
11	Từ ngã ba Đồng Rằm + 50 m đến giáp đất Bảo Linh	160
12	Từ giáp đất Định Biên đến cách ngã ba trạm điện số 1 (100 m)	160
13	Từ cổng chợ Trung tâm Cụm xã Bảo Linh đi Định Biên 50 m; Đi UBND xã Bảo Linh 100 m	220
14	Cách chợ trung tâm cụm xã 100 m đến cách ngã ba trạm điện số 1 Bảo Linh 100 m	200
15	Từ ngã ba trạm điện số 1 Bảo Linh về các phía 100 m	300
16	Từ ngã ba rẽ trường T.H.C.S Bảo Linh đi các phía 40 m	300
17	Từ ngã ba rẽ trường T.H.C.S Bảo Linh + 40 m đến giáp đất Thanh Định	200
18	Cách ngã ba rẽ trường T.H.C.S Bảo Linh 40 m đến cổng trường Tiểu học	200
XI	ĐƯỜNG LIÊN XÃ	
	Nà Guồng - Đồng Thịnh	
1	Từ Km 0 đến Km 0 + 500	450
2	Từ Km 0 + 500 (giáp đất Trung Lương) đến Km 1 + 500 (cách chợ 100 m)	300
3	Từ Km 1 + 500 đến Km 1 + 700	450
4	Từ Km 1 + 700 đến Km 2 + 100	300
5	Từ Km 2 + 100 đến Km 3 + 200 (giáp đất Định Biên)	220
6	Từ Km 3 + 200 đến cách ngã ba cầu Vàng chương 100m	220
7	Từ cách ngã ba cầu vàng chương 100m đến đường rẽ xóm Noong Nía	400
8	Từ đường rẽ xóm Noong Nía đến giáp đường liên xã Phúc Chu-Bảo Linh	200
XII	ĐƯỜNG LIÊN XÃ	
	Tân Dương - Phượng Tiến – Trung Hội	
1	Từ Km 0 (cầu Trần Tân Dương) đến đường rẽ xóm Pải (nhà ông Việt)	300
2	Từ Đường rẽ xóm Pải đến cách ngã ba trung tâm xã Phượng Tiến 50m	500
3	Ngã ba trung tâm xã Phượng Tiến + 50m đi các phía	550
4	Từ ngã ba trung tâm xã Phượng Tiến + 50m đến Km 4	250
5	Từ Km 4 đến Km 6 + 400	250
6	Từ Km 6 + 400 đến Km 9	200

7	Từ Km 9 đến giáp đường 268	300
XIII	ĐƯỜNG LIÊN THÔN Xã Phụng Tiến	
1	Đường liên thôn ngã ba Nạ Poọc đi xóm Héo đến hết đường nhựa(Nạ Poọc- Nà Lang- Xóm Héo)	160
2	Từ Ngã ba trung tâm xã + 50m đi xóm Pa goải, xóm Đình	200
XIV	ĐƯỜNG LIÊN XÃ Chợ Chu - Kim Phụng	
1	Từ ngã ba đường rẽ Kim Phụng đến hết đất Chợ Chu	400
2	Từ cột điện số 7 (giáp Chợ Chu) đến Trạm Biến Thế Cạm Phước + 200 m	300
3	Cách Trạm Biến thế Cạm Phước + 200 m đến đầu Cầu treo liên xã Kim Phụng - Lam Vỹ	350
4	Từ Cầu treo liên xã Kim Phụng - Lam Vỹ đến Bản Lác (bia di tích lịch sử thành lập chính quyền huyện Định Hóa)	200
5	Từ Cầu treo liên xã Kim Phụng đến giáp đất Lam Vỹ (Đèo Bồn)	200
XV	ĐƯỜNG LIÊN XÃ Bộc Nhiêu – Bình Thành	
1	Từ trục đường 268 rẽ đi Bộc Nhiêu + 50 m đến Km 4 + 200	250
2	Từ Km 4 + 200 đến Km 5 + 300	400
3	Từ Km 5 + 300 đến đường 264 (xã Bình Thành)	220
4	Từ cầu trung tâm xã + 100 m đi các phía	400
5	Từ cầu trung tâm xã + 100 m đến hết đất Văn Nhiêu	200
XVI	ĐƯỜNG LIÊN THÔN (xã Đồng Thịnh)	
1	Đoạn từ Cầu treo xóm Đèo Tọt đến Ngã ba Trường Mầm Non xã Đồng Thịnh	200
XVII	ĐƯỜNG LIÊN THÔN (xã Linh Thông)	
1	Từ Ngã ba Bản Chang đến cầu Đông Khán	160
2	Từ cầu Đông Khán đến ngã ba Cốc Móc	200
3	Trục đường bê tông Bản Chang- Nà Lá- Nà Chú	130
4	Trục đường bê tông Tân Vàng	130
5	Trục đường nhựa Nà My - Tân Thái- Tân Trào	130
XVIII	Xung quanh các chợ nông thôn còn lại ngoài các trục đường đã quy định trên, có đường rộng từ 3m trở lên có mặt tiền bám chợ (chợ thành lập theo quyết định của UBND tỉnh)	300

II. Giá đất ở tại nông thôn ngoài những trục giao thông chính, chưa được quy định trong bảng giá trên, thì áp dụng bảng giá sau:

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN	MỨC GIÁ		
	Vùng miền núi khu vực I	Vùng miền núi khu vực II	Vùng miền núi khu vực III
Loại 1	200	170	160
Loại 2	160	140	130
Loại 3	130	110	100
Loại 4	100	90	80

Ghi chú:

Phân loại đất ở nông thôn theo quy định tại tiết 2.1, điểm 2, mục I, phần B hướng dẫn áp dụng bảng giá đất.

PHỤ LỤC SỐ 09

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở HUYỆN VÕ NHAH NĂM 2014

(Kèm theo Quyết định số 36 /2013/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

I. Giá đất ở tại đô thị, giá đất ở tại nông thôn bám các trục giao thông chính, khu du lịch, khu thương mại, khu công nghiệp, các đầu mối giao thông.

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

SỐ TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
A	TUYẾN QUỐC LỘ 1B	
I	Từ giáp đất Lạng Sơn đến ngã tư thị trấn Đình Cả	
1	Từ giáp đất Lạng sơn km (100 + 500) đến km 102	300
2	Từ km102 đến km102 +300	450
3	Từ km 102+300 đến km 103	650
4	Từ km 103 đến Cầu Vẽ (km 106)	450
5	Từ km 106 (cầu Vẽ) đến km 107+150 (cầu Suối Cạn)	1.500
6	Từ km 107+150 (cầu Suối Cạn) đến km 107+550 (cầu Nà Trang)	3.500
7	Từ km 107+550 (cầu Nà Trang) đến km 107+750 (ngã tư thị trấn Đình Cả)	4.000
II	Từ ngã tư thị trấn Đình Cả đến giáp đất huyện Đồng Hỷ	
1	Từ km 107+750 (ngã tư thị trấn Đình Cả) đến km 108 +120 (đường rẽ vào Trường Tiểu học thị trấn Đình Cả)	5.500

2	Từ km 108 +120 (đường rẽ vào Trường Tiểu học thị trấn Đình Cả) đến km 108+700 (cầu Rắn)	4.500
3	Từ km 108+700 (cầu Rắn) đến km 109 +400 (đường rẽ vào Trường THPT Võ Nhai)	3.000
4	Từ km 109 + 400 (đường rẽ vào Trường THPT Võ Nhai) đến km 109+900 (cổng Trường tiểu học Đông Bắc xã Lâu Thượng)	1.500
5	Từ km109+900 (cổng Trường tiểu học Đông Bắc xã Lâu Thượng) đến km 111+ 800	700
6	Từ km111+ 800 đến km 112+400 (đường rẽ vào Trường THCS Lâu Thượng)	1.500
7	Từ km 112+400 (đường rẽ vào Trường THCS Lâu Thượng) đến km 113+500 (đường rẽ vào phân Trường Tiểu học Làng Hang)	500
8	Từ km 113+500 (đường rẽ vào phân Trường Tiểu học Làng Hang) đến cổng khu công nghiệp Trúc Mai	600
9	Từ cổng khu công nghiệp Trúc Mai đến km 119+400	500
10	Từ km 119+400 đến km 124+100 (Trạm Y tế La Hiên)	600
11	Từ km 124 +100 (Trạm Y tế La Hiên) đến km 124+800 (đường rẽ vào trường THCS La Hiên)	1.000
12	Từ km 124+800 (đường rẽ vào trường THCS La Hiên) đến km 125+80 (đường rẽ vào UBND xã La hiên)	2.000
13	Từ km 125+80 (đường rẽ vào UBND xã La hiên) đến km125+200 (cầu La Hiên)	4.000
14	Từ km125+200 (cầu La Hiên) đến km 126+300 (Nhà máy nước khoáng AVA La Hiên)	2.000
15	Từ km 126+300 (Nhà máy nước khoáng AVA La Hiên) đến km 128+100 (giáp đất huyện Đồng Hỷ)	1.000
	TRỤC PHỤ QUỐC LỘ 1B	
1	Từ Quốc lộ 1B (km 108+ 120) đến cổng Trường tiểu học thị trấn Đình Cả	2.000
2	Từ Quốc lộ 1B (km 108+ 650) đến cổng bệnh viện Đa khoa huyện Võ Nhai	2.500
3	Từ Quốc lộ 1B (km 109+400) đến cổng Trường THPT Võ Nhai	1.500
4	Từ Quốc lộ 1B đến cổng Trung tâm chính trị Võ Nhai	2.000
B	TUYẾN TÍNH LỘ	
I	ĐƯỜNG ĐÌNH CẢ - BÌNH LONG (ĐT 265)	
1	Từ ngã tư Đình Cả đến cầu Sông Đào	6.000
2	Từ cầu Sông Đào đến cầu Đá Mài	650
3	Từ cầu Đá mài đến cầu Suối Lũ	300
4	Từ cầu Suối Lũ đến Km 7 (cổng Trường Tiểu học Tràng Xá)	400
5	Từ km7 (cổng Trường Tiểu học Tràng Xá) đến km 8 (cầu Bắc Bén)	600
6	Từ km 8 (cầu Bắc Bén) đến km 8+400 (Bưu điện VH xã Tràng Xá)	1.500
7	Từ km 8+400 (Bưu điện VH xã Tràng Xá) đến Km10+400	1.200

8	Từ Km10+400 đến Km10+800 (cổng Trường THCS Trảng Xá + 200m về 2 phía)	800
9	Từ Km10+800 đến Km13+400	300
10	Từ Km13+400 đến Km15+100	300
11	Từ Km15+100 đến Km15+500 (cổng chợ Dân Tiến + 200m về 2 phía)	1.200
12	Từ Km15+500 đến Km16+100	800
13	Từ Km16+100 đến Km16+500 (cổng Trường THCS Dân Tiến + 200m về 2 phía)	800
14	Từ Km16+500 đến Km ² 1+100	350
15	Từ Km ² 1+100 đến Km ² 1+700 (cổng chợ Bình Long + 300m về 2 phía)	800
16	Từ Km 21+700 đến giáp đất huyện Hữu Lũng - Lạng Sơn	300
	TRỤC PHỤ ĐÌNH CẢ - BÌNH LONG (ĐT265)	
1	Từ đường ĐT 265 (hiệu thuốc Trảng Xá) đến cổng UBND xã Trảng Xá và đường vào Trạm đa khoa khu vực	1.000
C	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG KHÁC	
I	ĐƯỜNG TRẢNG XÁ - PHƯƠNG GIAO	
1	Cổng Chợ Mừng +250m về 2 phía	800
2	Các đoạn còn lại của Đường Trảng Xá - Dân Tiến - Phương Giao	300
3	Cổng UBND xã Phương Giao +400m về 2 phía	400
II	ĐƯỜNG ĐÔNG BO XÃ TRẢNG XÁ	
1	Cổng chợ Đông Bo + 200m về hai phía	400
III	ĐƯỜNG LA HIỀN - VŨ CHẤN	
1	Từ Quốc lộ 1B đến Km0 +150m	2.500
2	Từ Km 0 +150 đến Km 1 (dốc Suối Đất)	1.000
3	Từ Km 1 (dốc Suối Đất) đến Km7+600 (đường rẽ vào trường THPT Trần Phú)	400
4	Từ Km7+600 (đường rẽ vào trường THPT Trần Phú) đến Km 8+100 (ngã ba Cúc Đường)	1.200
5	Từ Km 8+100 (ngã ba Cúc Đường) đến cổng trụ sở UBND xã Cúc Đường + 100m	600
6	Từ Km 8+100 (ngã ba Cúc Đường) + 200m đường đi Thần Sa, Thượng Nung	600
7	Từ cổng trụ sở UBND xã Cúc Đường+ 100m đến Km 9 (Trạm Y tế xã Cúc Đường)	550
8	Từ Trạm Y tế xã Cúc Đường đến hết UBND xã Vũ Chấn	180
IV	KHU VỰC CHỢ ĐÌNH CẢ	
1	Từ đường Đình Cả Bình Long (ĐT 265) đến hết đất trường THCS Đình Cả	3.000
2	Từ đường Đình Cả Bình Long (ĐT 265) vòng ra cổng chợ sau chợ (cổng phía đông)	3.500

3	Từ cổng sau chợ (cổng phía đông) + 150m đường đi Bãi Lai	2.000
4	Đoạn còn lại đường Bãi Lai đến QL 1B	1.500
5	Từ cầu Đình Cả theo đường bê tông rẽ về hai phía	3.500
V	ĐƯỜNG TỪ NGÃ TƯ ĐÌNH CẢ - CỔNG HUYỆN UỶ	
1	Từ ngã tư Đình Cả đến Ban chỉ huy quân sự huyện	3.000
2	Từ Ban chỉ huy quân sự huyện đến cổng Huyện uỷ	2.500
VI	Các vị trí đất nằm trên đường bao quanh chợ Thượng Nung, Liên Minh.	350
VII	ĐƯỜNG THƯỢNG NUNG - SẢNG MỘC	
1	Từ qua cổng chợ Thượng Nung 500 m đến qua ngã tư nhà Văn hóa xóm Trung Thành 100 m	200
	TRỤC PHỤ ĐƯỜNG THƯỢNG NUNG - SẢNG MỘC	
1	Từ đường liên xã Thượng Nung - Sảng Mộc đến cổng Trường THCS Thượng Nung	200
VIII	ĐƯỜNG LIÊN XÃ NGHINH TƯỜNG - SẢNG MỘC	
1	Từ trạm Kiểm lâm Nghinh Tường đến cầu Na Mao	300
	TRỤC PHỤ ĐƯỜNG LIÊN XÃ NGHINH TƯỜNG - SẢNG MỘC	
1	Từ cầu Na Mao đến UBND xã Nghinh Tường	300

II. Giá đất ở tại nông thôn ngoài những trục giao thông chính, chưa được quy định trong bảng giá trên, thì áp dụng bảng giá sau:

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN	MỨC GIÁ	
	Vùng miền núi	Vùng miền núi
	khu vực II	khu vực III
Loại 1	160	130
Loại 2	130	100
Loại 3	100	80
Loại 4	80	70

Ghi chú: Phân loại đất ở nông thôn theo quy định tại tiết 2.1, điểm 2, mục I, phần B hướng dẫn áp dụng bảng giá đất.